

TẠNG LUẬT

PHÂN TÍCH
GIỚI TỶ KHUỜ

TẬP HAI

TẠNG LUẬT

PHÂN TÍCH GIỚI TỶ KHUU

TẬP HAI

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đáng Chánh Biến Tri!

6. CHƯƠNG *PĀCITTIIYA*

Bách chư đại đức, chín mươi hai điều *pācittiya* này được
đưa ra đọc tụng.

6. 1. PHẨM NÓI DỐI

6. 1. 1. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI DỐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Hatthaka con trai dòng Sakya¹ nói năng tráo trở. Trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, vị ấy phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời. Những người ngoại đạo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao Hatthaka con trai dòng Sakya trong khi nói chuyện với chúng tôi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp Hatthaka con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Hatthaka con trai dòng Sakya điều này: - “Này đại đức Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, đại đức phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ

¹ Ngài Buddhaghosa nói rằng: “Nghe nói vào thời đức Phật có 80.000 người đàn ông đã từ dòng Sakya đi xuất gia, Hatthaka con trai dòng Sakya là một vị trong số đó” (VinA. iv, 735).

lời, có đúng không vậy?” - “Này các đại đức, những người ngoại đạo ấy cần bị đánh bại bằng bất cứ cách nào, sự chiến thắng là không bao giờ được dành cho bọn họ.” Các tỳ khưu ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao Hatthaka con trai dòng Sakya trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?”

3. Sau đó, khi đã khiển trách Hatthaka con trai dòng Sakya bằng nhiều phương thức, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi Hatthaka con trai dòng Sakya rằng: - “Này Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đây kẻ rõ đại, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.”

4. Sau đó, khi đã khiển trách vị tỳ khuru ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Đây các tỳ khuru, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi cố tình nói dối thì phạm tội pācittiya.”

5. **Cố tình nói dối** nghĩa là lời nói, tiếng nói, cách nói, lời phát biểu, sự biểu hiện bằng lời nói của vị có ý định lừa dối có tám cách không thánh thiện là: Không thấy (nói rằng): “*Tôi đã thấy,*” không nghe (nói rằng): “*Tôi đã nghe,*” không cảm giác (nói rằng): “*Tôi đã cảm giác,*” không nhận thức (nói rằng): “*Tôi đã nhận thức,*” đã thấy (nói rằng): “*Tôi đã không thấy,*” đã nghe (nói rằng): “*Tôi đã không nghe,*” đã cảm giác (nói rằng): “*Tôi đã không cảm giác,*” đã nhận thức (nói rằng): “*Tôi đã không nhận thức.*”

Không thấy nghĩa là không được thấy bởi mắt. **Không nghe** nghĩa là không được nghe bởi tai. **Không cảm giác** nghĩa là không được ngửi bởi mũi, (và) không được nếm bởi lưỡi, (và) không được xúc chạm bởi thân. **Không nhận thức** nghĩa là không được nhận thức bởi ý. **Đã thấy** nghĩa là đã được thấy bởi mắt. **Đã nghe** nghĩa là đã được nghe bởi tai. **Đã cảm giác** nghĩa là đã được ngửi bởi mũi, (hoặc) đã được nếm bởi lưỡi, (hoặc) đã được xúc chạm bởi thân. **Đã nhận thức** nghĩa là đã được nhận thức bởi ý.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thấy*” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói.”

Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thấy*” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi

nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thấy*” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận.

Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thấy*” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích.

Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thấy*” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã nghe*” về điều đã không nghe —nt— “*Tôi đã cảm giác*” về

điều đã không cảm giác —nt— “Tôi đã nhận thức” về điều đã không nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói.”

Với bốn yếu tố, —nt— Với năm yếu tố, —nt— Với sáu yếu tố, —nt— Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nghe” về điều đã không nghe —nt— “Tôi đã cảm giác” về điều đã không cảm giác —nt— “Tôi đã nhận thức” về điều đã không nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã thấy và đã nghe” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã thấy và đã cảm giác” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã thấy và đã nhận thức” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác” về điều đã không thấy —nt— Với ba yếu tố, ... “Tôi đã thấy, đã nghe, và đã nhận thức” về điều đã không thấy —nt— Với ba yếu tố, ... “Tôi đã thấy, đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức” về điều đã không thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nghe và đã cảm giác” về điều đã không nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe và đã nhận thức” về điều đã không nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe và đã thấy” về điều đã không nghe bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức” về điều đã không nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe, đã cảm giác, và đã thấy” về điều đã không nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe, đã cảm giác, đã nhận thức, và đã thấy” về điều đã không nghe bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã cảm giác và đã nhận thức” về điều đã không cảm giác —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác và đã thấy” về điều đã không cảm giác —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác và đã nghe” về điều đã không cảm giác bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, và đã thấy” về điều đã không cảm giác —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, và đã nghe” về điều đã không cảm giác —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, đã thấy, và đã nghe” về điều đã không cảm giác —nt—

Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nhận thức và đã thấy” về điều đã không nhận thức —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức và đã nghe” về điều đã không nhận thức —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức và đã cảm giác” về điều đã không nhận thức bị phạm

tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã nghe” về điều đã không nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã cảm giác” về điều đã không nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác” về điều đã không nhận thức bị phạm tội *pācittiya* —nt—

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã không thấy” về điều đã thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói.” Với bốn yếu tố, —nt— Với năm yếu tố, —nt— Với sáu yếu tố, —nt— Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã không thấy” về điều đã thấy bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã không nghe” về điều đã nghe —nt— “Tôi đã không cảm giác” về điều đã cảm giác —nt— “Tôi đã không nhận thức” về điều đã nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói.” Với bốn yếu tố,

—nt— Vói năm yếu tố, —nt— Vói sáu yếu tố, —nt— Vói bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã không nghe” về điều đã nghe —nt— “Tôi đã không cảm giác” về điều đã cảm giác —nt— “Tôi đã không nhận thức” về điều đã nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý định.

Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nghe” về điều đã thấy —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác” về điều đã thấy —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức” về điều đã thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã nghe và đã cảm giác” về điều đã thấy —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe và đã nhận thức” về điều đã thấy —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức” về điều đã thấy bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã cảm giác” về điều đã nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã nhận thức” về điều đã nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã thấy” về điều đã nghe bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Vói ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã cảm giác và đã nhận thức” về điều đã nghe —nt— Vói ba yếu tố, ... “Tôi đã cảm giác và đã thấy” về điều đã nghe —nt— Vói

ba yếu tố, ... *“Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, và đã thấy”* về điều đã nghe bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã nhận thức”* về điều đã cảm giác —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã thấy”* về điều đã cảm giác —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã nghe”* về điều đã cảm giác bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã nhận thức và đã thấy”* về điều đã cảm giác —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã nhận thức và đã nghe”* về điều đã cảm giác —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã nhận thức, đã thấy và đã nghe”* về điều đã cảm giác bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã thấy”* về điều đã nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã nghe”* về điều đã nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã cảm giác”* về điều đã nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: —nt— Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã thấy và đã nghe”* về điều đã nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã thấy và đã cảm giác”* về điều đã nhận thức —nt— Với ba yếu tố, ... *“Tôi đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác”* về điều đã nhận thức bị phạm tội *pācittiya*: —nt—

Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã thấy, không tin điều đã thấy, không nhớ về điều đã thấy, quên điều đã thấy lại cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã thấy và đã nghe”* bị phạm tội *pācittiya*: —nt— lại cố tình nói điều dối trá: *“Tôi đã thấy và đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức”* bị phạm tội *pācittiya*: —nt— vị có hoài nghi về điều đã nghe, không tin điều đã nghe, không nhớ về điều đã

nghe, quên điều đã nghe —nt— vị có hoài nghi về điều đã cảm giác, không tin điều đã cảm giác, không nhớ về điều đã cảm giác, quên điều đã cảm giác —nt—

Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã nhận thức, không tin điều đã nhận thức, không nhớ về điều đã nhận thức, quên điều đã nhận thức lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã nhận thức và đã thấy*” —nt— quên điều đã nhận thức ... “*Tôi đã nhận thức và đã nghe*” —nt— quên điều đã nhận thức ... “*Tôi đã nhận thức và đã cảm giác*” —nt— quên điều đã nhận thức ... “*Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã nghe*” —nt— quên điều đã nhận thức ... “*Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác*” bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói.”

Với bốn yếu tố, —nt— Với năm yếu tố, —nt— Với sáu yếu tố, —nt— Với bảy yếu tố, ... quên điều đã nhận thức lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác*” bị phạm tội *pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” đã nói xong (biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý định.

Vị nói không suy nghĩ, vị nói theo thói quen — **Nói không suy nghĩ** nghĩa là nói vội (nói nhanh). **Nói theo thói quen** nghĩa là (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nói điều này’ lại

nói điều khác — vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về nói dối là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 1. 2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI LỜI MẮNG NHIẾC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các tỳ khưu hiền thiện đã mắng nhiếc các tỳ khưu hiền thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt—, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các tỳ khưu hiền thiện lại mắng nhiếc các tỳ khưu hiền thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện?”

2. Sau đó, khi đã khiển trách các tỳ khưu nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người trong khi cãi cọ với các tỳ khưu hiền thiện đã mắng nhiếc các tỳ khưu hiền thiện theo sự sanh ra, —nt—lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người trong khi cãi cọ với các tỳ khưu hiền thiện lại mắng nhiếc các tỳ khưu hiền thiện theo sự sanh ra, —nt— lại còn chửi rủa và khinh bĩ bằng sự sỉ vả hạ tiện? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

3. - Đây các tỳ khưu, vào thời trước đây ở thành Takkasilā có người Bà-la-môn nọ có con bò mộng tên là Nandivisāla. Đây các tỳ khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: “Đây Bà-la-môn, hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương một ngàn (nói rằng): Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.” Đây các tỳ khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy đã đánh cá với nhà phú thương một ngàn (nói rằng): “Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.” Đây các tỳ khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy đã nối liền một trăm xe kéo lại với nhau rồi buộc con bò mộng Nandivisāla vào và đã nói điều này: “Đây đồ xạo, hãy kéo đi. Đây đồ xạo, hãy lôi đi.” Đây các tỳ khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã đứng yên ngay tại chỗ ấy. Đây các tỳ khưu, khi ấy người Bà-la-môn ấy bị thua một ngàn nên đã rầu rĩ.

4. Đây các tỳ khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: “Đây Bà-la-

môn, vì sao người lại râu rĩ vậy?” “Này ông bò, bởi vì do ông mà ta đã bị thua một ngàn như thế.” “Này Bà-la-môn, vì sao người lại bôi xấu ta bằng cách nói đồ xạo (trong khi) ta là kẻ không xạo? Này Bà-la-môn, người hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương hai ngàn (nói rằng): ‘Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.’ Và chó có bôi xấu ta bằng cách nói đồ xạo (trong khi) ta là kẻ không xạo.” Này các tỳ khuru, sau đó người Bà-la-môn ấy đã đánh cá với nhà phú thương hai ngàn (nói rằng): “Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.”

5. Này các tỳ khuru, sau đó người Bà-la-môn ấy sau khi nối liền một trăm xe kéo lại với nhau rồi đã buộc con bò mộng Nandivisāla vào và đã nói điều này: “Này bạn hiền, hãy kéo đi. Này bạn hiền, hãy lôi đi.” Này các tỳ khuru, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.

6. *Nên nói chỉ toàn lời hòa nhã, không nói lời không hòa nhã vào bất cứ lúc nào. (Con bò) đã lôi đi gánh hàng nặng cho người nói lời hòa nhã, và đã đạt được tài sản cho người ấy, và nhờ thế nó đã được hoan hỷ.*

Này các tỳ khuru, ngay từ thời ấy sự chửi rủa và sự khinh bỉ đã không làm ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho sự chửi rủa và sự khinh bỉ sẽ làm ta hài lòng? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi nói lời mắng nhiếc thì phạm tội pācittiya.”

7. **Lời mắng nhiếc** nghĩa là mắng nhiếc theo mười biểu hiện: theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, và bằng sự sỉ vả.

8. **Sự sanh ra** nghĩa là có hai sự sanh ra: sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng đinh, sự sanh ra của hạng đàn tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hốt rác; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra thấp kém. Sự sanh ra cao quý là sự sanh ra của hạng Sát-đế-ly và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý.

9. **Tên gọi** nghĩa là có hai loại tên gọi: tên gọi thấp kém và tên gọi cao quý. Tên gọi thấp kém nghĩa là tên Avakaṇṇaka, Javakaṇṇaka, Dhaniṭṭhaka, Saviṭṭhaka, Kulavaḍḍhaka, hoặc là (tên gọi) bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi thấp kém. Tên gọi cao quý nghĩa là được gắn liền với từ *Buddha* (đức Phật), được gắn liền với từ *Dhamma* (Giáo Pháp), được gắn liền với từ *Saṅgha* (Hội Chúng), hoặc là (tên gọi) không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê

tỏm, không bị xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi cao quý.

10. **Dòng họ** nghĩa là có hai loại dòng họ: dòng họ thấp kém và dòng họ cao quý. Dòng họ thấp kém nghĩa là dòng họ Kosiya, dòng họ Bhāradvāja, hoặc là (dòng họ) bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; dòng họ ấy gọi là dòng họ thấp kém. Dòng họ cao quý nghĩa là dòng họ Gotama, dòng họ Moggallāna, dòng họ Kaccāna, dòng họ Vāsetṭha, hoặc là (dòng họ) không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; dòng họ ấy gọi là dòng họ cao quý.

11. **Công việc** nghĩa là có hai loại công việc: công việc thấp kém và công việc cao quý. Công việc thấp kém nghĩa là công việc của thợ mộc, công việc hốt dọn bông hoa, hoặc là (công việc) bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi là công việc thấp kém. Công việc cao quý nghĩa là việc đồng áng, việc thương buôn, việc chăn bò, hoặc là (công việc) không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi là công việc cao quý.

12. **Nghề nghiệp** nghĩa là có hai loại nghề nghiệp: nghề nghiệp thấp kém và nghề nghiệp cao quý. Nghề nghiệp thấp kém nghĩa là nghề đan tre, nghề làm gốm,

nghề thợ dệt, nghề thuộc da, nghề hót tóc, hoặc là (nghề nghiệp) bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; nghề nghiệp ấy gọi là nghề nghiệp thấp kém. Nghề nghiệp cao quý nghĩa là nghề quản lý, nghề kế toán, nghề thư ký, hoặc là (nghề nghiệp) không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; nghề nghiệp ấy gọi là nghề nghiệp cao quý.

13. Tất cả các **bệnh tật** là thấp kém, tuy nhiên bệnh tiểu đường là cao quý.

14. **Đặc điểm** nghĩa là có hai đặc điểm: đặc điểm thấp kém và đặc điểm cao quý. Đặc điểm thấp kém nghĩa là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm thấp kém. Đặc điểm cao quý nghĩa là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm cao quý.

15. Tất cả các **phiền não** là thấp kém.

16. Tất cả các **sự vi phạm** (*āpatti*) là thấp kém. Tuy nhiên, sự *vi phạm* vào dòng Thánh (quả vị Nhập Lưu) và sự tự mình *vi phạm* (sự chứng đạt) là cao quý.¹

¹ Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ *āpatti* là “sự đạt đến,” nghĩa thông dụng là “sự phạm tội, hay tội vi phạm” như được thấy ở trường hợp thấp kém. Còn trường hợp cao quý được nêu ra hai hợp từ là *sotāpatti* (*sota-āpatti*) và *samāpatti* (*sam-āpatti*) do được

17. **Sự sỉ vả** nghĩa là có hai sự sỉ vả: sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém nghĩa là (nói rằng): “Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi,” đệm vào tiếng ‘*ya*,’¹ hoặc đệm vào tiếng ‘*bha*,’ hoặc gọi là ‘*kāṭ a*’ đối với người nam và ‘*koṭ acikā*’ đối với người nữ; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả thấp kém. Sự sỉ vả cao quý nghĩa là (nói rằng): “Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi,” sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý.

18. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đàn tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác,” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

ghép với *āpatti*. Từ *sotāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến dòng chảy, sự tiến vào dòng Thánh, tức là quả vị Nhập Lưu; còn từ *samāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Khó có thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ND).

¹ Không rõ nghĩa của các từ đệm này, chỉ biết khi đệm vào các từ này thì có ý chê bai (ND).

19. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đàn tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

20. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là Sát-đế-ly, ngươi là Bà-la-môn;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

21. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là Sát-đế-ly, ngươi là Bà-la-môn;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

22. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có tên gọi) thấp kém là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là Avakaṇṇaka, ngươi là Javakaṇṇaka, ngươi là Dhaniṭṭhaka, ngươi là Saviṭṭhaka, ngươi là Kulavaḍḍhaka;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

23. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có tên gọi) cao quý là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là Avakaṇṇaka, người là Javakaṇṇaka, người là Dhaniṭṭhaka, người là Saviṭṭhaka, người là Kulavaḍḍhaka;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

24. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có tên gọi) thấp kém là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là Buddharakkhita, người là Dhammarakkhita, người là Saṅgharakkhita;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

25. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có tên gọi) cao quý là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là Buddharakkhita, người là Dhammarakkhita, người là Saṅgharakkhita;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

26. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có dòng họ) thấp kém là Kosiya, là Bhāradvāja rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là Kosiya, người là

Bhāradvāja;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

27. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có dòng họ) cao quý là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là Kosiya, ngươi là Bhāradvāja;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

28. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có dòng họ) thấp kém là Kosiya, là Bhāradvāja rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallāna, ngươi là Kaccāna, ngươi là Vāseṭṭha;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

29. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có dòng họ) cao quý là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallāna, ngươi là Kaccāna, ngươi là Vāseṭṭha;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

30. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có công việc) thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là thợ mộc, ngươi

là người hốt dọn bông hoa;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

31. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có công việc) cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là thợ mộc, ngươi là người hốt dọn bông hoa;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

32. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có công việc) thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bò;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

33. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có công việc) cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bò;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

34. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nghề nghiệp) thấp kém là nghề đan tre, nghề làm gổm, nghề thợ dệt, nghề thuộc da, nghề hót tóc rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gổm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là

thợ hót tóc;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

35. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nghề nghiệp) cao quý là quản lý, kế toán, thư ký rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gốm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là thợ hót tóc;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

36. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nghề nghiệp) thấp kém là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hót tóc rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ký;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

37. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nghề nghiệp) cao quý là quản lý, kế toán, thư ký rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ký;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

38. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có bệnh tật) thấp kém là bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là người bệnh cùi, ngươi là

người bệnh ung nhọt, nguoi là người bệnh chàm, nguoi là người bệnh lao phổi, nguoi là người bệnh động kinh;" vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

39. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có bệnh tật) cao quý là bệnh tiểu đường rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Nguoi là người bệnh cùi, nguoi là người bệnh ung nhọt, nguoi là người bệnh chàm, nguoi là người bệnh lao phổi, nguoi là người bệnh động kinh;" vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

40. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có bệnh tật) thấp kém là bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh rồi nói theo sự cao quý rằng: "Nguoi là người bệnh tiểu đường;" vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

41. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có bệnh tật) cao quý là bệnh tiểu đường rồi nói theo sự cao quý rằng: "Nguoi là người bệnh tiểu đường;" vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

42. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có đặc điểm) thấp kém là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Nguoi là quá cao,

ngươi là quá lùn, ngươi là quá đen, ngươi là quá trắng;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

43. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có đặc điểm) cao quý là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là quá cao, ngươi là quá lùn, ngươi là quá đen, ngươi là quá trắng;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

44. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có đặc điểm) thấp kém là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

45. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có đặc điểm) cao quý là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

46. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nội tâm) thấp kém bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy

nhiều, bị si khuấy nhiễu rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người bị tham khuấy nhiễu, người bị sân khuấy nhiễu, người bị si khuấy nhiễu;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

47. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nội tâm) cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người bị tham khuấy nhiễu, người bị sân khuấy nhiễu, người bị si khuấy nhiễu;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

48. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nội tâm) thấp kém bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người có tham đã lìa, người có sân đã lìa, người có si đã lìa;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

49. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có nội tâm) cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người có tham đã lìa, người có sân đã lìa, người có si đã lìa;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

50. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự vi phạm) thấp kém là vi phạm tội *pārājika*, vi phạm tội *saṅghādisesa*, vi phạm tội *thullaccaya*, vi phạm tội

pācittiya, vi phạm tội *pāṭ idesanīya*, vi phạm tội *dukkat a*, vi phạm tội *dubbhāsita* rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi đã vi phạm tội *pārājika*, ngươi đã vi phạm tội *saṅ ghādisesa*, ngươi đã vi phạm tội *thullaccaya*, ngươi đã vi phạm tội *pācittiya*, ngươi đã vi phạm tội *pāṭ idesanīya*, ngươi đã vi phạm tội *dukkat a*, ngươi đã vi phạm tội *dubbhāsita*,” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

51. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự vi phạm) cao quý là vi phạm vào dòng Thánh (quả vị Nhập Lưu) rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi đã vi phạm tội *pārājika*, —nt— ngươi đã vi phạm tội *dubbhāsita*,” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

52. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự vi phạm) thấp kém là vi phạm tội *pārājika*, —nt— vi phạm tội *dubbhāsita* rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh (Ngươi là bậc Nhập Lưu);” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

53. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (có sự vi phạm) cao quý là vi phạm vào dòng Thánh (quả vị Nhập Lưu) rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh (Ngươi là bậc Nhập Lưu);” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

54. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (bằng sự sỉ vả) thấp kém là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là con lạc đà, người là con cừu, người là con bò, người là con lừa, người là loài thú, người đi địa ngục, không có cõi trời cho người, khổ cảnh chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

55. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (bằng sự sỉ vả) cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là con lạc đà, người là con cừu, người là con bò, người là con lừa, người là loài thú, người đi địa ngục, không có cõi trời cho người, khổ cảnh chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

56. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (bằng sự sỉ vả) thấp kém là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là người thông thái, người là người có kinh nghiệm, người là người thông minh, người là người học rộng, người là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho người, cõi trời chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

57. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên (bằng

sự sĩ và) cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là người thông thái, người là người có kinh nghiệm, người là người thông minh, người là người học rộng, người là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho người, cõi trời chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

58. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭṭa* a theo từng lời nói.

59. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ở đây, có một số vị là Sát-đế-ly, là Bà-la-môn;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭṭa* a theo từng lời nói.

60. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ở đây, có một số vị tên là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị tên là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị dòng họ là Kosiya, là Bhāradvāja;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị dòng họ là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa;” vị nói thì

—nt— “Ở đây, có một số vị là nông phu, thương buôn, người chăn bò;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hót tóc;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là quản lý, kế toán, thư ký;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là người bệnh cùi, người bệnh ung nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là người bệnh tiểu đường;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị đã vi phạm tội *pārājika*,” vị nói thì —nt— đã vi phạm tội *dubbhāsita*,” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị đã vi phạm vào dòng Thánh (Ở đây, có một số vị là các bậc Nhập Lưu);” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho những người ấy, khổ cảnh chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

61. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ

cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

62. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói. —nt—

63. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

64. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

65. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rửa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên (bằng sự si vả) thấp kém rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si vả) cao quý rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si vả) thấp kém rồi nói theo sự

cao quý rằng —nt— (bằng sự sĩ và) cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

66. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đăn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

67. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đăn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

68. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc

trên rồi nói như vậy: “Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi;” vị nói thì phạm tội *dukkat a* theo từng lời nói.

69. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là hạng cùng đinh, người là hạng đan tre, người là hạng thợ săn, người là hạng làm xe, người là hạng hốt rác;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

70. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Người là hạng cùng đinh, người là hạng đan tre, người là hạng thợ săn, người là hạng làm xe, người là hạng hốt rác;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

71. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng

làm xe, hạng hốt rác rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là hạng Sát-đế-ly, người là hạng Bà-la-môn;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

72. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên (có sự sanh ra) cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là hạng Sát-đế-ly, người là hạng Bà-la-môn;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

73. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên (bằng sự si và) thấp kém rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si và) cao quý rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si và) thấp kém rồi nói theo sự cao quý rằng —nt— (bằng sự si và) cao quý rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là người thông thái, người là người có kinh nghiệm, người là người thông minh, người là người học rộng, người là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho người, cõi trời chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

74. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ồ đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Ồ

đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

75. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

76. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

77. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên (bằng sự si và) thấp kém rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si và) cao quý rồi nói theo sự thấp kém rằng —nt— (bằng sự si và) thấp kém rồi nói theo sự cao quý rằng

—nt— (bằng sự sĩ vả) cao quý rồi nói theo sự cao quý rằng: “Người là người thông thái, người là người có kinh nghiệm, người là người thông minh, người là người học rộng, người là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho người, cõi trời chờ đợi người;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

78. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Ồ đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Ồ đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

79. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

80. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên rồi nói như vậy: “Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng

đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác;” vị nói thì —nt— “Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi;” vị nói thì phạm tội *dubbhāsita* theo từng lời nói.

81. Vị (nói đề) đề cập đến ý nghĩa, vị (nói đề) đề cập đến Pháp, vị (nói) nhắm đến sự giảng dạy, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về nói lời mắng nhiếc là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 1. 3. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI ĐÂM THỌC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tạo ra sự đâm thọc giữa các tỳ khưu đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt—, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại tạo ra sự đâm thọc giữa các tỳ khưu đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa?”

2. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Phật Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người tạo ra sự đâm thọc giữa các tỳ khưu đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này

đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tạo ra sự đâm thọc giữa các tỳ khuru đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi (tạo ra) sự đâm thọc giữa các tỳ khuru thì phạm tội pācittiya.”

3. **Sự đâm thọc** nghĩa là sự đâm thọc vì hai nguyên do: của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, và bằng sự sỉ vả.

4. **Sự sanh ra** nghĩa là có hai sự sanh ra: sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng đinh, sự sanh ra của

hạng đàn tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hốt rác; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra thấp kém. Sự sanh ra cao quý là sự sanh ra của hạng Sát-đế-ly và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý. —nt—

5. **Sự sỉ vả** nghĩa là có hai sự sỉ vả: sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém nghĩa là (nói rằng): “Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi,” đệm vào tiếng ‘*ya,*’ hoặc đệm vào tiếng ‘*bha,*’ hoặc gọi là ‘*kāṭ a’*’ đối với người nam và ‘*koṭ acikā*’ đối với người nữ; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả thấp kém. Sự sỉ vả cao quý nghĩa là (nói rằng): “Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi,” sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý.

6. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói ngươi là hạng cùng đinh, hạng đàn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

7. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói ngươi là Sát-đế-ly, Bà-la-môn” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

8. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

9. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

10. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là Kosiya, là Bhāradvāja” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

11. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

12. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

13. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói

rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là nông phu, thương buôn, người chăn bò” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

14. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hót tóc” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

15. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là quản lý, kế toán, thư ký” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

16. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là người bệnh cùi, người bệnh ung nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

17. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là người bệnh tiểu đường” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

18. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là quá cao, quá lùn,

quá đen, quá trắng” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

19. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói người là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

20. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói người bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

21. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói người có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

22. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói người vi phạm tội *pārājika*, vi phạm tội *saṅghādisesa*, vi phạm tội *thullaccaya*, vi phạm tội *pācittiya*, vi phạm tội *pāṭidesanīya*, vi phạm tội *dukkata*, vi phạm tội *dubbhāsita*” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

23. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là vị vi phạm vào dòng Thánh” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

24. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho nguoi, khổ cảnh chờ đợi nguoi” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

25. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói nguoi là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho nguoi, cõi trời chờ đợi nguoi” thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

26. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Ở đây có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đăn tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

27. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Ở đây có một số vị là Sát-

đề-ly, là Bà-la-môn.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

28. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Ở đây có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

29. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

30. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: —nt— ‘Có lẽ những người nào là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, những người ấy không có khổ cảnh, cõi trời chờ đợi những người ấy.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

31. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm

xe, hạng hốt rác.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói. —nt—

32. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên (nói rằng): “Vị tên (như vậy) nói: ‘Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi.’ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác” thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

33. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya* theo từng lời nói.

34. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

35. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

36. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a theo từng lời nói.

37. Vị không ao ước được thương, vị không có ý định chia rẽ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về nói đâm thọc là thứ ba.

--ooOoo--

6. 1. 4. ĐIỀU HỌC VỀ PHÁP THEO TỪNG CÂU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dạy các cư sĩ đọc Pháp theo từng câu. Các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các tỳ khưu. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt—, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại dạy các cư sĩ đọc Pháp theo từng câu khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các tỳ khưu?”

2. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người dạy các cư sĩ đọc Pháp theo từng câu khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các tỳ khưu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại dạy các cư sĩ đọc Pháp theo từng câu khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các tỳ khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra tỳ khuru và tỳ khuru ni, (các người) còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

Theo từng câu nghĩa là một câu (của bài kệ), đọc tiếp theo, chỉ mỗi một âm, đọc hòa theo. **Một câu** (của bài kệ) nghĩa là bắt đầu đọc một lượt, chấm dứt một lượt. **Đọc tiếp theo** nghĩa là người đọc trước người đọc sau rồi chấm dứt một lượt. **Chỉ mỗi một âm** nghĩa là khi đang đọc chung ‘*Rūpaṃ aniccaṃ*,’ vị (tỳ khuru) chỉ đọc chữ ‘*Rū*’ rồi ngưng. **Đọc hòa theo** nghĩa là khi đang đọc ‘*Rūpaṃ aniccaṃ*,’ (người chưa tu lên bậc trên) phát ra âm ‘*Vedanā aniccā*.’ Điều gì là một câu (của bài kệ), điều gì là đọc tiếp theo, điều gì là chỉ mỗi một âm, điều gì là đọc hòa theo, tất cả điều ấy gọi là Pháp theo từng câu.

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thánh Văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư Thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đến Giáo Pháp.

Dạy đọc: Vị dạy đọc theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một câu. Vị dạy đọc theo từ thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một từ.

Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, vị dạy đọc Pháp theo từng câu thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị dạy đọc Pháp theo từng câu thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, vị dạy đọc Pháp theo từng câu thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội.

Trong khi (được) bảo đọc tụng chung, trong khi thực hiện việc học chung, vị dạy người (chưa tu lên bậc trên) đọc (bỏ bẻ) phần đã được học thuộc lòng nhiều lần, vị dạy người (chưa tu lên bậc trên) đang đọc sai, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học về Pháp theo từng câu là thứ tư.

--ooOoo--

6. 1. 5. ĐIỀU HỌC VỀ NĂM CHUNG CHỖ NGỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Āl avī, nơi tháp thờ Aggāḷ ava. Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ thường đi đến tu viện để nghe Pháp. Khi Pháp đã được thuyết giảng, các tỳ khuru trưởng lão đi về trú xá của các vị. Các tỳ khuru mới tu cùng với các cư sĩ nằm ngủ ngay tại nơi ấy ở phòng phục vụ; các vị bị thất niệm, không tỉnh giấc, lỏa thể, mơ ngủ, ngáy ngủ. Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại nằm ngủ bị thất niệm, không tỉnh giấc, lỏa thể, mơ ngủ, ngáy ngủ?” Các tỳ khuru đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru lại nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên?”

2. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Phật Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nằm chung chỗ ngủ với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Sau đó, khi đã ngự tại thành Āḷavī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Kosambī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Badarikā. Các tỳ khuru đã nói với đại đức Rāhula điều này: - “Này đệ Rāhula, điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: ‘Không được nằm chung chỗ ngủ với người chưa tu lên bậc trên.’ Này đệ Rāhula, hãy tìm chỗ ngủ.” Khi ấy, trong khi không có được chỗ ngủ, đại đức Rāhula đã nằm ngủ ở nhà tiêu. Sau đó vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã đi đến nhà tiêu, sau khi đi đến đã tăng hăng. Đại đức Rāhula cũng đã tăng hăng lại. - “Ai đó vậy?” - “Bạch Thế Tôn, con là Rāhula.” - “Này Rāhula, sau con lại nằm ở đây?” Khi ấy, đại đức Rāhula đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép nằm chung chỗ ngủ với người chưa tu lên bậc trên hai hoặc ba đêm. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào nằm chung chỗ ngủ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra tỳ khuru, (các người) còn lại gọi là người chưa tu lên bậc trên.

Quá hai ba đêm: là hơn hai hoặc ba đêm.

Với: là cùng chung.

Chỗ ngủ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ đã được che kín xung quanh toàn bộ, đã được lợp kín phần lớn đã được che kín xung quanh phần lớn.

Nằm chung chỗ ngủ: vào ngày thứ tư lúc mặt trời đã lặn, khi người chưa tu lên bậc trên đang nằm vị tỳ khuru nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi vị tỳ khuru đang nằm, người chưa tu lên bậc trên nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đứng dậy rồi (cả hai) lại nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *pācittiya*.

Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa thì phạm tội *dukkaṭa a*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội.

Vị ngụ hai ba đêm, vị ngụ chưa đủ hai ba đêm, sau khi ngụ hai đêm vào đêm thứ ba đi ra ngoài trước rạng đông rồi lại trú ngụ tiếp, trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ, trong chỗ không được lợp kín phần nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, khi người chưa tu lên bậc trên đang nằm thì vị tỳ khuru ngồi, khi vị tỳ khuru đang nằm thì người chưa tu lên bậc trên ngồi, hoặc là cả hai đều ngồi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất về nằm chung chỗ ngụ là thứ năm.

--ooOoo--

6. 1. 6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NĂM CHUNG CHỖ NGỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Anuruddha trong khi đang đi đến thành Sāvattthī trong xứ sở Kosala nhằm lúc chiều tối đã ghé lại ngôi làng nọ. Vào lúc bấy giờ, ở trong ngôi làng ấy có nhà nghỉ trọ của người đàn bà nọ đã được sắp đặt.¹ Khi ấy, đại đức Anuruddha đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này: - “Này chị gái, nếu chị không phiền lòng chúng tôi có thể ngụ một đêm ở phước xá.” - “Thưa ngài, ngài có thể ngụ.” Những khách lữ hành khác cũng đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này: - “Thưa bà, nếu bà không phiền lòng chúng tôi có thể trú một đêm ở phước xá.” - “Có ngài Sa-môn đã đến trước, nếu vị ấy cho phép thì các ông có thể trú lại.” Khi ấy, những khách lữ hành ấy đã đi đến gặp đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, nếu ngài không phiền lòng chúng tôi có thể trú một đêm ở phước xá.” - “Này các đạo hữu, hãy trú lại.”

2. Khi ấy, người đàn bà ấy do sự nhìn thấy đại đức Anuruddha nên đã đem lòng say đắm. Sau đó, người

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng người đàn bà ấy đã lập nên ngôi nhà trọ ấy để làm phước thiện. Khi đi đến ngôi làng ấy, nhiều người biết tin nên đã đến xin trú đêm (VinA. iv, 750).

đàn bà ấy đã đi đến gặp đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, bị quấy rầy bởi những người này ngài sẽ ngu không được an lạc. Thưa ngài, tốt thay tôi có thể sắp đặt cho ngài chiếc giường ở bên trong.” Đại đức Anuruddha đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, người đàn bà ấy đã sắp đặt chiếc giường của mình ở bên trong cho đại đức Anuruddha rồi đã khoác xiêm y và trang sức, xức hương thơm rồi đi đến gặp đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay thiếp có thể là vợ của ngài.” Khi được nói như thế, đại đức Anuruddha đã im lặng. Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay ngài hãy chấp nhận thiếp đây và tất cả tài sản.” Đến lần thứ ba, đại đức Anuruddha đã im lặng.

Sau đó, người đàn bà ấy đã cởi ra tấm áo choàng và đi qua đi lại phía trước đại đức Anuruddha, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống. Khi ấy, đại đức Anuruddha đã thu thúc các giác quan, cũng không nhìn người đàn bà ấy và cũng không nói. Khi ấy, người đàn bà ấy (nghĩ rằng): “Ngài thật là kỳ diệu! Ngài thật là phi thường! Nhiều người bỏ ra cả trăm cả ngàn vì ta, thế mà khi được đích thân ta van xin vị Sa-môn này lại không chịu chấp nhận ta đây và tất cả tài sản,” rồi đã quần lại

tắm áo choàng, kê đầu ở hai chân của đại đức Anuruddha và đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên con đã hành động như thế. Thưa ngài, đối với con đây xin ngài đại đức ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.” - “Này chị gái, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy cô khiến cô như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên cô đã hành động như thế. Và này chị gái, chính từ việc đó cô đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, nay chúng tôi ghi nhận điều ấy cho cô. Này chị gái, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: ‘Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai.’”

4. Sau đó, khi trải qua đêm ấy người đàn bà ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý đại đức Anuruddha với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đại đức Anuruddha đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người đàn bà ấy đã ngồi xuống ở một bên. Đại đức Anuruddha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người đàn bà ấy đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Anuruddha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với đại đức Anuruddha điều này: - “Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài,

giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế Pháp đã được ngài đại đức Anuruddha giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Thưa ngài, con đây xin quy y đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khuru. Xin ngài đại đức chấp nhận con là nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

5. Sau đó, đại đức Anuruddha đã đi đến thành Sāvatthī và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Anuruddha lại nằm chung chỗ ngụ với người nữ?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt—

- “Này Anuruddha, nghe nói ngươi nằm chung chỗ ngụ với người nữ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này Anuruddha, vì sao ngươi lại nằm chung chỗ ngụ với người nữ vậy? Này Anuruddha, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nằm chung chỗ ngụ với người nữ thì phạm tội pācittiya.”

6. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ: nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: là cùng chung.

Chỗ ngụ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ đã được che kín xung quanh toàn bộ, đã được lợp kín phần lớn đã được che kín xung quanh phần lớn.

Nằm chung chỗ ngụ: là lúc mặt trời đã lặn, khi người nữ đang nằm vị tỳ khuru nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi vị tỳ khuru đang nằm, người nữ nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đứng dậy rồi (cả hai) lại nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ, có sự hoài nghi, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ, (lầm) tưởng không phải là người nữ, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *pācittiya*.

Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa, phạm tội *dukkaṭa* a. Vị nằm chung chỗ ngụ với nữ Dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với người vô căn, hoặc với thú cái thì phạm tội *dukkaṭa* a. Không phải là người nữ,

(lâm) tưởng là người nữ, phạm tội *dukkat a*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ, trong chỗ không được lợp kín phần nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, trong khi người nữ đang nằm thì vị tỳ khưu ngồi, trong khi vị tỳ khưu đang nằm thì người nữ ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì về nằm chung chỗ ngụ là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 1. 7. ĐIỀU HỌC VỀ THUYẾT PHÁP

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvattthī. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gia đình họ. Vào lúc bấy giờ, bà chủ nhà đang ngồi ở cửa lớn của căn nhà. Cô con dâu đang ngồi ở cửa phòng trong. Khi ấy, đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà chủ nhà, sau khi đến đã thuyết Pháp thâm thì bên tai của bà chủ nhà. Khi ấy, cô con dâu đã khởi ý điều này: “Vị Sa-môn ấy là tình nhân của mẹ chồng hay là đang tán tỉnh?”

2. Sau đó, khi đã thuyết Pháp thâm thì bên tai của bà chủ nhà, đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô con dâu, sau khi đến đã thuyết Pháp thâm thì bên tai của cô con dâu. Khi ấy, bà chủ nhà đã khởi ý điều này: “Vị Sa-môn ấy là tình nhân của con dâu hay là đang tán tỉnh?”

3. Sau đó, khi đã thuyết Pháp thâm thì bên tai của cô con dâu, đại đức Udāyi đã ra đi. Khi ấy, bà chủ nhà đã nói với cô con dâu điều này: - “Này con, vị Sa-môn ấy đã nói gì với con vậy?” - “Thưa mẹ, vị ấy đã thuyết Pháp cho con. Vậy đã nói gì với mẹ?” - “Cũng đã thuyết Pháp cho mẹ.” Hai người nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao đại đức Udāyi lại thuyết Pháp thâm thì bên tai, không lẽ Pháp không nên được thuyết giảng công khai và minh bạch?”

4. Các tỳ khuru đã nghe được các người nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Udāyi lại thuyết Pháp đến người nữ?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này Udāyi, nghe nói người thuyết Pháp đến người nữ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại thuyết Pháp đến người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào thuyết Pháp đến người nữ thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, các nữ cư sĩ sau khi nhìn thấy các tỳ khuru đã nói điều này: - “Xin các ngài đại đức hãy thuyết Pháp.” - “Này các chị gái, không được phép thuyết Pháp đến người nữ.” - “Xin các ngài đại đức hãy thuyết Pháp năm sáu câu thôi, có thể biết được chỉ với chừng ấy.” - “Này các chị gái, không được phép thuyết Pháp đến người nữ.” Rồi trong khi ngần ngại, các vị đã không thuyết. Các nữ cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức khi được chúng tôi thỉnh cầu lại không thuyết Pháp?” Các tỳ khuru đã nghe

được các nữ cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép thuyết Pháp năm sáu câu đến người nữ. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào thuyết Pháp đến người nữ hơn năm sáu câu thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép thuyết Pháp năm sáu câu đến người nữ.” Các vị ấy sau khi bảo người nam không trí suy xét ngồi gần rồi thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại bảo người nam không trí suy xét ngồi gần rồi thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu?”

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người bảo người nam không trí suy xét ngồi gần rồi thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các

người lại bảo người nam không trí suy xét ngôi gần rồi thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào thuyết Pháp đến người nữ hơn năm sáu câu ngoại trừ có người nam có trí suy xét thì phạm tội pācittiya.”

8. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ: nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là (lời nói) thô tục và không thô tục.

Hơn năm sáu câu: là vượt quá năm sáu câu.¹

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thánh Văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư Thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đến Giáo Pháp.

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về chữ “vācā-câu” là “eko gāthāpādo-một câu của bài kệ” (VinA. iv, 751). Và một câu của bài kệ thông thường có ít nhất là 8 âm (ND).

Thuyết: vị thuyết theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một câu. Vị thuyết theo từ thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một từ.

Ngoại trừ có người nam có trí suy xét: trừ ra có người nam có trí suy xét.

Người nam có trí suy xét nghĩa là có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là (lời nói) thô tục và không thô tục.

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị thuyết Pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, có sự hoài nghi, vị thuyết Pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, (lầm) tưởng không phải là người nữ, vị thuyết Pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có người nam có trí suy xét.

Vị thuyết Pháp hơn năm sáu câu đến nữ Dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú có thân người nữ thì phạm tội *dukkaṭa a* ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Không phải là người nữ, (lầm) tưởng là người nữ, phạm tội *dukkaṭa a*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Vị thuyết Pháp hơn năm sáu câu có người nam có trí suy xét, vị thuyết Pháp chưa tới năm sáu câu, vị sau khi đứng dậy ngồi xuống lại rồi thuyết Pháp, vị thuyết trong

khi người nữ đứng dậy rồi ngồi xuống lại, vị thuyết đến người nữ khác,¹ vị hỏi câu hỏi, vị trả lời khi được hỏi câu hỏi, trong khi đang thuyết vì lợi ích của người nam khác thì người nữ lắng nghe, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về thuyết Pháp là thứ bảy.

--ooOoo--

¹ Về điểm này, Chú Giải có ghi là sau khi thuyết đến người nữ này chưa đến năm sáu câu, vị ấy chuyển sang thuyết đến người nữ khác. Theo cách ấy, trong một tư thế ngồi vị ấy có thể thuyết đến 100.000 người nữ (VinA. iv, 751).

6. 1. 8. ĐIỀU HỌC VỀ TUYÊN BỐ SỰ THỰC CHỨNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru thân thiết đồng quan điểm đã vào mùa (an cư) mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực.

2. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Hiện nay, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Còn chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy bằng phương thức nào chúng ta có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?”

3. Một số vị đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng ta hãy quyết định làm công việc cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

4. Một số vị đã nói như vậy: - “Này các đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại

gia? Nay các đại đức, chúng ta hãy đưa tin tức cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

5. Một số vị đã nói như vậy: - “Nay các đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Nay các đại đức, chúng ta sẽ nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: ‘Vị tỳ khuru như vậy đạt sơ thiên, vị tỳ khuru như vậy đạt nhị thiên, vị tỳ khuru như vậy đạt tam thiên, vị tỳ khuru như vậy đạt tứ thiên, vị tỳ khuru như vậy là vị Nhập Lưu, vị tỳ khuru như vậy là vị Nhất Lai, vị tỳ khuru như vậy là vị Bất Lai, vị tỳ khuru như vậy là vị A-la-hán, vị tỳ khuru như vậy có ba Minh, vị tỳ khuru như vậy có sáu Thắng Trí;’ như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

6. - “Nay các đại đức, chính điều này là tốt hơn hết tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia.” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia: - “Vị tỳ khuru như vậy đạt sơ thiên, —nt— vị tỳ khuru như vậy có sáu Thắng Trí.”

7. Khi ấy, những người dân ấy (nghĩ rằng): “Quả thật điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các tỳ khưu như vậy trong số họ vào mùa (an cư) mưa! Quả thật từ trước đến nay không có các tỳ khưu như vậy vào mùa (an cư) mưa như là các vị tỳ khưu có giới có thiện pháp này vậy!” Họ cúng dường đến các tỳ khưu những vật thực loại mềm mà họ không ăn cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ cúng dường đến các tỳ khưu những vật thực loại cứng, những thức nếm, những thức uống mà họ không uống cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống.

8. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ cho các tỳ khưu đã trải qua mùa (an cư) mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy trải qua ba tháng mùa (an cư) mưa đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, các vị đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru đã sống qua mùa (an cư) mưa ở các phương thì ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái lại các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā có được tướng mạo, cần quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nỏ đối với các tỳ khuru đi đến.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā điều này: - “Này các tỳ khuru, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa có được thoải mái không? Và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?” - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.” Các đấng Như Lai đều biết vẫn hỏi, đều biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các tỳ khuru bởi hai lý do: “Chúng ta sẽ thuyết Pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā điều này: - “Này các tỳ khuru, các

ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực như thế nào?” Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, các ngươi có thực chứng không?” - “Bạch Thế Tôn, có thực chứng.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các ngươi lại ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia vì lý do của bao tử vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào tuyên bố pháp thượng nhân đến người chưa tu lên bậc trên (nếu) đã thực chứng thì phạm tội pācittiya.”

12. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra tỳ khuru và tỳ khuru ni, (các người) còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

13. Pháp thượng nhân nghĩa là thiên, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự

không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng. **Thiền:** là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. **Sự giải thoát:** là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.¹ **Định:** là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định. **Sự chứng đạt:** là sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện.

Trí tuệ và sự thấy biết: là ba Minh.

Sự tu tập về Đạo: là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh căn, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh Đạo tám chi phần.

Sự thực chứng về Quả: là sự thực chứng quả vị Nhập Lưu, sự thực chứng quả vị Nhất Lai, sự thực chứng quả vị Bất Lai, sự thực chứng phẩm vị A-la-hán.

Sự dứt bỏ phiền não: là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si.

Sự không còn bị che lấp của tâm: nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bị che lấp bởi sân, tâm không còn bị che lấp bởi si.

¹ Vô phiền não giải thoát là nội tâm không còn tham sân si, vô tướng giải thoát là nội tâm không còn các biểu hiện của tham sân si, vô nguyện giải thoát là không còn trạng thái mong mỏi về tham sân si (VinA. ii, 492).

Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng: là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiên.

14. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi chứng sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng được sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi có đạt sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi có trú sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” thì phạm tội *pācittiya*.

15. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên, ... tam thiên, ... tứ thiên, ... tôi có đạt tứ thiên ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiên” thì phạm tội *pācittiya*.

16. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiền não định, ... vô tướng định, ... vô nguyện định, ... tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ vô nguyện định” thì phạm tội *pācittiya*.

17. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện” thì phạm tội pācittiya.

18. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được ba Minh, ... tôi có đạt ba Minh ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ ba Minh” thì phạm tội pācittiya.

19. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh căn, ... bốn nền tảng của thân thông, ... tôi có đạt bốn nền tảng của thân thông, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thân thông” thì phạm tội pācittiya.

20. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được năm quyền, ... năm lực, ... tôi có đạt năm lực ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ năm lực” thì phạm tội pācittiya.

21. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bảy giác chi, ... tôi có đạt bảy giác chi, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ bảy giác chi” thì phạm tội pācittiya.

22. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được Thánh Đạo tám chi phần, ... tôi có đạt Thánh Đạo tám chi phần, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ Thánh Đạo tám chi phần” thì phạm tội *pācittiya*.

23. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được quả vị Nhập Lưu, ... quả vị Nhất Lai, ... quả vị Bất Lai, ... phẩm vị A-la-hán, ... tôi có đạt phẩm vị A-la-hán, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán” thì phạm tội *pācittiya*.

24. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã từ bỏ tham ái, ... tôi đã từ bỏ sân, ... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” thì phạm tội *pācittiya*.

25. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Âm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... âm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... âm của tôi không bị che lấp bởi si” thì phạm tội *pācittiya*.

26. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên, ... nhị thiên, ... tam thiên, ... tứ thiên ở nơi thanh vắng, ... tôi có đạt tứ thiên ở nơi thanh vắng, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiên ở nơi thanh vắng” thì phạm tội *pācittiya*.

27. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ

thiền và nhị thiền, ... tôi có đạt sơ thiền và nhị thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhị thiền” thì phạm tội pācittiya.

28. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tam thiền, ... sơ thiền và tứ thiền, ... tôi có đạt sơ thiền và tứ thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tứ thiền” thì phạm tội pācittiya.

29. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiến não giải thoát, ... và vô tướng giải thoát, ... và vô nguyện giải thoát, ... và vô phiến não định, ... và vô tướng định, ... và vô nguyện định, ... tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện định, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện định” thì phạm tội pācittiya.

30. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và sự chứng đạt về vô phiến não, ... và sự chứng đạt về vô tướng, ... và sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện” thì phạm tội pācittiya.

31. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và ba Minh, ... tôi có đạt sơ thiền và ba Minh, ... tôi có

trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và ba Minh” thì phạm tội pācittiya.

32. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bốn sự thiết lập niệm, ... sơ thiền và bốn chánh căn, ... sơ thiền và bốn nền tảng của thân thông, ... tôi có đạt sơ thiền và bốn nền tảng của thân thông, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bốn nền tảng của thân thông” thì phạm tội pācittiya.

33. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và năm quyền, ... sơ thiền và năm lực, ... tôi có đạt sơ thiền và năm lực, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và năm lực” thì phạm tội pācittiya.

34. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bảy giác chi, ... tôi có đạt sơ thiền và bảy giác chi, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bảy giác chi” thì phạm tội pācittiya.

35. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và Thánh Đạo tám chi phần, ... tôi có đạt sơ thiền và Thánh Đạo tám chi phần, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và Thánh Đạo tám chi phần” thì phạm tội pācittiya.

36. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và quả vị Nhập Lưu, ... và quả vị Nhất Lai, ... và quả vị Bất Lai, ... và phẩm vị A-la-hán, ... tôi có đạt sơ thiền và phẩm vị A-la-hán, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và phẩm vị A-la-hán” thì phạm tội pācittiya.

37. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tôi đã từ bỏ tham ái, ... và tôi đã từ bỏ sân, ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” thì phạm tội pācittiya.

38. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” thì phạm tội pācittiya.

39. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền và tam thiền, ... nhị thiền và tứ thiền, ... tôi có đạt nhị thiền và tứ thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tứ thiền” thì phạm tội pācittiya.

40. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng nhị thiền —nt— và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” thì phạm tội pācittiya. —nt—

41. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên và sơ thiên, ... tôi có đạt nhị thiên và sơ thiên, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhị thiên và sơ thiên” thì phạm tội pācittiya. —nt—

[Phần căn bản đã được tóm lược]

42. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên. ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiên, ... tôi có trú ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiên*” thì phạm tội pācittiya. —nt—

43. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân*” thì phạm tội pācittiya. —nt—

44. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiến nào giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiến nào định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiến nào, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba Minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh căn, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh Đạo tám chi phần, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, và phẩm vị A-la-hán, ... Tôi đã từ bỏ tham ái, ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã*

xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” thì phạm tội pācittiya.

45. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên” lại nói: “Tôi đã chứng nhị thiên,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội pācittiya, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội dukkaṭa.

46. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên” lại nói: “Tôi đã chứng tam thiên, ... tứ thiên, ... vô phiến não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiến não định, ... vô tướng định, ... vô nguyện định, ... sự chứng đạt về vô phiến não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, ... ba Minh, ... bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh căn, ... bốn nền tảng của thân thông, ... năm quyền, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh Đạo tám chi phần, ... quả vị Nhập Lưu, ... quả vị Nhất Lai, ... quả vị Bất Lai, ... phẩm vị A-la-hán, ... tôi đã từ bỏ tham ái, ... tôi đã từ bỏ sân, ... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội pācittiya, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội dukkaṭa.

47. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên” ... lại nói: “Tâm của

tôi không bị che lấp bởi si,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa* a.

48. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên” lại nói: “Tôi đã chứng sơ thiên,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt—

[Phần căn bản đã được tóm lược]

49. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” lại nói: “*Tôi đã chứng sơ thiên*,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt—

50. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” lại nói: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân*,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt—

51. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, và tứ thiên*” —nt— Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân*” lại nói: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*,” (người nghe) hiểu

được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa a.* —nt—

52. **Tuyên bố:** Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên, tam thiên, và tứ thiên” ... “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” lại nói: “Tôi đã chứng sơ thiên,” (người nghe) hiểu được thì phạm tội *pācittiya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa a.* —nt—

53. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khưu) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được sơ thiên, vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú sơ thiên, sơ thiên đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy” thì phạm tội *dukkaṭa a.*

54. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khưu) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiên, tam thiên, tứ thiên; vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiên; tứ thiên đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy” thì phạm tội *dukkaṭa a.* —nt—

55. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khưu) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định; vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú vô nguyện định; vô nguyện định đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy” thì phạm tội *dukkaṭa a.*

56. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khuru) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy đã chứng sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, vị tỳ khuru ấy có đạt ... có trú sự chứng đạt về vô nguyện định; sự chứng đạt về vô nguyện định đã được thực chứng bởi vị tỳ khuru ấy” thì phạm tội dukkaṭ a. —nt—

57. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khuru) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được ba Minh, ... bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh căn, ... bốn nền tảng của thân thông, ... năm quyền, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh Đạo tám chi phần, ... quả vị Nhập Lưu, ... quả vị Nhất Lai, ... quả vị Bất Lai, ... phẩm vị A-la-hán, vị tỳ khuru ấy đã từ bỏ tham ái, ... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, vị tỳ khuru ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái, có tâm không bị che lấp bởi sân, và có tâm không bị che lấp bởi si” thì phạm tội dukkaṭ a.

58. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khuru) nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiên, ... nhị thiên, ... tam thiên, ... tứ thiên ở nơi thanh vắng; vị tỳ khuru ấy có đạt ... có trú tứ thiên ở nơi thanh vắng, tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị tỳ khuru ấy ở nơi thanh vắng” thì phạm tội dukkaṭ a.

59. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khưu) nào đã thọ dụng trú xá của đạo hữu, ... Vị (tỳ khưu) nào đã thọ dụng y của đạo hữu, ... Vị (tỳ khưu) nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, ... Vị (tỳ khưu) nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, ... Vị (tỳ khưu) nào đã thọ dụng vật dụng là thuốc men trị bệnh của đạo hữu, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng; vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiên ở nơi thanh vắng, tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy” thì phạm tội dukkaṭ a.

60. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị (tỳ khưu) nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị (tỳ khưu) nào, ... Vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị (tỳ khưu) nào, ... Chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị (tỳ khưu) nào, ... Vật dụng là thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị (tỳ khưu) nào, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng; vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiên ở nơi thanh vắng, tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy” thì phạm tội dukkaṭ a.

61. **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị (tỳ khưu) nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng trú xá, ... và đã dâng y, ... đã dâng vật thực, ... đã dâng chỗ trú ngụ, ... đã dâng vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vị tỳ khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng; vị tỳ khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiên ở nơi thanh vắng, tứ

*thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị tỳ khưu ấy”
thì phạm tội dukkaṭa.*

62. Vị tuyên bố sự thực chứng đến người đã tu lên
bậc trên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về tuyên bố sự thực chứng là thứ tám.

--ooOoo--

6. 1. 9. ĐIỀU HỌC VỀ CÔNG BỐ TỘI XẤU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya gây chuyện xung đột với các tỳ khuru nhóm Lục Sư. Vị ấy sau khi phạm tội xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* về tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hình phạt *parivāsa* về tội ấy.

2. Vào lúc bấy giờ, tại thành Sāvattthī có buổi trai phạn của phường hội nọ. Vị ấy đang chịu hình phạt *parivāsa* nên đã ngồi chỗ ngồi cuối cùng trong nhà ăn. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ấy điều này: - “Này các đạo hữu, vị này là đại đức Upananda con trai dòng Sakya được quen thuộc với quý vị, là vị thường tới lui với các gia đình, là vị thọ dụng vật tín thí bằng chính bàn tay đã gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Vị ấy sau khi phạm tội xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* về tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hình phạt *parivāsa* về tội ấy. Vị ấy đang chịu hình phạt *parivāsa* nên đã ngồi chỗ ngồi cuối cùng trong nhà ăn.”

3. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại công bố tội xấu của vị tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người công bố tội xấu của vị tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn,

đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Nay những kẻ rồ dại, vì sao các nguoi lại công bố tội xấu của vị tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các nguoi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào công bố tội xấu của vị tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có sự đồng ý của các tỳ khuru.”

4. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Của tỳ khuru: là của vị tỳ khuru khác.

Tội xấu nghĩa là bốn tội *pārājika* và mười ba tội *sañ ghādisesa*.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra tỳ khuru và tỳ khuru ni, (các nguoi) còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

Công bố: Vị công bố đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các tỳ khuru: Trừ ra có sự đồng ý của các tỳ khuru. Có sự đồng ý của các tỳ khuru có sự giới hạn về tội không có sự giới hạn về gia đình, có sự

đồng ý của các tỳ khưu có sự giới hạn về gia đình không có sự giới hạn về tội, có sự đồng ý của các tỳ khưu có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình, có sự đồng ý của các tỳ khưu không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình.

Có sự giới hạn về tội nghĩa là các tội được xét đến: *“Nên công bố với chúng ấy tội.”* **Có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các gia đình được xét đến: *“Nên công bố đến chúng ấy gia đình.”* **Có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các tội được xét đến và các gia đình được xét đến: *“Nên công bố với chúng ấy tội đến chúng ấy gia đình.”* **Không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các tội không được xét đến và các gia đình không được xét đến: *“Nên công bố với chúng ấy tội đến chúng ấy gia đình.”*

Khi có sự giới hạn về tội, trừ ra các tội được xét đến vị công bố các tội khác thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các gia đình được xét đến vị công bố đến các gia đình khác thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các tội được xét đến và trừ ra các gia đình được xét đến, vị công bố các tội khác đến các gia đình khác thì phạm tội *pācittiya*.

Khi không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình thì vô tội.

Tội xấu, nhận biết là tội xấu, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có sự đồng ý của các tỳ khưu. Tội xấu, có sự hoài nghi, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có sự đồng ý của các tỳ khưu. Tội xấu, (lầm) tưởng không phải là tội xấu, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có sự đồng ý của các tỳ khưu.

Vị công bố tội không phải là tội xấu thì phạm tội *dukkat a*. Vị công bố sự vi phạm tội xấu hoặc tội không xấu của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkat a*.

Không phải là tội xấu, (lầm) tưởng là tội xấu, phạm tội *dukkat a*. Không phải là tội xấu, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là tội xấu, nhận biết không phải là tội xấu, phạm tội *dukkat a*.

Vị tuyên bố về sự việc không (tuyên bố) về tội, vị tuyên bố về tội không (tuyên bố) về sự việc, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về công bố tội xấu là thứ chín.

--ooOoo--

6. 1. 10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐÀO ĐẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong khi thực hiện công trình mới các tỳ khưu ở thành Āḷavī tự đào và bảo đào đất. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự đào và bảo đào đất, các Sa-môn Thích tử giết hại mạng sống chỉ có một giác quan?” Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ở thành Āḷavī lại tự đào và bảo đào đất?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người tự đào và bảo đào đất, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại tự đào và bảo đào đất vậy? Này những kẻ rồ dại, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong đất. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào tự đào hoặc bảo đào đất thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đất nghĩa là có hai loại đất: đất màu mỡ và đất không màu mỡ. **Đất màu mỡ** nghĩa là thuần đất thịt, thuần đất sét, có ít đá, có ít sỏi, có ít mảnh sành, có ít sạn, có ít cát, phần lớn là đất thịt, phần lớn là đất sét, đất chưa được đốt cháy là đất màu mỡ được nói đến. Đồng đất thịt hoặc đồng đất sét được thấm nước mưa hơn bốn tháng, đây cũng được gọi là đất màu mỡ. **Đất không màu mỡ** nghĩa là thuần đá, thuần sỏi, thuần mảnh sành, thuần sạn, thuần cát, có ít đất thịt, có ít đất sét, phần lớn là đá, phần lớn là sỏi, phần lớn là mảnh sành, phần lớn là sạn, phần lớn là cát, đã được đốt cháy là đất không màu mỡ được đề cập đến. Đồng đất thịt hoặc đồng đất sét được thấm nước mưa chưa tới bốn tháng, đây cũng được gọi là đất không màu mỡ.

Đào: là tự mình đào thì phạm tội *pācittiya*. **Bảo đào:** là bảo người khác đào thì phạm tội *pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) đào nhiều lần (vị ra lệnh chỉ) phạm (một) tội *pācittiya*.

Đất, nhận biết là đất, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì phạm tội *pācittiya*. Đất, có sự hoài nghi, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì phạm tội *pācittiya*.

Đất, (lầm) tưởng không phải là đất, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì vô tội.

Không phải đất, (lầm) tưởng là đất, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là đất, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là đất, nhận biết không phải là đất thì vô tội.

Vị nói rằng: ‘*Hãy tìm vật này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có nhu cầu về vật này, hãy làm vật này thành đúng phép,*’ không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc đào đất là thứ mười.

Phẩm Nói Dối là thứ nhất.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Nói dối, sự mắng nhiếc, và đâm thọc, câu (Pháp), và hai điều về việc nằm, ngoại trừ với người biết, việc thực chứng, tội xấu, và việc đào xới.

--ooOoo--

6. 2. PHẨM THẢO MỘC

6. 2. 1. ĐIỀU HỌC VỀ THẢO MỘC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới, các tỳ khưu ở thành Āḷavī chặt cây và bảo người chặt. Có vị tỳ khưu nọ ở thành Āḷavī cũng chặt cây. Vị Thiên nhân ngự ở trên cây ấy đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Thưa ngài, ngài có ý định làm chỗ ở cho mình thì xin ngài chớ phá hủy chỗ ở của chúng tôi.” Vị tỳ khưu ấy trong lúc không lưu tâm đã chặt đi và đã đánh trúng cánh tay đứa bé trai của vị Thiên nhân ấy. Khi ấy, vị Thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: “Có lẽ ta nên đoạt mạng sống của vị tỳ khưu này ngay tại nơi đây?” Rồi vị Thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: “Việc ta đoạt mạng sống của vị tỳ khưu này ngay tại nơi đây là không đúng đắn, có lẽ ta nên trình sự việc này lên đức Thế Tôn?” Sau đó, vị Thiên nhân ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này Thiên nhân, lành thay, lành thay! Này Thiên nhân, lành thay người đã không đoạt lấy mạng sống của vị tỳ khưu ấy. Này Thiên nhân, nếu hôm nay người đã đoạt lấy mạng sống của vị tỳ khưu ấy, này Thiên nhân người đã gây ra nhiều sự vô phước. Này Thiên nhân, hãy đi, ở chỗ kia có thân cây mộc riêng biệt. Hãy đi đến nơi ấy.”

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại chặt cây và bảo người chặt? Các Sa-môn Thích tử giết hại mạng sống chỉ có một giác quan. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ở thành Āḷavī lại chặt cây và bảo người chặt?”

Khi ấy, đức Thế Tôn —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người chặt cây và bảo người chặt, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại chặt cây và bảo người chặt vậy? Này những kẻ rồ dại, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong thân cây. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi phá hoại sự sống của thảo mộc thì phạm tội pācittiya.”

3. **Thảo mộc** nghĩa là có năm sự sanh ra bởi mầm giống: mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm.

Mầm giống từ rễ nghĩa là củ nghệ, củ gừng, cây *vacā*, cây *vacattam*, cây ngải cứu, cây lê lư (trị bệnh điên?), cây

usīram, cỏ *bhaddamuttakam*, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ rễ, được nảy mầm từ rễ, vật ấy được gọi là mầm giống từ rễ.

Mầm giống từ thân nghĩa là cây sung, cây đa, cây *pilakkha*, cây *udumbara*, cây tuyết tùng, cây *kapiṭṭhana*, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ thân, được nảy mầm từ thân, vật ấy được gọi là mầm giống từ thân.

Mầm giống từ mắt chồi nghĩa là cây mía, cây tre, cây sậy, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ đoạn nối, được nảy mầm từ đoạn nối, vật ấy được gọi là mầm giống từ mắt chồi.

Mầm giống từ phần ngọn nghĩa là cây húng quế, cỏ lạc đà, cỏ thom *hiriveram*, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ phần ngọn, được nảy mầm từ phần ngọn, điều ấy được gọi là mầm giống từ phần ngọn.

Mầm giống từ hạt nghĩa là hạt lúa bắp, hạt rau cải, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ hạt, được nảy mầm từ hạt, vật ấy được gọi là mầm giống từ hạt.

Mầm giống, nhận biết là mầm giống, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội *pācittiya*. Mầm giống, có sự hoài nghi, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội *dukkatā*. Mầm giống, (lầm) tưởng không phải là mầm

giống, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì vô tội.

Không phải mầm giống, (lầm) tưởng là mầm giống, phạm tội *dukkaṭa* 4. Không phải là mầm giống, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* 4. Không phải là mầm giống, nhận biết không phải là mầm giống thì vô tội.

Vị nói rằng: ‘Hãy tìm vật này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có nhu cầu về vật này, hãy làm vật này thành đúng phép,’ không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về thảo mộc là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 2. 2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI TRÁNH NẾ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa tự mình hành xử sai nguyên tắc và trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): - “Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?” Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’” —nt— “Này Channa, nghe nói người trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’ Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì hội chúng hãy phán quyết

tội nói tránh né đến tỳ khuru Channa. Và này các tỳ khuru, nên phán quyết như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên phán quyết tội nói tránh né đến tỳ khuru Channa. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác. Hội chúng phán quyết tội nói tránh né đến tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội nói tránh né đến tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tội nói tránh né đã được hội chúng phán quyết đến tỳ khuru Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi nói tránh né thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng, đại đức Channa (nghĩ rằng): “Trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác, ta sẽ vi phạm tội” nên đã im lặng gây khó khăn cho hội chúng. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng gây khó khăn cho hội chúng? —nt— “Này Channa, nghe nói người trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng đã im lặng gây khó khăn cho hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng gây khó khăn cho hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại và bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì hội chúng hãy phán quyết tội gây khó khăn đến tỳ khuru Channa. Và này các tỳ khuru, nên phán quyết như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

6. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng gây khó khăn cho hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên phán quyết tội gây khó khăn đến tỳ khuru Channa. Đây là lời đề nghị.*

7. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng gây khó khăn cho hội chúng. Hội chúng phán quyết tội*

gây khó khăn đến tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội gây khó khăn đến tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tội gây khó khăn đã được hội chúng phán quyết đến tỳ khuru Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi nói tránh né, gây khó khăn thì phạm tội pācittiya.”

9. Nói tránh né nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’ việc này nghĩa là nói tránh né.

Gây khó khăn nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng; việc này nghĩa là gây khó khăn.

Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng,

vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’ thì phạm tội *dukkat a*.

Khi tội gây khó khăn chưa được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội *dukkat a*.

Khi tội nói tránh né đã được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác (nói rằng): ‘Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Người nói ai? Người nói điều gì?’ thì phạm tội *pācittiya*.

Khi tội gây khó khăn đã được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự

đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai pháp, (lầm tưởng) là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị không biết rồi hỏi, hoặc vị bị bệnh rồi không nói, (nghĩ rằng): ‘*Hội chúng sẽ có xung đột, hoặc cãi cọ, hoặc tranh luận, hoặc tranh cãi*’ rồi không nói, (nghĩ rằng): ‘*Sẽ có sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng hội chúng*’ rồi không nói, (nghĩ rằng): ‘*Sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không xứng đáng với hành sự*’ rồi không nói, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về nói tránh né là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 2. 3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC PHÀN NÀN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ và sắp xếp các bữa ăn của hội chúng. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu có phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Các vị ấy phàn nàn về đại đức Dabba Mallaputta với các tỳ khưu rằng: - “Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ theo sự ưa thích và sắp xếp các bữa ăn theo sự ưa thích.”

Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phàn nàn về đại đức Dabba Mallaputta với các tỳ khưu?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người phàn nàn về Dabba Mallaputta với các tỳ khưu, có đúng không vậy? - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại phàn nàn về Dabba Mallaputta với các tỳ khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi phàn nàn thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka (nghĩ rằng): “Việc phê phán đã bị đức Thế Tôn cấm đoán, đã thế thì các tỳ khuru chỉ sẽ được nghe thôi” rồi phê phán đại đức Dabba Mallaputta ở xung quanh các vị tỳ khuru rằng: - “Dabba Mallaputta phân bổ chỗ trú ngụ theo sự ưa thích và sắp xếp các bữa ăn theo sự ưa thích.” Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phê phán đại đức Dabba Mallaputta?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người phê phán Dabba Mallaputta, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại phê phán Dabba Mallaputta vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi phàn nàn, phê phán thì phạm tội pācittiya.”

3. **Phê phán** nghĩa là vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị phân bổ chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh rồi

phản nản hoặc phê phán vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi phản nản phê phán thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi phản nản phê phán thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, khi phản nản phê phán thì phạm tội *pācittiya*.

Vị phản nản hoặc phê phán người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh rồi phản nản hoặc phê phán với vị đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh, rồi phê phán hoặc phản nản với vị đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Hành sự sai pháp, (lầm tưởng) là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị phàn nàn hoặc phê phán vị (khác) đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc phàn nàn là thứ ba.

--ooOoo--

6. 2. 4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHỖ NẪM NGỒI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ nhằm lúc mùa lạnh, các tỳ khuru sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời rồi sưởi ấm thân thể. Khi thời giờ được thông báo, các vị trong lúc rời đi đã không thu dọn cũng không báo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ nằm ngồi trở nên ẩm ướt. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru sau khi sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không báo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo khiến chỗ nằm ngồi bị ẩm ướt?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru sau khi sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi tự trải ra hoặc bảo trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, trong lúc rời đi không thu dọn cũng không báo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sau khi ngụ ở ngoài trời rồi mang cất chỗ nằm ngồi lúc còn sớm. Đức Thế

Tôn đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy đang mang cất chỗ nằm ngời lúc còn sớm; sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, trong tám tháng thông thường không có mưa ta cho phép cất giữ chỗ nằm ngời ở nơi mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ngay tại chỗ nào các con quạ hoặc chim kên kên không phóng uế.”*

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được.

Nệm nghĩa là có năm loại nệm: nệm len, nệm bông vải, nệm vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

Vật kê nghĩa là làm bằng bông vải, hoặc làm bằng cây *usīra*, hoặc làm bằng cỏ *muñja*, hoặc làm bằng cỏ *pabbaja* sau khi đã độn vào bên trong thì được buộc lại.

Sau khi tự trái ra: sau khi tự mình trái ra.

Sau khi bảo trái ra: sau khi bảo người khác trái ra. Vị bảo người chưa tu lên bậc trên trái ra thì trách nhiệm thuộc về vị ấy. Vị bảo người đã tu lên bậc trên trái ra thì trách nhiệm thuộc về người đã trái ra.

Trong lúc rời đi không thu dọn vật ấy: không tự mình thu dọn.

Cũng không bảo thu dọn: không bảo người khác thu dọn.

Hoặc ra đi không thông báo: không thông báo vị tỳ khưu, hoặc vị sa di, hoặc người giúp việc tu viện. Vị vượt quá chỗ rơi của cục đất được ném đi bởi người nam (có sức mạnh) bậc trung¹ thì phạm tội *pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, sau khi trái ra hoặc bảo trái ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, —nt— Thuộc về hội chúng, (lầm) tưởng là thuộc về cá nhân, sau khi trái ra hoặc bảo trái ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *pācittiya*.

¹ Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết khoảng cách là 6 mét (?).

Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời tắm lót nền hoặc vãi phủ giường ghế hoặc thảm trải nền hoặc thảm lót ngồi hoặc tắm da thú hoặc thảm chùi chân hoặc ghế kê chân, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về hội chúng, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về cá nhân (này) trong lúc lại thuộc về cá nhân khác, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Sau khi thu dọn rồi ra đi, sau khi bảo thu dọn rồi ra đi, vị ra đi có thông báo, vị ra đi khi (vật ấy) đang còn được phơi nắng,¹ (vật ấy) đã được bất cứ ai chiếm hữu, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất về chỗ nằm ngồi là thứ tư.

--ooOoo--

¹ Nghĩ rằng: “Sau khi quay trở lại, ta sẽ thu dọn” (VinA. iv, 776).

6. 2. 5. ĐIỀU HỌC THỨ HAI VỀ CHỖ NẪM NGỒI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư là bạn hữu. Các vị ấy trong khi sống thì sống chung, trong khi ra đi thì ra đi chung. Các vị ấy sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi đã không thu dọn cũng không bảo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ trú ngụ đã bị mối gặm nhấm.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi không thu dọn cũng không bảo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi ra đi không thông báo khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc

về hội chúng, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không báo (người khác) thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi tự trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi không thu dọn cũng không báo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Chỗ nằm nghĩa là nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, thảm đan, tấm da thú, vật lót ngồi, tấm trải nằm, thảm cỏ, thảm lá.

Sau khi tự trải ra: sau khi tự mình trải ra.

Sau khi bảo trải ra: sau khi bảo người khác trải ra.

Trong lúc rời đi không thu dọn vật ấy: không tự mình thu dọn.

Cũng không bảo thu dọn: không bảo người khác thu dọn.

Hoặc ra đi không thông báo: không thông báo vị tỳ khuru, hoặc vị sa di, hoặc người giúp việc tu viện. Vị vượt quá hàng rào của tu viện được rào lại thì phạm tội *pācittiya*. Vị vượt qua vùng phụ cận của tu viện không được rào lại thì phạm tội *pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, (lầm) tưởng là thuộc về cá nhân, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở vùng phụ cận của trú xá hoặc trong phòng phục vụ hoặc ở mái che hoặc ở gốc cây, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *dukkatā a*. Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra giường hoặc ghế ở trong trú xá hoặc ở vùng phụ cận của trú xá hoặc trong phòng phục vụ hoặc ở mái che hoặc ở gốc cây, trong lúc rời đi lại không thu dọn cũng không

bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về hội chúng, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về cá nhân (này) trong khi lại thuộc về cá nhân khác, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Sau khi thu dọn rồi ra đi, sau khi bảo thu dọn rồi ra đi, vị ra đi có thông báo, (vật ấy) đã được bất cứ ai chiếm hữu, vị có dự tính sau khi đi đến nơi ấy rồi (nhắn tin về) hỏi, vị bị cản trở bởi bất cứ điều gì, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì về chỗ nằm ngồi là thứ năm.

--ooOoo--

6. 2. 6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CHEN VÀO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chiếm hữu các chỗ nằm tốt nhất; các tỳ khuru trưởng lão bảo các vị ấy đứng dậy. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Bằng phương kế gì chúng ta có thể sống mùa (an cư) mưa ở chính nơi này?” Sau đó, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi nằm xuống (nghĩ rằng): “Người nào bực bội thì sẽ ra đi.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi nằm xuống?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi nằm xuống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào ở trong trú xá thuộc về hội chúng đều biết vẫn chen vào (chỗ) của vị tỳ khuru đã đến trước rồi nằm xuống (nghĩ rằng): ‘Người nào bực bội thì sẽ ra đi.’ Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Biết nghĩa là vị biết rằng: ‘Vị già cả,’ vị biết rằng: ‘Vị bệnh,’ vị biết rằng: ‘Đã được hội chúng giao cho.’

Chen vào: là sau khi lấn chiếm.

Nằm xuống: Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở khu vực lân cận của giường hoặc của ghế hoặc của lối vào hoặc của lối ra thì phạm tội *dukkat a*. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống (ở chỗ ấy) thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác: không có bất cứ nguyên nhân nào khác khiến (vị ấy) chen vào rồi nằm xuống.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị chen vào rồi nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị chen vào rồi nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, (lầm) tưởng là thuộc về cá nhân, vị chen vào rồi nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vị trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm không thuộc khu vực lân cận của giường hoặc của ghế hoặc của lối vào

hoặc của lối ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống (chỗ ấy) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở vùng phụ cận của trú xá hoặc trong phòng phục vụ hoặc ở mái che hoặc ở gốc cây hoặc ở ngoài trời thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống (chỗ ấy) thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về hội chúng, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về cá nhân (này) trong khi lại thuộc về cá nhân khác, phạm tội *dukkaṭa* a. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Vị đi vào khi bị bệnh, vị đi vào vì lạnh hoặc vì nóng hoặc bị áp bức, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc chen vào là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 2. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÔI KÉO RA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá lớn nọ ở vùng ven (nghĩ rằng): ‘Chúng ta sẽ sống mùa (an cư) mưa ở đây.’ Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư này đang sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ rút đi.” Một số vị đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ đang sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong thì chúng ta sẽ bảo họ rút đi.” Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này: - “Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.” - “Này các đại đức, sao lại không nói cho biết trước, chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác?” - “Này các đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?” - “Này các đại đức, đúng vậy, trú xá thuộc về hội chúng.” - “Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.” - “Này các đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được, thì chúng tôi cũng sẽ ở được.” - “Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.” Rồi đã nổi giận, bất bình nắm (các vị ấy) ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong lúc bị lôi kéo ra ngoài, các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?” - “Thưa các đại đức, những tỳ

khuru nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư này khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người nổi giận, bất bình rồi lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nổi giận, bất bình rồi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo vị tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: là vị tỳ khuru khác.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bức bối, nảy sanh lòng cay cú.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lôi kéo ra: sau khi nắm lấy ở trong phòng rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi nắm lấy ở phía trước rồi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội *pācittiya*. Với một lần ra sức, mặc dầu kéo đi qua nhiều cánh cửa phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Bảo lôi kéo ra: vị ra lệnh người khác thì phạm tội *pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu kéo đi qua nhiều cánh cửa (vị ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, (lầm) tưởng là thuộc về cá nhân, vị nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*.

Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia thì phạm tội *dukkaṭa a*. Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra khỏi vùng phụ cận của trú xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi gốc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo người chưa tu lên bậc trên ra khỏi trú xá, hoặc ra khỏi vùng phụ cận của trú xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi gốc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia thì phạm tội *dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về hội chúng, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về cá nhân (này) trong khi lại thuộc về cá nhân khác, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị không biết hổ thẹn, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ấy; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị bị điên, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ấy; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị thường gây nên các sự xung đột, ... vị thường gây nên các sự cãi cọ, ... vị thường gây nên các sự tranh luận, ... vị thường gây nên các sự nói chuyện nhảm nhí, ... vị thường gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra người đệ tử hoặc người học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học về việc lôi kéo ra là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 2. 8. ĐIỀU HỌC VỀ CĂN GÁC LẦU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ khuru trong trú xá của hội chúng có căn gác lầu, một vị sống ở bên dưới, một vị ở phía trên. Vị tỳ khuru ở trên đã ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được. Chân giường đã rơi xuống và chạm vào đầu của vị tỳ khuru ở bên dưới. Vị tỳ khuru ấy đã thét lên. Các tỳ khuru đã chạy lại và đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, vì sao đại đức đã thét lên?” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin

cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: là vị tỳ khuru khác.

Thuộc về hội chúng nghĩa là trú xá đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Căn gác lầu nghĩa là không đụng vào đầu của người đàn ông (có chiều cao) bậc trung.

Giường loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào.

Ghế loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào.

Ngồi xuống: vị ngồi xuống ở chỗ ấy thì phạm tội pācittiya.

Nằm xuống: vị nằm xuống ở chỗ ấy thì phạm tội pācittiya.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu thì phạm tội *pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, —nt— Thuộc về hội chúng, (lầm) tưởng là thuộc về cá nhân, vị ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu thì phạm tội *pācittiya*.

Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về hội chúng, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, (lầm tưởng) là thuộc về cá nhân (này) trong khi lại thuộc về cá nhân khác, phạm tội *dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Ở chỗ không phải là gác lầu, ở gác lầu (thấp) bị va chạm vào đầu, phần bên dưới là không được sử dụng, (gác lầu) đã được lót sàn, (giường ghế) đã được đóng đinh, vị đứng ở trên chỗ ấy lấy xuống hoặc treo lên, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về căn gác lầu là thứ tám.

--ooOoo--

6. 2. 9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ XÁ LỚN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, vị quan đại thần người hộ độ cho đại đức Channa ra lệnh xây dựng trú xá cho đại đức Channa. Khi ấy, lúc trú xá đã được làm hoàn tất, đại đức Channa đã cho người lợp đi lợp lại, đã cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống. Sau đó, đại đức Channa trong lúc gom góp cỏ và cây gỗ đã làm hư hỏng ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại làm hư hỏng ruộng lúa mạch của chúng tôi?” Các tỳ khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao lúc trú xá đã được làm hoàn tất, đại đức Channa còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống?” —nt— “Này Channa, nghe nói lúc trú xá đã được làm hoàn tất người còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao lúc trú xá đã được làm hoàn tất, người còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ

xuống vậy? Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong lúc cho xây dựng trú xá lớn, vị tỳ khuru nên đứng ở chỗ không trông trượt mà quyết định cách thức về hai ba lớp tô đắp đôi với việc lắp đặt chốt cửa, đôi với việc trang hoàng các lỗ thông hơi, cho đến khung cửa lớn. Nếu vượt quá điều ấy, cho dầu vị đứng ở chỗ không trông trượt mà quyết định vẫn phạm tội pācittiya.”

3. Trú xá lớn: nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá: nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong lúc cho xây dựng: là (tự mình) đang làm hoặc đang bảo người làm.

Cho đến khung cửa lớn: là (khoảng rộng) một tầm tay (1 mét 25) ở các khu vực xung quanh của đà ngang và trụ cửa.

Đối với việc lắp đặt chốt cửa: của việc lắp đặt cánh cửa lớn.

Đối với việc trang hoàng các lỗ thông hơi: là của việc trang hoàng các cửa sổ (gồm có các việc): sơn màu trắng, sơn màu đen, sơn màu đỏ, trang hoàng hình vòng

hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Nên đứng ở chỗ không trông trọt mà quyết định cách thức về hai ba lớp tô đắp: Được trông trọt nghĩa là các loại lúa bắp và rau cải. Nếu đứng ở chỗ được trông trọt mà xác định thì phạm tội *dukkat* a. Khi đang cho tô đắp theo đường thẳng, sau khi đã quyết định hai đường và đã chỉ thị đường thứ ba thì nên rời đi. Khi đang cho tô đắp theo đường vòng, sau khi đã quyết định hai đường vòng và đã chỉ thị đường vòng thứ ba thì nên rời đi.

Nếu vượt quá điều ấy, cho dầu vị đứng ở chỗ không trông trọt mà quyết định: Vị đang cho tô đắp bằng ngói thì phạm tội *pācittiya* theo từng viên ngói. Vị đang cho tô đắp bằng đá phiến thì phạm tội *pācittiya* theo từng viên đá phiến. Vị đang cho tô đắp bằng vữa hồ thì phạm tội *pācittiya* theo từng cục vữa hồ. Vị đang cho tô đắp bằng cỏ thì phạm tội *pācittiya* theo từng nắm cỏ. Vị đang cho tô đắp bằng lá thì phạm tội *pācittiya* theo từng tấm lá.

Vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là vượt quá, vị quyết định thì phạm tội *pācittiya*. Vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi, vị quyết định thì phạm tội *pācittiya*. Vượt quá hai hay ba cách thức, (lầm) tưởng là chưa quá, vị quyết định thì phạm tội *pācittiya*.

Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, (lầm tưởng) là đã vượt quá, phạm tội *dukkaṭa* a. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là chưa quá thì vô tội.

Trong hai hay ba cách thức, khi chưa đủ hai hay ba cách thức, trong hang đá, trong hang động, trong cốc liêu bằng cỏ, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, trừ ra nhà ở còn tất cả các nơi thì không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về trú xá lớn là thứ chín.

--ooOoo--

6. 2. 10. ĐIỀU HỌC VỀ (NƯỚC) CÓ SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới các tỳ khuru ở thành Āḷavī trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ở thành Āḷavī trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết hoặc các người khác thông báo cho vị ấy.

Tuổi: vị tự mình tuổi thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo tuổi: Vị ra lệnh cho người khác thì phạm tội *pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) tuổi nhiều lần, (vị ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Khi có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vị tuổi hoặc bảo tuổi lên cỏ hay đất sét thì phạm tội *pācittiya*. Khi có sinh vật, có sự hoài nghi, vị tuổi hoặc bảo tuổi lên cỏ hay đất sét thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi có sinh vật, (lầm) tưởng là không có sinh vật, vị tuổi hoặc bảo tuổi lên cỏ hay đất sét thì vô tội.

Khi không có sinh vật, (lầm tưởng) là có sinh vật, phạm tội *dukkaṭa*. Khi không có sinh vật, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Khi không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội.

Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học về (nước) có sinh vật là thứ mười.

Phẩm Thảo Mộc là thứ nhì.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Thảo mộc, nói tráo trở, trong khi phê phán, hai điều về vị ròi đi, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo ròi được, cửa lớn, và có sinh vật.

--ooOoo--

6. 3. PHẨM GIÁO GIỚI TỖ KHƯU NI

6. 3. 1. ĐIỀU HỌC VỀ GIÁO GIỚI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trưởng lão trong khi giáo giới các tỳ khưu ni có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh. Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: - “Này các đại đức, hiện nay các tỳ khưu trưởng lão trong khi giáo giới các tỳ khưu ni có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh. Này các đại đức, vậy chúng ta cũng giáo giới các tỳ khưu ni.”

2. Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp các tỳ khưu ni và đã nói điều này: - “Này các sư tỷ, hãy đi đến gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới.” Khi ấy, các tỳ khưu ni ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đánh lễ các tỳ khưu nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói Pháp thoại đến các tỳ khưu ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi đã giải tán (nói rằng): - “Này các sư tỷ, hãy đi đi.”

3. Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu ni ấy đang

đứng một bên điều này: - “Này các tỳ khuru ni, chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả?” - “Bạch ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài đại đức nhóm Lục Sư nói Pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán?”

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các tỳ khuru ni ấy bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, các tỳ khuru ni ấy đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

5. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru nhóm Lục Sư rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các người nói Pháp thoại cho các tỳ khuru ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại nói Pháp thoại cho các tỳ khuru ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị giáo giới tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru,

nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

6. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị giáo giới tỳ khuru ni. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị giáo giới tỳ khuru ni. Đại đức nào đồng ý với việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị giáo giới tỳ khuru ni xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị giáo giới tỳ khuru ni. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị giáo giới tỳ khuru ni xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

7. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào chưa được chỉ định mà giáo giới tỳ khuru ni thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

8. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trưởng lão đã được chỉ định trong khi giáo giới các tỳ khuru ni có nhận được lợi lộc y như thế thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: - “Này các đại đức, hiện nay các tỳ khuru trưởng lão đã được chỉ định trong khi giáo giới các tỳ khuru ni có nhận được lợi lộc y như thế thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy đi ra khỏi ranh giới, sau khi chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni cho lẫn nhau, chúng ta hãy giáo giới các tỳ khuru ni.”

9. Sau đó, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi ra khỏi ranh giới và đã chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni cho lẫn nhau, sau đó đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Này các sư tỷ, chúng tôi cũng đã được chỉ định. Hãy đi đến gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới.” Khi ấy, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đánh lễ các tỳ khuru nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã nói Pháp thoại đến các tỳ khuru ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi đã giải tán (nói rằng): - “Này các sư tỷ, hãy đi đi.”

10. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khuru ni ấy đang đứng một bên điều này: - “Này các tỳ khuru ni, chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả?” - “Bạch ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài đại đức nhóm Lục Sư nói Pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán?” Khi ấy, đức Thế Tôn bằng bài Pháp thoại đã chỉ dạy, —nt— hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru nhóm Lục Sư rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các người nói Pháp thoại cho các tỳ khuru ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại nói Pháp thoại cho các tỳ khuru ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

12. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị giáo giới tỳ khuru ni là vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện: Là vị có giới, sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bốn Pātimokkha, là vị đã

được thành tựu về hành xử,¹ thấy được sự sợ hãi trong những tội nhỏ nhất, là vị thọ trì và thực hành trong các điều học. Là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các Pháp nào là toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức như thế được nghe nhiều, được thuộc nằm lòng, được ôn tập bằng khẩu, được suy xét bằng tâm, được khéo phân tích bằng kiến thức. Cả hai giới bốn Pātimokkha được khéo truyền thừa một cách chi tiết, khéo được chia sẻ, khéo được thực hành, khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ. Là vị có giọng nói rõ ràng, có cách nói lời cuốn. Được nhiều tỳ khuru ni quý mến và ưa thích. Có năng lực giáo giới các tỳ khuru ni. Trước đây không có vi phạm tội nghiêm trọng đối với người nữ đã xuất gia mặc y ca-sa theo đức Thế Tôn ấy.² Là vị được hai mươi năm hoặc hơn hai mươi năm (thâm niên). Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện này làm vị giáo giới tỳ khuru ni.

13. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

¹ Ācāra-gocara: hành xử, tức là sở hành và các chỗ đi lại, thân cận. Ngài Buddhaghosa giải thích là vị không hành tà mạng như là cho tre, v.v... không đi đến các nơi không nên đi như gái điếm, v.v... và có được hành xử là các gia đình đầy đủ đức tin, v.v... (VinA. iv, 788).

² Khi ở tại gia, không có đụng chạm cơ thể với tỳ khuru ni, không thực hiện việc đôi lứa với các cô ni tu tập sự và sa di ni (VinA. iv, 791).

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được chỉ định nghĩa là chưa được chỉ định bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: vị giáo giới với tám Kính Pháp thì phạm tội *pācittiya*. Vị giáo giới với pháp khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Vị giáo giới cô ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭa a*.

14. Vị tỳ khuru được chỉ định ấy nên quét dọn chỗ ngụ, chuẩn bị nước uống nước rửa, sắp đặt chỗ ngồi, sau khi giữ lại vị thứ nhì¹ rồi nên ngồi xuống. Các tỳ khuru ni đi đến nơi ấy nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy rồi nên ngồi xuống ở một bên. Vị tỳ khuru được chỉ định ấy nên hỏi rằng: “Này các sư tỷ, các vị đã đến đây đủ chưa?”² Nếu (các tỳ khuru ni) đáp rằng: “Thưa ngài, chúng tôi đã đến đây đủ,” (nên hỏi rằng): “Này các sư tỷ, tám Kính Pháp có được thực hành không?” Nếu (các tỳ khuru ni) đáp rằng: “Thưa ngài, có được thực hành,” (nên nói rằng): “Này các sư tỷ, đây là lời giáo giới” rồi nên ban lời giáo giới. Nếu (các tỳ khuru ni) đáp rằng: “Thưa ngài, không

¹ Để khỏi bị phạm tội khi thuyết Pháp đến người nữ (*Sđd.* 792).

² “*Samaggaṭṭha bhaginiyo ti*” được ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Sabbā āgatthatā ti*” nên được dịch như trên thay vì “Các sư tỷ có được hợp nhất không?” (*Sđd.* 792).

được thực hành,” (các tỳ khuru ni) nên được nhắc lại rằng:

15. “Tỳ khuru ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hành sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay, phận sự thích hợp đến vị tỳ khuru vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ khuru ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khuru. Đây cũng là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ khuru ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khuru: việc hỏi ngày *Uposatha* và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp —nt— Tỳ khuru ni sau khi mãn mùa (an cư) mưa nên hành lễ *Pavāraṇā* ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: hoặc do thấy, hoặc do nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ... Tỳ khuru ni vi phạm giới nghiêm trọng nên thực hành hình phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ... Cô ni tu tập sự đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp —nt— Tỳ khuru ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép sỉ vả hoặc chửi rửa tỳ khuru. Đây cũng là pháp —nt— Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỳ khuru ni đến các tỳ khuru bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỳ khuru đến các tỳ khuru ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn

trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.”

16. Nếu (các tỳ khuru ni) đáp rằng: “Thưa ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ,” vị nói về pháp khác thì phạm tội *dukkatā* a. Nếu (các tỳ khuru ni) đáp rằng: “Thưa ngài, chúng tôi chưa đầy đủ,”¹ vị nói về tám Kính Pháp thì phạm tội *dukkatā* a. Sau khi không ban lời giáo giới, vị nói về pháp khác thì phạm tội *dukkatā* a.

17. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–(lầm tưởng) là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

18. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–(lầm tưởng) là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

¹ “*vaggamhāyyā ti*” thay vì dịch “Thưa ngài, chúng tôi là phe nhóm,” chúng tôi dịch như trên cho phù hợp mạch văn.

19. Hành sự sai Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–(lầm tưởng) là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

20. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–nhận biết là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–(nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

21. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

22. Hành sự sai Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai

Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–có sự hoà nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp–(lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

23. Hành sự đúng Pháp–(lầm tưởng) là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự đúng Pháp–(lầm tưởng) là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–có sự hoà nghi, vị giáo giới —nt— (lầm tưởng) là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭa* a.

24. Hành sự đúng Pháp–có sự hoà nghi, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới —nt— có sự hoà nghi, vị giáo giới —nt— nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭa* a.

25. Hành sự đúng Pháp–nhận biết là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni chưa đầy đủ–nhận biết là chưa đầy đủ, vị giáo giới —nt— có sự hoà nghi, vị giáo giới —nt— (lầm tưởng) là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭa* a.

26. Hành sự đúng Pháp–(lầm tưởng) là hành sự sai Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ–(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới —nt— có sự hoà nghi, vị giáo giới —nt— nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭa* a.

27. Hành sự đúng Pháp—có sự hoài nghi, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ—(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới —nt— có sự hoài nghi, vị giáo giới —nt— nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭ a*.

28. Hành sự đúng Pháp—nhận biết là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ—(lầm tưởng) là chưa đầy đủ, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭ a*. Hành sự đúng Pháp—nhận biết là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ—có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *dukkaṭ a*. Hành sự đúng Pháp—nhận biết là hành sự đúng Pháp, hội chúng tỳ khuru ni đầy đủ—nhận biết là đầy đủ, vị giáo giới thì vô tội.

29. Vị đang ban cho phần đọc tụng,¹ vị đang ban cho phần giải thích,² vị nhắc lại khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin hãy nhắc lại,” vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các tỳ khuru ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị (giáo giới) cho cô ni tu tập sự, (vị giáo giới) cho sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về giáo giới là thứ nhất.

--ooOoo--

¹ Vị đang đọc tụng phần *Pāli* của tám Kính Pháp (VinA. iv, 800).

² Vị đang đọc Chú Giải về phần *Pāli* của tám Kính Pháp (*Sāḍ.*).

6. 3. 2. ĐIỀU HỌC VỀ (MẶT TRỜI) ĐÃ LẶN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trưởng lão giáo giới các tỳ khuru ni theo phiên. Vào lúc bấy giờ là phiên của đại đức Cūḷapanthaka giáo giới các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Bây giờ ngày hôm nay sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ ngài đại đức Cūḷapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy.”

2. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp đại đức Cūḷapanthaka, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Cūḷapanthaka rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Cūḷapanthaka đã nói với các tỳ khuru ni ấy đang ngồi một bên điều này:

- “Này các sư tỷ, các vị đã đến đây đủ chưa?”

- “Thưa ngài, chúng tôi đã đến đây đủ.”

- “Này các sư tỷ, tám Kinh Pháp có được thực hành không?”

- “Thưa ngài, có được thực hành.”

- “Này các sư tỷ, đây là lời giáo giới.” Sau khi ban lời trên, vị ấy đã đọc đi đọc lại bài cảm hứng này:

Đối với bậc hiền trí có tâm hướng thượng, không bị xao lãng, rèn luyện trong các đạo lộ trí tuệ, các sự buồn rầu không hiện hữu ở vị như thế ấy, là vị an tịnh, luôn luôn có niệm.”¹

3. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Không phải chúng tôi đã nói rằng: ‘Bây giờ ngày hôm nay sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ ngài đại đức Cūḷapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy’ hay sao?” Đại đức Cūḷapanthaka đã nghe được lời nói trao đổi này của các tỳ khuru ni ấy. Khi ấy, đại đức Cūḷapanthaka đã bay lên không trung rồi đi kinh hành trong không trung trên bầu trời, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi biến thành khói, rồi cháy rực lên, rồi biến mất. Vị ấy nói lên chính bài cảm hứng ấy và nhiều Phật ngôn khác.

Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Thưa ngài, thật là kỳ diệu! Thưa ngài, thật là phi thường! Quả thật từ trước đến nay, sự giáo giới cho chúng tôi trước đây không được hiệu quả như vậy, như là (sự giáo giới) của ngài đại đức Cūḷapanthaka!”

4. Sau đó, đại đức Cūḷapanthaka đã giáo giới các tỳ khuru ni ấy cho đến khi trời tối hẳn mới giải tán (nói rằng): - “Này các sư tỷ, hãy đi về.” Khi ấy, cửa thành đã đóng nên các tỳ khuru ni ấy đã trú lại bên ngoài thành đến sáng sớm mới đi vào thành phố. Dân chúng phàn

¹ *Udāna*, Meghiyavagga, Sāriputtasuttaṃ Theragāthā, Ekakanipāta, Ekudāniyattheragāthā.

nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các tỳ khuru ni này không còn Phạm hạnh; họ đã ở lại với các tỳ khuru trong tu viện bây giờ mới đi vào thành phố.”

5. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Cūḷ apanthaka lại giáo giới các tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn?” —nt— “Này Cūḷ apanthaka, nghe nói người giáo giới các tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này Cūḷ apanthaka, vì sao người lại giáo giới các tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn vậy? Này Cūḷ apanthaka, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Dầu đã được chỉ định, nếu vị tỳ khuru giáo giới tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn thì phạm tội pācittiya.”

6. **Đã được chỉ định** nghĩa là đã được chỉ định bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư.

Khi mặt trời đã lặn: khi mặt trời đã đi xuống ở bên dưới.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: vị giáo giới với tám Kính Pháp hoặc với pháp khác thì phạm tội *pācittiya*.

Khi (mặt trời) đã lặn, nhận biết là đã lặn, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Khi (mặt trời) đã lặn, có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*. Khi (mặt trời) đã lặn, (lầm tưởng) là chưa lặn, vị giáo giới thì phạm tội *pācittiya*.

Vị giáo giới cô ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭa a*. Khi (mặt trời) chưa lặn, (lầm tưởng) là đã lặn, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi (mặt trời) chưa lặn, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi (mặt trời) chưa lặn, nhận biết là chưa lặn thì vô tội.

Vị đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: ‘Thưa ngài, xin hãy nhắc lại,’ vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các tỳ khuru ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị (giáo giới) cho cô ni tu tập sự, (vị giáo giới) cho sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về (mặt trời) đã lặn là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 3. 3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỖ NGỰ CỦA Tỳ KHURU NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới cho các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Các tỳ khuru ni đã nói với các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư điều này: - “Này các ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi việc giáo giới.”

- “Này các ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài đại đức nhóm Lục Sư đây giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây.”

Các tỳ khuru ni phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư không đi việc giáo giới?”

2, Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni lại giáo giới cho các tỳ khuru ni?” —nt—

- “Này các tỳ khuru, nghe nói các người sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới cho các tỳ khuru ni, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni lại giáo giới cho các tỳ khuru ni vậy? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới cho các tỳ khuru ni thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamī bị bệnh. Các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: - “Này Gotamī, sức khoẻ bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?”

- “Thưa các ngài, sức khoẻ tôi không khá. Mọi việc không được thuận tiện. Thưa các ngài, xin hãy giảng Pháp.”

- “Này sư tỷ, sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni không được phép giảng Pháp cho các tỳ khuru ni.” Rồi trong lúc ngần ngại đã không thuyết giảng.

4. Sau đó, vào buổi sáng đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi

ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: - “Này Gotamī, sức khoẻ bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?”

- “Bạch ngài, trước đây các tỳ khuru trưởng lão đi đến gặp con thường giảng Pháp cho con, vì thế con được an lạc. Giờ đây, các vị (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã ngăn cấm,’ trong lúc ngần ngại không thuyết giảng, vì thế con không được an lạc.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni được giáo giới tỳ khuru ni bị bệnh. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới cho các tỳ khuru ni thì phạm tội pācittiya, ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là vị tỳ khuru ni bị bệnh. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

6. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ ngụ của tỳ khuru ni nghĩa là nơi nào các tỳ khuru ni cư ngụ đầu chỉ một đêm.

Sau khi đi đến: sau khi đi lại nơi ấy.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: vị giáo giới với tám Kính Pháp thì phạm tội *pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có duyên có.

Vị tỳ khuru ni bị bệnh nghĩa là không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc cộng trú.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm tưởng) là chưa tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

Vị giáo giới bằng pháp khác thì phạm tội *dukkaṭṭa a*. Vị giáo giới cô ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭṭa a*.

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm tưởng) là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkat a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội.

Khi có duyên có, vị đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: ‘Thưa ngài, xin hãy nhắc lại,’ vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các tỳ khuru ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị (giáo giới) cho cô ni tu tập sự, (vị giáo giới) cho sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về chỗ ngụ của tỳ khuru ni là thứ ba.

--ooOoo--

6. 3. 4. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT CHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trưởng lão trong khi giáo giới các tỳ khuru ni có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư nói như vậy: - “Các tỳ khuru trưởng lão không vì tôn kính Pháp mà giáo giới các tỳ khuru ni; các tỳ khuru trưởng lão giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân vật chất.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại phát ngôn như vậy: ‘Các tỳ khuru trưởng lão không vì tôn kính Pháp mà giáo giới các tỳ khuru ni; các tỳ khuru trưởng lão giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân vật chất?’” —nt—

- “Này các tỳ khuru, nghe nói các người phát ngôn như vậy: ‘Các tỳ khuru trưởng lão không vì tôn kính Pháp mà giáo giới các tỳ khuru ni; các tỳ khuru trưởng lão giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân vật chất,’ có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại phát ngôn như vậy: ‘Các tỳ khuru trưởng lão không vì tôn kính Pháp mà giáo

giới các tỳ khuru ni; các tỳ khuru trưởng lão giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân vật chất? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nói như vậy: ‘Các tỳ khuru giáo giới cho các tỳ khuru ni vì nguyên nhân vật chất’ thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vì nguyên nhân vật chất: vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là được phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đánh lễ, vì nguyên nhân cúng dường.

Nói như vậy: Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị giáo giới tỳ khuru ni rồi nói như vậy: “Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là được phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì

nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đánh lễ, vì nguyên nhân cúng dường;” vị nói thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, vị nói như thế thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, vị nói như thế thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự sai Pháp, (lầm tưởng) là hành sự đúng Pháp, vị nói như thế thì phạm tội *pācittiya*.

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị giáo giới tỳ khuru ni rồi nói như vậy: ‘Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, —nt— vì nguyên nhân cúng dường;’ vị nói thì phạm tội *dukkaṭa*.

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vị giáo giới tỳ khuru ni rồi nói như vậy: ‘Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là được phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đánh lễ, vì nguyên nhân cúng dường;’ vị nói thì phạm tội *dukkaṭa*.

Hành sự sai pháp, (lầm tưởng) là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài

nghi, phạm tội *dukkat* a. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, phạm tội *dukkat* a.

Vị nói về vị đang giáo giới theo thói thường vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là được phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đánh lễ, vì nguyên nhân cúng dường; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật chất là thứ tư.

--ooOoo--

6. 3. 5 .ĐIỀU HỌC VỀ CHO Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đi khát thực ở con đường nọ trong thành Sāvattthī. Có vị tỳ khuru ni nọ cũng đi khát thực ở con đường ấy. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này sư tỷ, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia.” Vị ni ấy cũng đã nói như vậy: - “Thưa ngài, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia.” Do sự gặp gỡ thường xuyên, họ đã trở nên thân thiết.

2. Vào lúc bấy giờ, y của hội chúng được chia ra. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy sau khi đi việc giáo giới đã đi đến gặp vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỳ khuru ấy rồi đứng ở một bên. Vị tỳ khuru ấy đã nói với vị tỳ khuru ni ấy đang đứng một bên điều này: - “Này sư tỷ, đây là phần chia y của tôi; chị nên nhận lấy.” - “Thưa ngài, xin vâng. Y của tôi đã tàn tệ.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã cho y đến vị tỳ khuru ni ấy. Ngay cả y của vị tỳ khuru ấy cũng đã tàn tệ. Các tỳ khuru đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, bây giờ hãy làm y của đại đức đi.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

3. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru lại cho y đến tỳ khuru ni?” —nt—

- “Này tỳ khuru, nghe nói người cho y đến tỳ khuru ni, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

- “Này tỳ khuru, là nữ thân quyến của người hay không phải là nữ thân quyến?”

- “Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.”

- “Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao người lại cho y đến tỳ khuru ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cho y đến tỳ khuru ni không phải là thân quyến thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong lúc ngán ngại không đưa y ra trao đổi với các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các ngài đại đức lại không đưa y ra trao đổi với chúng tôi?” Các tỳ khuru đã nghe được các tỳ khuru ni ấy phàn nàn, phê

phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni. Này các tỳ khuru, ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng này. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào cho y đến tỳ khuru ni không phải là thân quyến thì phạm tội pācittiya ngoại trừ sự trao đổi.”

5. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Người nữ) không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ sự trao đổi: trừ ra sự trao đổi, vị cho (y) thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị cho y thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị cho y thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyến, (lầm) tưởng là nữ thân quyến, vị cho y thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ sự trao đổi.

Vị cho y đến cô ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭa* ngoại trừ sự trao đổi. Là nữ thân quyến, (lầm) tưởng không phải là nữ thân quyến, phạm tội *dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Với vị (tỳ khuru ni) là nữ thân quyến, sự trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc vật nhỏ bằng vật lớn, vị tỳ khuru ni lấy do sự thân thiết, vị ni lấy trong một thời hạn, vị cho vật dụng khác ngoại trừ y, (cho đến) cô ni tu tập sự, (cho đến) sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về cho y là thứ năm.

--ooOoo--

6. 3. 6. ĐIỀU HỌC VỀ MAY Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru Udāyi là rành rẽ làm công việc may y. Có vị tỳ khuru ni nọ đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này: - “Thưa ngài, tốt thay ngài đại đức hãy may y cho tôi.” Sau đó, đại đức Udāyi đã may y cho tỳ khuru ni ấy, sau khi khéo nhuộm, khéo sửa soạn, đã vẽ lên hình ảnh gọi cảm ở giữa,¹ rồi gấp lại, và để riêng.

2. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này: - “Thưa ngài, y ấy đâu rồi?” - “Này sư tỷ, hãy mang đi và để riêng y này còn được gấp như vậy. Khi nào hội chúng tỳ khuru ni đi đến về việc giáo giới, khi ấy hãy khoác y này lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng tỳ khuru ni.”

3. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã mang đi và để riêng y ấy còn được gấp như thế. Đến khi hội chúng tỳ khuru ni đi đến nghe giáo giới, khi ấy mới khoác y ấy lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng tỳ khuru ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các tỳ khuru ni này thật là quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sỉ bởi vì dám vẽ hình

¹ Chú giải cho biết rằng: “Sau khi nhuộm y, đại đức Udāyi đã dùng nhiều màu sắc phác họa ở phần giữa của y ấy hình ảnh người nam và người nữ với sự thực hiện việc đôi lứa còn chưa kết thúc” (VinA. iv, 804).

ảnh gọi cảm lên trên y?” Các tỳ khuru ni đã nói như vậy:
 - “Việc làm này là của ai?” - “Là của ngài đại đức Udāyi.” - “Thậm chí đối với những kẻ quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sỉ, hình thức như vậy cũng không thể trưng bày. Chả lẽ lại là của ngài đại đức Udāyi?”

4. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Udāyi lại may y cho tỳ khuru ni?” —nt—

- “Này Udāyi, nghe nói người may y cho tỳ khuru ni, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

- “Này Udāyi, là nữ thân quyến của người hay không phải là nữ thân quyến?”

- “Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.”

- “Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao người lại may y cho tỳ khuru ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào may y hoặc bảo may y cho tỳ khuru ni không phải là thân quyến thì phạm tội *pācittiya*.”

5. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Người nữ) không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

May: vị tự mình may thì phạm tội *pācittiya* theo từng đường kim.

Bảo may: vị ra lệnh người khác thì phạm tội *pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) may nhiều lần vị (ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *pācittiya*. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *pācittiya*. Không phải là nữ thân quyến, (lầm) tưởng là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *pācittiya*.

Vị may y hoặc bảo may y cho cô ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Là nữ thân quyến, (lâm) tưởng không phải là nữ thân quyến, phạm tội *dukkaṭa* a. Là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Trường hợp vị (tỳ khưu ni) là nữ thân quyến, vị may hoặc bảo may vật dụng khác ngoại trừ y, (trường hợp) cô ni tu tập sự, (trường hợp) sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về may y là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 3. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư hẹn trước rồi đi chung đường xa với các tỳ khưu ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống y như chúng ta đi đạo với vợ, các Sa-môn Thích tử này cũng đi đạo với các tỳ khưu ni y như thế.”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại hẹn trước rồi đi chung đường xa với các tỳ khưu ni?” —nt—

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các người hẹn trước rồi đi chung đường xa với các tỳ khưu ni, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại hẹn trước rồi đi chung đường xa với các tỳ khưu ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào hẹn trước rồi đi chung đường xa với vị tỳ khuru ni ngay cả (đi) từ làng này sang làng khác¹ thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều tỳ khuru và tỳ khuru ni đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvattthī. Khi ấy, các tỳ khuru ni ấy sau khi nhìn thấy các tỳ khuru ấy đã nói điều này: - “Chúng tôi sẽ cùng đi với các ngài đại đức.” - “Này các sư tỷ, không được phép hẹn trước rồi đi chung đường xa với vị tỳ khuru ni. Hoặc là các chị hãy đi trước hoặc là chúng tôi sẽ đi trước.” - “Thưa các ngài, các ngài đại đức là những người cao quý. Chính các ngài đại đức hãy đi trước.”

4. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy trong khi đi sau ở giữa đường đã bị bọn đạo tặc cướp bóc còn bị làm ô uế nữa. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép trên con đường cần phải đi chung với đoàn xe, được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, sau khi hẹn trước được đi chung*

¹ *Gāmantaraṃ* = *gāma-antaraṃ*. khoảng giữa của các làng.

đường xa với vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi hẹn trước rồi đi chung đường xa với vị tỳ khuru ni ngay cả (đi) từ làng này sang làng khác thì phạm tội pācittiya, ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: con đường cần phải đi chung với đoàn xe, được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

5. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: cùng chung.

Sau khi hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: “Này sư tỷ, chúng ta hãy đi. Thừa ngài, chúng ta hãy đi. Thừa ngài, chúng ta hãy đi. Này sư tỷ, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai chúng ta hãy đi” thì phạm tội *dukkaṭa*.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng.

Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.¹

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có duyên có.

Con đường cần phải đi chung với đoàn xe nghĩa là con đường không có đoàn xe không thể đi được.

Có sự nguy hiểm nghĩa là trên con đường ấy chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trên con đường ấy dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy. Sau khi đi đến chỗ có sự kinh hoàng, khi nhìn thấy không có sự kinh hoàng thì nên giải tán (nói rằng): ‘Này các sư tỷ, hãy đi đi.’

Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Khi đã hẹn trước, (lầm) tưởng là không hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

¹ Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết khoảng cách của nửa do-tuần là 8 km, tức 5 miles.

Vị tỳ khuru hện trước còn vị tỳ khuru ni không hện trước, thì phạm tội *dukkaṭa* a. Khi không hện trước, (lầm) tưởng là đã hện trước, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi không hện trước, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi không hện trước, nhận biết là không hện trước thì vô tội.

Khi có duyên có, các vị sau khi không hện trước rồi đi, vị tỳ khuru ni hện trước còn vị tỳ khuru không hện trước, các vị đi ngoài giờ hện ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc hện trước là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 3. 8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÊN THUYỀN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các tỳ khuru ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống y như chúng ta du ngoạn với vợ trên một chiếc thuyền, các Samôn Thích tử này sau khi hẹn trước rồi du ngoạn với các tỳ khuru ni trên một chiếc thuyền y như thế.”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các tỳ khuru ni?” —nt—

- “Này các tỳ khuru, nghe nói các người sau khi hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các tỳ khuru ni, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rối đại, vì sao các người sau khi hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các tỳ khuru ni vậy? Này những kẻ rối đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi hẹn trước rồi cùng với vị tỳ khuru ni lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru và tỳ khuru ni đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvattthī. Khoảng giữa đường, có con sông cần phải vượt qua. Khi ấy, các tỳ khuru ni ấy đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: - “Chúng tôi sẽ vượt qua cùng với các ngài đại đức.” - “Này các sư tử, không được phép hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với vị tỳ khuru ni. Hoặc là các vị hãy vượt qua trước hoặc là chúng tôi sẽ vượt qua trước.” - “Thưa các ngài, các ngài đại đức là những người cao quý. Chính các ngài đại đức hãy vượt qua trước.”

4. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy trong khi vượt qua sau đã bị bọn đạo tặc cướp giật còn bị làm ô uế nữa. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép khi vượt ngang qua (sông) sau khi hẹn trước được lên chung một chiếc thuyền với*

vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi hện trước rồi cùng với vị tỳ khuru ni lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội pācittiya, ngoại trừ vượt ngang qua (sông).”

5. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: cùng chung.

Sau khi hện trước: Vị hện trước rằng: “Này sư tỷ, chúng ta hãy lên (thuyền). Thưa ngài, chúng ta hãy lên (thuyền). Thưa ngài, chúng ta hãy lên (thuyền). Này sư tỷ, chúng ta hãy lên (thuyền). Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai chúng ta hãy lên (thuyền)” thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi vị tỳ khuru ni đã lên (thuyền), vị tỳ khuru lên (thuyền) thì phạm tội *pācittiya*. Khi vị tỳ khuru đã lên (thuyền), vị tỳ khuru ni lên (thuyền) thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai cùng lên (thuyền) thì phạm tội *pācittiya*.

Đi ngược dòng: đi lên phía trên.

Đi xuôi dòng: đi xuống phía dưới.

Ngoại trừ vượt ngang qua (sông): trừ ra sự vượt ngang qua (sông).

Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần. Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua (sông). Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua (sông). Khi đã hẹn trước, (lầm) tưởng là không hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua (sông).

Vị tỳ khuru hẹn trước còn vị tỳ khuru ni không hẹn trước, thì phạm tội *dukkaṭa a*. Khi không hẹn trước, (lầm) tưởng là đã hẹn trước, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi không hẹn trước, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi không hẹn trước, nhận biết là không hẹn trước thì vô tội.

Khi vượt ngang qua (sông), các vị không hẹn trước rồi lên (thuyền), vị tỳ khuru ni hẹn trước còn vị tỳ khuru không hẹn trước, các vị lên (thuyền) ngoài giờ hẹn ước,

trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc lên thuyền là thứ tám.

--ooOoo--

6. 3. 9. ĐIỀU HỌC VỀ ĐƯỢC MÔI GIỚI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tỳ khưu ni Thullanandā là vị thường tới lui với gia đình họ và là vị nhận vật thực thường kỳ. Và các tỳ khưu trưởng lão đã được gia chủ ấy thỉnh mời. Khi ấy vào buổi sáng, tỳ khưu ni Thullanandā đã mặc y, cầm y bát, đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã nói với gia chủ ấy điều này:

- “Này gia chủ, việc gì mà nhiều vật thực loại cứng loại mềm này được chuẩn bị vậy?”

- “Thưa ni sư, tôi đã thỉnh mời các vị trưởng lão.”

- “Này gia chủ, các trưởng lão của người là những vị nào vậy?”

- “Ngài Sāriputta, ngài Mahāmoggallāna, ngài Mahākaccāna, ngài Mahākoṭṭhita, ngài Mahākappina, ngài Mahācunda, ngài Anuruddha, ngài Revata, ngài Upālī, ngài Ānanda, ngài Rāhula.”

- “Này gia chủ, việc gì khiến người lại thỉnh mời những hạng thứ yếu trong khi các khủng long đang còn tồn tại?”

- “Thưa ni sư, những vị nào là các khủng long của cô vậy?”

- “Ngài Devadatta, ngài Kokālika, ngài Kaṭamorakatissako con trai của Khaṇḍadevī, ngài Samuddadatto.”

Lúc này lời nói này của tỳ khuru ni Thullanandā đã bị gián đoạn nửa chừng. Rồi các tỳ khuru trưởng lão đã đi vào. - “Này gia chủ, có đúng là các khủng long đã được người thỉnh mời không?” - “Này ni sư, ngay mới đây cô đã gọi các ngài đại đức là những hạng thứ yếu, bây giờ là các khủng long.” Rồi đã kéo ra khỏi nhà và chấm dứt phần bữa ăn thường kỳ.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao Devadatta trong khi biết vật thực được tỳ khuru ni mời giới cho vẫn thọ thực?” —nt— “Này Devadatta, nghe nói người trong khi biết vật thực được tỳ khuru ni mời giới cho vẫn thọ thực, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người trong khi biết vật thực được tỳ khuru ni mời giới cho vẫn thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết thức ăn được tỳ khuru ni mời giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ xuất gia ở thành Rājagaha đã đi đến gia đình thân quyến. Dân chúng (nói rằng): “Lâu lắm ngài đại đức mới đến,” rồi đã làm bữa ăn thịnh soạn. Có vị tỳ khuru ni thường lui tới với gia đình ấy đã nói với những người ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy dâng thức ăn đến ngài đại đức.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán thọ thực trong khi biết thức ăn được tỳ khuru ni môi giới cho,” trong khi ngần ngại đã không thọ nhận và không thể đi khát thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, khi có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ ta cho phép thọ thực trong khi biết thức ăn được tỳ khuru ni môi giới cho. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết thức ăn được tỳ khuru ni môi giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ấy, hoặc vị ni ấy thông báo.

Tỳ khưu ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Môi giới cho nghĩa là đối với những người trước đây không có ý định dâng cúng, không có ý định tiếp đãi, vị ni ấy môi giới rằng: “Ngài là vị trì tụng, ngài là vị nghe nhiều, ngài là vị trì Kinh, ngài là vị thông Luật, ngài là vị Pháp sư, hãy dâng cúng đến ngài, hãy phục vụ ngài.”

Thức ăn nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực.

Ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ: trừ ra có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.

Có sự chuẩn bị bởi gia chủ nghĩa là các thân quyến, hoặc (những người) đã nói lời thỉnh cầu, hoặc (vật thực) đã được chuẩn bị thường kỳ.

5. Ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn,’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Khi được môi giới cho, nhận biết đã được môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *dukkaṭa* ngoại trừ có

sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, (lầm) tưởng là không được môi giới cho, vị thọ thực thì vô tội ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.

Được vị ni tu lên bậc trên từ một hội chúng môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội *dukkaṭa* ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi không được môi giới cho, (lầm) tưởng là đã được môi giới cho, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi không được môi giới cho, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi không được môi giới cho, nhận biết là không được môi giới cho thì vô tội.

Khi có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, cô ni tu tập sự môi giới cho, vị sa di ni môi giới cho, tất cả (các thức khác) trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về được môi giới là thứ chín.

--ooOoo--

6. 3. 10. ĐIỀU HỌC VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni. Tỳ khuru ni ấy thường xuyên đi đến gặp đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũng thường xuyên đi đến gặp tỳ khuru ni ấy. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã cùng với tỳ khuru ni ấy một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Udāyi lại cùng với tỳ khuru ni một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?” —nt— “Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với tỳ khuru ni một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với tỳ khuru ni một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cùng với tỳ khuru ni một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: cùng chung.

Một nam một nữ: chỉ có vị tỳ khuru và vị tỳ khuru ni.

Kín đáo: nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt:** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướn mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai:** nghĩa là không thể nghe lời nói (với giọng) bình thường.

Ngồi: Khi vị tỳ khuru ni đang ngồi, vị tỳ khuru ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Trong khi vị tỳ khuru đang ngồi, vị tỳ khuru ni ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai đang ngồi hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *pācittiya*.

Chỗ kín đáo, nhận biết là chỗ kín đáo, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*. Chỗ kín đáo, có sự hoài nghi, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*. Chỗ kín đáo, (lầm) tưởng là chỗ không kín

đáo, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*.

Chỗ không kín đáo, (lầm) tưởng là chỗ kín đáo, phạm tội *dukkat a*. Chỗ không kín đáo, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Chỗ không kín đáo, nhận biết là chỗ không kín đáo thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỗi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về ngồi nơi kín đáo là thứ mười.

Phẩm Giáo Giới là thứ ba.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vị chưa được chỉ định, (mặt trời) đã lặn, chỗ ngụ của tỳ khưu ni, vì vật chất, với việc cho (y), vị may (y), (hẹn nhau đi) đường xa, (chung) thuyền, vị có thể thọ thực, một nam và một nữ, các điều ấy là mười.

--ooOoo--

6. 4. PHẨM VẬT THỰC

6. 4. 1. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC Ở PHƯỚC XÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Sāvattthī có phường hội nọ sắp đặt sự thí thực tại phước xá. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng sau khi mặc y, cầm y bát, đi vào thành Sāvattthī để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá. Dân chúng (nói rằng): - “Lâu lắm các ngài đại đức mới đến,” họ đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó vào ngày thứ nhì, —nt— vào ngày thứ ba, các tỳ khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng sau khi mặc y, cầm y bát, đã đi vào thành Sāvattthī để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá và thọ thực. Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Chúng ta sẽ làm điều gì đây, có nên đi về tu viện rồi ngày mai cũng sẽ trở lại chính nơi này?” Các vị tiếp tục trú ngụ tại chính nơi ấy và thọ dụng vật thực ở phước xá. Các ngoại đạo lánh xa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử cứ tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá? Vật thực ở phước xá được sắp đặt đâu có dành riêng cho các vị này; vật thực ở phước xá được sắp đặt dành cho tất cả!”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vật thực ở phước xá được thọ dụng một lần. Nếu vượt quá số ấy thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāriputta trong khi đi đến thành Sāvattthī ở trong xứ sở Kosala đã ghé lại phước xá nọ. Dân chúng (nói rằng): - “Lâu lắm trưởng lão mới đến” rồi đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó, khi đại đức Sāriputta đã thọ thực xong, có con bệnh ngặt nghèo đã phát khởi. Đại đức đã không thể rời trú xá ấy ra đi. Sau đó vào ngày thứ nhì, những người ấy đã nói với đại đức Sāriputta điều này: - “Thưa ngài, xin hãy thọ thực.” Khi ấy, đại đức Sāriputta (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã

cầm tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá,” trong lúc ngần ngại đã không thọ lãnh nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, đại đức Sāriputta đã đi đến thành Sāvatthī và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được tiếp tục cư trú và thọ thực ở phước xá. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru không bị bệnh được thọ dụng vật thực ở phước xá một lần. Nếu vượt quá số ấy thì phạm tội pācittiya.”

5. **Không bị bệnh** nghĩa là có thể lìa phước xá ấy ra đi.

Bệnh nghĩa là không thể lìa phước xá ấy ra đi.

Vật thực ở phước xá nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực được phân phát theo nhu cầu không chỉ định (người thọ) ở trong phòng, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ở ngoài trời.

Vị tỳ khuru không bị bệnh nên thọ thực một lần, nếu (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh vượt quá số lần ấy thì phạm tội *dukkatā*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vị không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *pācittiya*. Vị không bị bệnh, có sự hoài nghi, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *pācittiya*. Vị không bị bệnh, (lầm) tưởng là có bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Vị bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkat a*. Vị bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Vị bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, vị không bị bệnh thọ thực một lần, vị thọ thực khi chuẩn bị ra đi hoặc khi vừa mới đến, các người chủ thỉnh và mời ăn, được sắp đặt dành riêng (cho vị ấy), được sắp đặt vừa đủ theo nhu cầu (được nhận lãnh từng chút từng chút), trừ ra năm loại vật thực (thọ dụng) tất cả (các thức khác) thì không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật thực ở phước xá là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 4. 2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC CHUNG NHÓM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta bị mất mát về lợi lộc và danh vọng nên cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao Devadatta cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực?” —nt— “Này Devadatta, nghe nói người cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các tỳ khuru bị bệnh với bữa trai phạn. Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru bị bệnh được thọ dụng vật thực chung nhóm. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dâng y dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dâng y rồi thỉnh mời các tỳ khuru (nói rằng): “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong thời hạn dâng y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các tỳ khuru là những vị may y với bữa trai phạn. Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “*Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong lúc may y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi đường xa cùng với dân chúng. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã nói với những người ấy điều này: - “*Này các đạo hữu, hãy chờ đợi chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực.*” Những người ấy đã nói như vậy: - “*Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây.*”

Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không thọ lãnh (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “*Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đi đường xa. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trong lúc đi đường xa. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi thuyền cùng với dân chúng. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã nói với những người ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy vào bờ chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực.” Những người ấy đã nói như vậy: - “Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây.” Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không thọ lãnh (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “*Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp lên thuyền. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y,

trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

8. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru khi trải qua mùa (an cư) mưa ở các nơi đi đến thành Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Dân chúng khi nhìn thấy các tỳ khuru người khác xứ sở đã thỉnh mời với bữa trai phạn. Các vị tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “*Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đông đảo (các tỳ khuru). Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo (các tỳ khuru). Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

9. Vào lúc bấy giờ, có người thân quyến ruột thịt của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã xuất gia nơi các đạo sĩ lõa thể. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi

đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: - “Tâu đại vương, tôi muốn làm bữa ăn cho tất cả các giáo phái khác.” - “Thưa ngài, nếu ngài có thể dâng vật thực đến hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu là trước tiên hết, như vậy thì ngài có thể tiến hành.” Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã phái sứ giả đi gặp các tỳ khuru (nói rằng): - “Xin các tỳ khuru hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai của tôi.” Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.” Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, người đạo sĩ lõa thể ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Ngài Gotama đã xuất gia, tôi cũng đã xuất gia. Người đã xuất gia thì xứng đáng để thọ nhận vật thực của người đã xuất gia. Xin ngài Gotama nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khuru.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dāng y, trong lúc may y, trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo (các tỳ khuru), trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

10. **Vật thực chung nhóm** nghĩa là nơi nào bốn vị tỳ khuru được thỉnh mời với loại vật thực nào đó trong năm loại vật thực rồi thọ thực, việc này gọi là vật thực chung nhóm.

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có duyên có.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là ngay cả (trường hợp) các bàn chân bị nứt nẻ, (nghĩ rằng): ‘Trường hợp bị bệnh’ rồi nên thọ thực. **Trong thời hạn dāng y** nghĩa là khi *Kaṭ hīna* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭ hīna* được thành tựu thì năm tháng, (nghĩ rằng): ‘Trong thời hạn dāng y’ rồi nên thọ thực. **Trong lúc may y** nghĩa là trong lúc y đang được may, (nghĩ rằng): ‘Trong lúc may y’ rồi nên thọ thực. **Trường hợp đi đường xa** nghĩa là (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ đi nửa do tuần’ rồi nên thọ thực, vị đang đi thì nên thọ thực, vị đã đi thì nên thọ thực.

Trường hợp lên thuyền nghĩa là (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ lên thuyền’ rồi nên thọ thực. Vị đã lên thuyền thì nên thọ thực. Vị vừa rời (thuyền) thì nên thọ thực. **Trường hợp đông đảo (các tỳ khuru)** nghĩa là nơi nào hai hay ba vị tỳ khuru đi khát thực thì có đủ vật thực. Khi có vị thứ tư đi

đến thì khát thực không có đủ vật thực, (nghĩ rằng): ‘Trường hợp đông đảo’ rồi nên thọ thực. **Trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn** nghĩa là bất cứ người nào thành tựu phẩm chất du sĩ thực hiện bữa trai phạn, (nghĩ rằng): ‘Trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn’ rồi nên thọ thực.

Ngoại trừ có duyên có, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ thực’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa* a. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vật thực chung nhóm, nhận biết là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Vật thực chung nhóm, (lầm) tưởng không phải là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

Không phải vật thực chung nhóm, (lầm) tưởng là vật thực chung nhóm, phạm tội *dukkaṭa* a. Không phải vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Không phải vật thực chung nhóm, nhận biết không phải là vật thực chung nhóm thì vô tội.

Khi có duyên có, hai hoặc ba vị thọ thực chung, sau khi đi khát thực tụ hội chung lại (một chỗ) rồi thọ thực, trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn (phân phối) theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, (thọ dụng) tất cả (các thức khác)

thì không phạm tội trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật thực chung nhóm là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 4. 3. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC THỈNH SAU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, trong thành Vesālī sự luân phiên về các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng đã được ấn định. Khi ấy, có người lao công nghèo nọ đã khởi ý điều này: “Theo như cách những người này thực hiện bữa trai phạn một cách trịnh trọng thì việc này không phải là tầm thường, hay là ta nên thực hiện bữa trai phạn?” Sau đó, người lao công nghèo ấy đã đi đến gặp cậu chủ tên Kira, sau khi đến đã nói với cậu chủ tên Kira ấy rằng:

- “Thưa cậu chủ, tôi muốn thực hiện bữa trai phạn dâng hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu, hãy cho tôi tiền lương.” Cậu chủ tên Kira ấy cũng có niềm tin và mộ đạo. Khi ấy, cậu chủ tên Kira ấy đã cho người lao công nghèo ấy tiền lương phụ trội. Sau đó, người lao công nghèo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người lao công nghèo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu.” - “Này đạo hữu, người hãy biết hội chúng tỳ khưu là đông đảo.” - “Bạch ngài, hội chúng tỳ khưu hãy là đông đảo. Con đã chuẩn bị được nhiều táo.

Các thức uống trộn với táo sẽ được đầy đủ.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người lao công nghèo ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

2. Các tỳ khuru đã nghe được rằng: “Nghe nói hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu đã được người lao công nghèo thỉnh mời vào ngày mai, các thức uống trộn với táo sẽ được đầy đủ.” Các vị ấy đã đi khát thực vào lúc sáng sớm rồi đã thọ thực. Dân chúng đã nghe được rằng: “Nghe nói hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu đã được người lao công nghèo thỉnh mời.” Họ đã mang lại cho người lao công nghèo vô số vật thực loại cứng loại mềm.

3. Sau đó, khi trải qua đêm ấy người lao công nghèo ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của người lao công nghèo ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khuru. Sau đó, người lao công nghèo ấy đã phục vụ các tỳ khuru ở trong nhà ăn. Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi. Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.” - “Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít (vì nghĩ rằng): ‘Người lao công này

nghèo.’ Tôi đã cho chuẩn bị sẵn sàng vô số vật thực loại cứng loại mềm. Thừa các ngài, hãy thọ lãnh theo như ước muốn.” - “Này đạo hữu, không phải vì lý do này mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít, tuy nhiên vào lúc sáng sớm chúng tôi đã đi khát thực và đã thọ thực rồi; vì thế chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.” Khi ấy, người lao công nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức đã được tôi thỉnh mời còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?” Các tỳ khuru đã nghe được người lao công nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru khi được thỉnh mời ở nơi khác lại thọ thực ở nơi khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru khi được thỉnh mời ở nơi khác còn thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được thỉnh mời ở nơi khác lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Có vị tỳ khuru khác đã cầm lấy đồ ăn khát thực đi đến gặp vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, hãy thọ thực.” - “Này đại đức, thôi đi. Có sự chuẩn bị về bữa ăn cho tôi rồi.” Thức ăn của vị tỳ khuru ấy đã được mang lại khi đã trưa. Vị tỳ khuru ấy đã thọ thực không được như ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru bị bệnh được thọ dụng vật thực thỉnh sau. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dāṇḍa y dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dāṇḍa y rồi thỉnh mời các tỳ khuru (nói rằng): “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dāṇḍa y.” Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực

thỉnh sau.” Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong thời hạn dāṅg y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dāṅg y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các tỳ khuru là những vị làm y với bữa trai phạn. Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực thỉnh sau.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong lúc may y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dāṅg y, trong lúc may y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

8. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, cùng với đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã đi đến gia đình họ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, những người ấy đã dâng vật thực đến đức Thế Tôn và đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda trong lúc ngần ngại nên không thọ lãnh. - “Này Ānanda, hãy thọ lãnh.” - “Bạch Thế Tôn, thôi đi, có sự chuẩn bị về bữa ăn cho con rồi.” - “Này Ānanda, như thế thì hãy nhường lại (cho vị khác) rồi nhận lấy.” Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau sau khi đã nhường lại (cho vị khác). Và này các tỳ khuru, nên nhường lại như vậy: ‘Tôi cho sự chuẩn bị về bữa ăn của tôi đến vị tên (như vậy).’*”

9. **Vật thực thỉnh sau** nghĩa là khi đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực, trừ ra món ấy vị thọ thực bất cứ loại vật thực nào khác thuộc về năm loại vật thực; điều này gọi là vật thực thỉnh sau.

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có duyên có.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là không thể ngồi ở một chỗ để thọ thực theo như ý muốn, (nghĩ rằng): ‘Trường hợp bị bệnh’ rồi nên thọ thực.

Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi *Kaṭ hina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭ hina* được thành tựu thì năm tháng, (nghĩ rằng): ‘Trong thời hạn dâng y’ rồi nên thọ thực.

Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may, (nghĩ rằng): ‘Trong lúc may y’ rồi nên thọ thực.

Ngoại trừ có duyên có, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ thực’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vật thực thỉnh sau, nhận biết là vật thực thỉnh sau, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Vật thực thỉnh sau, (lầm) tưởng không phải là vật thực thỉnh sau, vị thọ thực thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

Không phải vật thực thỉnh sau, (lầm) tưởng là vật thực thỉnh sau, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải vật thực thỉnh sau, nhận biết không phải là vật thực thỉnh sau thì vô tội.

Khi có duyên có, sau khi nhường lại (cho vị khác) rồi thọ thực, vị thọ thực hai hoặc ba sự thỉnh mời chung một lượt, vị thọ thực theo tuần tự của sự thỉnh mời, khi được toàn bộ cả làng thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi nào ở trong ngôi làng ấy, khi được toàn bộ cả phường hội

thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi nào ở trong phường hội ấy, khi được thỉnh mời vị nói rằng: ‘Tôi sẽ nhận đồ khất thực,’ trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn (phân phối) theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, tất cả (các thức khác) trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật thực thỉnh sau là thứ ba.

--ooOoo--

6. 4. 4. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI MẸ CỦA KĀṆĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, mẹ của Kāṇā là nữ cư sĩ có niềm tin và mộ đạo. Kāṇā đã được gả cho người đàn ông nọ ở thôn làng. Khi ấy, Kāṇā đã đi đến nhà mẹ vì công việc cần làm nào đó. Sau đó, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā (nhắc rằng): “Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā.” Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā (nghĩ rằng): “Thật xấu hổ khi đi với tay không!” nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị tỳ khuru đi khát thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā.

Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị tỳ khuru ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn.

Đến lần thứ nhì, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā (nhắc rằng): “Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā.” Đến lần thứ nhì, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā (nghĩ rằng): “Thật xấu hổ khi đi với tay không!” nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị tỳ khuru đi khát thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng

bánh ngọt đến vị tỳ khuru ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn.

Đến lần thứ ba, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā (nhắc rằng): “Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā. Nếu Kāṇā không trở về, tôi sẽ dắt về người vợ khác.” Đến lần thứ ba, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā (nghĩ rằng): “Thật xấu hổ khi đi với tay không!” nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị tỳ khuru đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị tỳ khuru ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn. Sau đó, chồng của Kāṇā đã dắt về người vợ khác. Kāṇā đã nghe được rằng: “Nghe nói người vợ khác đã được người đàn ông ấy dắt về.” Cô ấy đã đứng khóc lóc.

2. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đang

ngồi một bên điều này: - “Vì sao Kāṇā này lại khóc vậy?” Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã kể lại sự việc ấy cho đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Vào lúc bấy giờ, có đoàn xe nọ có ý định từ thành Rājagaha đi về phía tây. Có vị tỳ khưu đi khất thực nọ đã đi vào khất thực ở đoàn xe ấy. Có nam cư sĩ nọ đã bảo dâng đến vị tỳ khưu ấy bánh lúa mạch. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vị ấy. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bị như thế đã không còn. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã nói với những người ấy điều này: - “Này các ông, hãy chờ đến ngày mai. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bị như thế đã được dâng đến các ngài đại đức. Tôi sẽ chuẩn bị vật dự phòng đường xa.” - “Này ông, chúng tôi không thể chờ đợi. Đoàn xe đã khởi hành.” Rồi họ đã ra đi. Khi ấy, nam cư sĩ ấy sau khi chuẩn bị vật dự phòng đường xa, trong khi đi ở phía sau, thì bọn đạo tặc đã đánh cướp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Người này sau khi bố thí cho các vị ấy rồi trong khi đi sau đã bị đánh cướp bởi bọn đạo tặc.”

4. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, —nt— và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru khi đi đến gia đình được yêu cầu nhận lãnh các bánh ngọt hoặc các bánh lúa mạch, vị tỳ khuru đang mong mỏi thì nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy. Nếu thọ lãnh quá số lượng ấy thì phạm tội pācittiya. Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, khi mang về từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các tỳ khuru. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy.”

5. **Khi vị tỳ khuru đi đến gia đình:** Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Đi đến: là đi đến nơi ấy.

Bánh ngọt nghĩa là bất cứ thức gì được chuẩn bị nhằm mục đích làm quà biếu.

Bánh lúa mạch nghĩa là bất cứ thức gì được chuẩn bị nhằm mục đích làm vật dự phòng đường xa.

Được yêu cầu nhận lãnh: (Nói rằng): “Ngài thích chừng nào hãy lấy chừng ấy.”

(Vói vị) đang mong mỏi: (vói vị) đang ước muốn.

Nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy: Nên thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát.

Nếu thọ lãnh quá số lượng ấy: Vị thọ lãnh quá số lượng ấy thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, vị đi ra khỏi nơi ấy nhìn thấy vị tỳ khuru khác nên thông báo rằng: ‘*Tôi đã thọ lãnh hai ba bình bát đầy ở nơi kia, chớ thọ lãnh ở đó.*’ Nếu sau khi nhìn thấy, vị không thông báo thì phạm tội *dukkaṭa*. Nếu đã được thông báo vị thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa*.

Khi mang về từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các tỳ khuru: là sự đi trở về, sau khi mang về thì nên chia sẻ.

Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Hơn hai ba bình bát đầy, nhận biết là hơn, vị thọ lãnh thì phạm tội *pācittiya*. Hơn hai ba bình bát đầy, có sự hoài nghi, vị thọ lãnh thì phạm tội *pācittiya*. Hơn hai ba bình bát đầy, (lầm) tưởng là còn kém, vị thọ lãnh thì phạm tội *pācittiya*.

Còn kém hai ba bình bát đầy, (lầm) tưởng là hơn, phạm tội *dukkaṭa*. Còn kém hai ba bình bát đầy, có sự

hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Còn kém hai ba bình bát đầy, nhận biết là còn kém thì vô tội.

Vị thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, vị thọ lãnh còn kém hai hoặc ba bình bát đầy, họ bố thí vật đã được chuẩn bị không vì mục đích làm quà biếu hoặc không vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bố thí phần còn thừa khi đã chuẩn bị vì mục đích làm quà biếu hoặc vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bố thí khi sự ra đi đã bị hủy bỏ, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về người mẹ của Kāṇā là thứ tư.

--ooOoo--

6. 4. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ NGĂN (VẬT THỰC)

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các tỳ khuru. Khi thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm), các tỳ khuru đã đi đến các gia đình thân quyến rồi một số vị đã thọ thực thêm, một số vị đã nhận lấy đồ khát thực rồi ra đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này: - “Này quý ông, các tỳ khuru đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông.” Những người ấy đã nói như vậy: - “Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị đã được ông thỉnh mời còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số đã thọ thực thêm, một số đã nhận lấy đồ khát thực rồi ra đi.” Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các đại đức sau khi thọ thực trong nhà của chúng tôi lại thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?”

2. Các tỳ khuru đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác vậy? Đây các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và đây các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru mang lại các đồ ăn khất thực hảo hạng cho các tỳ khuru bị bệnh. Các vị bị bệnh ăn không được như ý. Các tỳ khuru đổ bỏ các đồ ăn ấy. Đức Thế Tôn đã nghe được tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng kêu của các con quạ, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Đây Ānanda, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng kêu của các con quạ ấy là gì vậy?” Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Đây Ānanda, các tỳ khuru có thọ thực thức ăn thừa của vị bệnh không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, không thọ thực.” Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Đây các tỳ khuru, ta cho phép thọ thực thức ăn thừa của vị bị bệnh và của vị không bị bệnh. Và đây các tỳ khuru, nên làm thành thức ăn thừa như vậy: “Tất cả chùng này là đủ rồi.”

Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì phạm tội pācittiya.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Thọ thực xong nghĩa là bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực đã được ăn, dầu chỉ với (một chút ở) đầu cọng cỏ *kusa*.

Đã ngăn (vật thực dâng thêm) nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, (thí chủ) đứng trong tầm tay (1 mét 25) dâng lên (vật thực) và sự khước từ được ghi nhận.

Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, (việc dâng) đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, đã được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn (vật thực dâng thêm) đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhưng chưa nói: *‘Tất cả chùng này là đủ rồi,’* không phải là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa.

Thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép đã được thực hiện, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, (việc dâng) đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn (vật thực dâng thêm) đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đã nói: ‘*Tất cả chày này là đủ rồi,*’ là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là thức ăn thừa.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, xúp, bánh, cá, thịt. (Nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải thức ăn thừa, nhận biết không phải là thức ăn thừa, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Không phải thức ăn thừa, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Không phải thức ăn thừa, (lầm) tưởng là thức ăn thừa, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa*.

Thức ăn thừa, (lầm) tưởng không phải là thức ăn thừa, phạm tội *dukkaṭa* a. Thức ăn thừa, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Thức ăn thừa, nhận biết là thức ăn thừa thì vô tội.

Sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi thọ thực, sau khi bảo làm thành thức ăn thừa vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh, vị mang theo vì nhu cầu của vị khác rồi đi, vị thọ thực phần còn thừa của vị bị bệnh, vị thọ dụng vật dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời khi có duyên có,¹ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất về việc ngăn (vật thực) là thứ năm.

--ooOoo--

¹ Khi có cơn khát vị thọ dụng vật dùng hết đêm để chặn đứng cơn khát; khi có bệnh sanh khỏi, vị thọ dụng vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng suốt đời để làm giảm nhẹ cơn bệnh thì vô tội (VinA. iv, 831).

6. 4. 6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGĂN (VẬT THỰC)

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ khuru đang đi đường xa đến thành Sāvattthī ở trong xứ Kosala. Một vị tỳ khuru hành xử sai nguyên tắc. Vị tỳ khuru thứ nhì đã nói với vị tỳ khuru kia điều này: - “Này đại đức, chớ làm như thế. Điều này không được phép.” Vị kia đã kết oan trái với vị ấy. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvattthī.

Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvattthī có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của phường hội nọ. Vị tỳ khuru thứ nhì thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm). Còn vị tỳ khuru kết oan trái sau khi đi đến nhà thân quyến đã cầm lấy đồ ăn rồi đi đến gặp vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, hãy thọ thực.” - “Này đại đức, thôi đi. Tôi đã đầy.” - “Này đại đức, đồ ăn ngon lắm. Hãy thọ thực.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy trong lúc bị vị tỳ khuru kia nài ép nên đã thọ thực đồ ăn ấy. Vị tỳ khuru kết oan trái đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, ngay cả người vẫn nghĩ rằng ta cần được nhắc nhở trong khi người đã thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) lại thọ thực thức ăn không phải là đồ còn thừa.” - “Này đại đức, sao lại không chỉ bảo?” - “Này đại đức, sao lại không hỏi?”

2. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phân nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại yêu cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người yêu cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại yêu cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào có ý muốn bói móc lỗi lầm trong khi biết rõ vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã ngăn (vật thực dâng thêm) vẫn yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa (nói rằng): ‘Này tỳ khuru, hãy nhai hoặc hãy ăn đi;’ khi vị kia đã ăn thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: là vị tỳ khuru khác.

Thọ thực xong nghĩa là bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực đã được ăn, dầu chỉ với (một chút ở) đầu cọng cỏ *kusa*.

Đã ngăn (vật thực dâng thêm) nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, (thí chủ) đứng trong tầm tay (1 mét 25) dâng lên (vật thực), và sự từ chối được ghi nhận.

Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, (việc dâng) đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn (vật thực dâng thêm) đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhưng chưa nói: *‘Tất cả chùng này là đủ rồi,’* không phải là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, xúp, bánh, cá, thịt.

Yêu cầu nhận lãnh: (Nói rằng): ‘Đại đức thích chùng nào hãy lấy chùng ấy.’

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ấy, hoặc vị kia thông báo.

Có ý muốn bói móc lỗi lầm: (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở, ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu hổ.’ Vị mang lại thì phạm tội *dukkaṭ a*. Với lời nói của vị ấy, (vị kia nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh thì (vị ấy) phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần (vị kia) nuốt xuống thì (vị ấy) phạm tội *pācittiya*.

Về vị đã ngăn (vật thực dâng thêm), nhận biết là đã ngăn (vật thực dâng thêm), vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì phạm tội *pācittiya*. Về vị đã ngăn (vật thực dâng thêm), có sự hoài nghi, vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì phạm tội *dukkaṭ a*. Về vị đã ngăn (vật thực dâng thêm), (lầm) tưởng là chưa ngăn (vật thực dâng thêm), vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì vô tội.

Vị mang lại vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭ a*. Với lời nói của vị ấy, (vị kia nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh thì (vị ấy) phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần (vị kia) nuốt xuống thì (vị ấy) phạm tội *dukkaṭ a*.

Về vị chưa ngăn (vật thực dâng thêm), (lầm) tưởng là đã ngăn (vật thực dâng thêm), phạm tội *dukkaṭ a*. Về vị

chưa ngăn (vật thực dâng thêm), có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa* a. Về vị chưa ngăn (vật thực dâng thêm), nhận biết là chưa ngăn (vật thực dâng thêm) thì vô tội.

Vị sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho; sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho (nói rằng): ‘Hãy thọ thực;’ vị cho (nói rằng): ‘Hãy đi (và) mang theo vì nhu cầu của vị khác;’ vị cho phần còn thừa của vị bị bệnh; vị cho vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời (nói rằng): ‘Hãy thọ dụng khi có duyên có;’ vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì về ngăn (vật thực) là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 4. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC SÁI GIỜ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng sau khi nhìn thấy các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đã cho các vị ấy tắm, đã cho xúc dầu, đã mời ăn, rồi đã dâng vật thực cúng. Các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi nhận lấy vật thực cúng đã đi về tu viện và đã nói với các tỳ khưu nhóm Lục Sư điều này: - “Này các đại đức, có đây, các vị hãy nhai vật thực cúng đi.” - “Này các đại đức, vật thực cúng đã được các người nhận từ đâu vậy?” Các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu nhóm Lục Sư. - “Này các đại đức, có phải các người đã thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?”

2. Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người thọ dụng vật thực vào lúc sái thời, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rô đại, vì sao các người

lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời vậy? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông (ngày hôm sau).

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có cơm, xúp, bánh, cá, thịt. Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkat a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vào lúc sái thời, nhận biết là lúc sái thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội

pācittiya. Vào lúc sai thời, (lầm) tưởng là lúc đúng thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Vào lúc đúng thời, (lầm) tưởng là lúc sai thời, phạm tội *dukkaṭa a*. Vào lúc đúng thời, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Vào lúc đúng thời, nhận biết là lúc đúng thời thì vô tội.

Vị thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên có; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật thực sai giờ là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 4. 8. ĐIỀU HỌC VỀ TÍCH TRỮ (VẬT THỰC)

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của đại đức Ānanda là đại đức Vel aṭ ṭhasīsa cư ngụ ở trong rừng. Vị ấy sau khi đi khát thực đã đem về tu viện phần cơm không bị dính thức ăn rồi đem phơi khô và để riêng. Khi có nhu cầu về thực phẩm vị ấy ngâm đi ngâm lại với nước rồi thọ dụng; năm ba bữa vị ấy mới đi vào làng để khát thực.

Các tỳ khuru đã nói với đại đức Vel aṭ ṭhasīsa điều này: - “Này đại đức, vì sao năm ba bữa đại đức mới đi vào làng để khát thực?”

2. Khi ấy, đại đức Vel aṭ ṭhasīsa đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. - “Này đại đức, có phải đại đức thọ dụng vật thực đã được tích trữ?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Vel aṭ ṭhasīsa lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ?” —nt— “Này Vel aṭ ṭhasīsa, nghe nói người thọ dụng vật thực đã được tích trữ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này Vel aṭ ṭhasīsa, vì sao người lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ vậy? Này Vel aṭ ṭhasīsa, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được tích trữ nghĩa là đã được thọ lãnh hôm nay qua ngày kế tiếp.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, xúp, bánh, cá, thịt. Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkat a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vật đã được tích trữ, nhận biết là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Vật đã được tích trữ, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Vật đã được tích trữ, (lầm) tưởng

không phải là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Không phải là vật đã được tích trữ, (lầm) tưởng là vật đã được tích trữ, phạm tội *dukkaṭa a*. Không phải là vật đã được tích trữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Không phải là vật đã được tích trữ, nhận biết là không phải là vật đã được tích trữ thì vô tội.

Vị cất giữ vật dùng đến hết ngọ rồi thọ dụng cho đến hết ngọ, vị cất giữ vật dùng đến hết đêm rồi thọ dụng trong đêm, vị cất giữ vật dùng trong bảy ngày rồi thọ dụng trong bảy ngày, vị thọ dụng vật dùng suốt đời khi có duyên có, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về tích trữ (vật thực) là thứ tám.

--ooOoo--

6. 4. 9 ĐIỀU HỌC VẬT THỰC THƯỢNG HẠNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?” Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vị tỳ khuru nào yêu cầu các loại vật thực thượng hạng như thế cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru bị bệnh. Các tỳ khuru thăm hỏi bệnh tình đã nói với các tỳ khuru bị bệnh điều này: - “Này các đại đức, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này các đại đức, trước đây chúng tôi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại chúng tôi đã không yêu cầu, vì thế không được thoải mái.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vị tỳ khuru nào không bị bệnh mà yêu cầu các loại vật thực thượng hạng như thế cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội pācittiya.”

3. **Các loại vật thực thượng hạng:** **Bơ lỏng** nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ thực).¹ **Bơ đặc** nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy. **Dầu ăn** nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eran da*, dầu từ mỡ thú. **Mật ong** nghĩa là mật của loài ong. **Đường mía** nghĩa là được sản xuất từ cây mía. **Cá** nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến. **Thịt** nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng). **Sữa tươi** nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng). **Sữa đông** nghĩa là sữa đông của các loài thú ấy.

Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Các loại vật thực thượng hạng như thế: các loại vật thực thượng hạng có hình thức như thế.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng.

¹ Thịt của mười loài thú vị tỳ khuru không được phép thọ thực được đề cập ở *Mahāvagga – Đại Phẩm* gồm có: thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (TTPV tập 05, chương VI, từ trang 37; TTVN tập 05, từ trang 32).

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng.

Vị không bị bệnh mà yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭ a*. (Nghĩ rằng): ‘Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng’ rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *pācittiya*.

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkaṭ a*. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị thọ dụng phần còn lại của vị bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật thực thượng hạng là thứ chín.

--ooOoo--

6. 4. 10. ĐIỀU HỌC VỀ TÂM XỈ RĂNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ cư ngụ ở nghĩa địa là vị chuyên sử dụng vật đã bị quăng bỏ. Vị ấy khi được dân chúng bố thí lại không muốn thọ lãnh. Vị ấy tự mình nhặt lấy các vật cúng vong ở trong nghĩa địa, ở gốc cây, ở ngưỡng cửa rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao vị tỳ khưu này lại tự mình nhặt lấy các vật cúng vong của chúng tôi rồi thọ dụng? Vị tỳ khưu này cứng cáp vạm vỡ, chúng tôi nghĩ là có ăn thịt người?” Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khưu lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng?” —nt— “Này tỳ khưu, nghe nói người đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại về nước và tắm rửa răng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép tự mình cầm lấy nước và tắm rửa răng rồi thọ dụng. Và này các tỳ khuru, các nguoi nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng ngoại trừ nước và tắm rửa răng thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được bố thí nghĩa là chưa thọ lãnh được đề cập đến.

Đã được bố thí nghĩa là trong khi cho (vật thí) bằng thân, hoặc bằng vật dính liền với thân, hoặc bằng cách buông ra, (thí chủ) đứng trong tầm tay (1 mét 25), vị nhận lãnh bằng thân hoặc bằng vật được gắn liền với thân; điều này gọi là đã được bố thí.

Thức ăn nghĩa là ngoại trừ nước và tắm rửa răng, bất cứ vật gì được nuốt vào vật ấy gọi là thức ăn.

Ngoại trừ nước và tắm rửa răng: trừ ra nước và tắm rửa răng. Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi cầm lấy

thì phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Chưa được thọ lãnh, nhận biết là chưa được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ nước và tắm xía răng. Chưa được thọ lãnh, có sự hoài nghi, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ nước và tắm xía răng. Chưa được thọ lãnh, (lầm) tưởng là đã được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ nước và tắm xía răng.

Đã được thọ lãnh, (lầm) tưởng là chưa được thọ lãnh, phạm tội *dukkaṭ a*. Đã được thọ lãnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Đã được thọ lãnh, nhận biết là đã được thọ lãnh thì vô tội.

Trường hợp nước và tắm xía răng, vị tự mình nhặt lấy rồi thọ dụng bốn loại vật dơ có tính quan trọng¹ khi có duyên có và không có người làm cho đúng phép, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về tắm xía răng là thứ mười.

Phẩm Vật Thực là thứ tư.

¹ Bốn loại vật dơ có tính quan trọng (*cattāri mahāvīkatāni*) là: phân (*gūṭhaṇṇa*), nước tiểu (*muttaṇṇa*), tro (*chārikaṇṇa*), và đất sét (*mattikaṇṇa*) được sử dụng trong trường hợp bị rắn cắn (*Mahāvagga* – Đại Phẩm, TTPV tập 05, chương VI, trang 17; TTVN tập 05, chương VI, trang 14).

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vật thực (ở phước xá), vật thực chung nhóm, (thọ thực) nơi khác, bánh ngọt, và hai chuyện ngăn (vật thực) đã được đề cập, vào lúc sái thời, vật được tích trữ, sữa tươi, với tấm xỉa răng, ấy là mười điều.

--ooOoo--

6. 5. PHẨM ĐẠO SĨ LŨA THỂ

6. 5. 1. ĐIỀU HỌC VỀ ĐẠO SĨ LŨA THỂ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vật thực cúng phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Ānanda, như thế thì hãy cho bánh ngọt đến những người dùng vật thực thừa.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Nghe theo lời đức Thế Tôn, đại đức Ānanda đã bảo những người dùng vật thực thừa ngồi xuống theo thứ tự rồi trong lúc cho mỗi người một cái bánh ngọt đã cho người nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này: - “Vị Sa-môn ấy là tình nhân của cô.” - “Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái.”

Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, đại đức Ānanda trong lúc cho mỗi người một cái bánh ngọt đã cho chính nữ du sĩ ngoại đạo ấy hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này: - “Vị Sa-môn ấy là tình nhân của cô.” - “Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái.” - “Tình nhân! Không phải là tình nhân!” Các cô ấy đã cãi vã nhau.

2. Có đạo sĩ lỏa thể nọ đã đi đến nơi phân phát thực phẩm. Có vị tỳ khuru nọ sau khi nghiền com với nhiều bơ lỏng rồi đã cho người đạo sĩ lỏa thể ấy một khối com lớn. Khi ấy, người đạo sĩ lỏa thể ấy đã cầm lấy khối com ấy rồi ra đi. Một đạo sĩ lỏa thể khác đã nói với người đạo sĩ lỏa thể ấy điều này: - “Này huynh đệ, từ đâu ngươi đã có được khối com vậy?” - “Này huynh đệ, đã có được từ nơi phân phát thực phẩm của gia chủ đầu trục tức là Samôn Gotama ấy.” Các nam cư sĩ đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đạo sĩ lỏa thể ấy.

Sau đó, các nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, những tu sĩ ngoại đạo này có ý muốn bôi nhọ đức Phật, có ý muốn bôi nhọ Giáo Pháp, có ý muốn bôi nhọ Hội Chúng. Bạch ngài, tốt thay các ngài đại đức không nên tự tay cho đến các tu sĩ ngoại đạo.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các nam cư sĩ ấy bằng bài Pháp thoại. Sau đó, các nam cư sĩ ấy khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng tỳ khuru lại đã nói Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi bảo các

tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, —nt— nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lỏa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội pācittiya.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đạo sĩ lỏa thể nghĩa là bất cứ người lỏa thể nào thành tựu pháp du sĩ.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru và sa di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru ni, vị ni tu tập sự, và sa di ni.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tắm xĩa răng; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, xúp, bánh, cá, thịt.

Cho: Vị cho bằng thân, hoặc bằng vật được gắn liền với thân, hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội *pācittiya*.

Tu sĩ ngoại đạo, nhận biết là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Tu sĩ ngoại đạo, có sự hoài nghi, vị tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Tu sĩ ngoại đạo, (lầm) tưởng không phải là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị cho nước và tắm xia răng thì phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, (lầm) tưởng là tu sĩ ngoại đạo, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, nhận biết không phải là tu sĩ ngoại đạo thì vô tội.

Vị bảo (người khác) cho và không (tự mình) cho, vị cho sau khi đã để gần bên, vị cho vật thoa bên ngoài, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về đạo sĩ lỗa thế là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 5. 2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐUỔI ĐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã nói với vị tỳ khuru là đệ tử của người anh điều này: - “Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khát thực.” Sau khi không bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy rồi đã đuổi đi (nói rằng): - “Này đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với người ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình ta còn có sự an lạc.” Khi ấy thời giờ đã cận, vị tỳ khuru ấy đã không thể đi khát thực. Khi đi trở về, vị ấy đã không có được phần phân chia về vật thực nên bữa ăn đã bị lỡ.

2. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya nói với vị tỳ khuru rằng: ‘Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khát thực,’ sau khi không bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy rồi lại đuổi đi?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người nói với vị tỳ khuru rằng: ‘Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khát thực,’ sau khi không bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người nói với vị tỳ khuru rằng: ‘Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ

đi vào làng để khất thực,’ sau khi không bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy rồi lại đuổi đi vậy? Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nói với vị tỳ khuru như vậy: ‘Nay đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực,’ sau khi bảo (thí chủ) bố thí hoặc không bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi (nói rằng): ‘Nay đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với người ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình ta còn có sự an lạc.’ Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: là vị tỳ khuru khác.

Nay đại đức, hãy đến. (Chúng ta sẽ đi vào) làng hoặc thị trấn: Làng, thị trấn, thành phố, làng luôn cả thị trấn.

Sau khi bảo (thí chủ) bố thí cho vị ấy: Sau khi bảo (thí chủ) bố thí xúp, hoặc bữa ăn, hoặc vật thực cứng, hoặc vật thực mềm.

Sau khi không bảo (thí chủ) bố thí: Sau khi không bảo (thí chủ) bố thí bất cứ vật gì.

Đuổi đi: Vị có ý định cười, có ý định đùa giỡn, có ý định ngồi ở chỗ kín đáo, có ý định hành xử sai nguyên tắc với người nữ rồi nói như vậy: ‘Này đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với người ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình ta còn có sự an lạc,’ rồi đuổi đi thì phạm tội *dukkaṭ a*. Khi (vị kia) đang ra khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe, (vị đuổi đi) phạm tội *dukkaṭ a*. Khi (vị kia) đã ra khỏi, (vị đuổi đi) phạm tội *pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác: không phải bất cứ nguyên nhân nào khác để đuổi đi.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị đuổi đi thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đuổi đi thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị đuổi đi thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đưa ra lời ám chỉ về tật xấu (của vị kia) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị đuổi đi người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị đưa ra lời ám chỉ về tật xấu (của người chưa tu lên bậc trên) thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên,

có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị đuổi đi (nói rằng): ‘Cả hai đi chung sẽ không có vật thực,’ sau khi nhìn thấy vật có giá trị cao (nghĩ rằng): ‘Vị ấy sẽ sanh khỏi tâm tham’ rồi đuổi đi, sau khi nhìn thấy người nữ (nghĩ rằng): ‘Vị ấy sẽ sanh khỏi sự không phẫn chán’ rồi đuổi đi, vị đuổi đi (nói rằng): ‘Hãy mang về cháo hoặc bữa ăn hoặc vật thực cứng hoặc vật thực mềm cho vị bị bệnh, hoặc cho vị ở lại, hoặc cho vị canh giữ tu viện,’ không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị đuổi đi khi có việc cần phải làm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc đuổi đi là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 5. 3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỈ CÓ CẶP VỢ CHỒNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi đến nhà của người bạn đã ngồi trong phòng ngủ với vợ của người ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp đại đức Upananda con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Upananda con trai dòng Sakya rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này: - “Hãy dâng đồ khát thực đến ngài đại đức.” Khi ấy, người đàn bà ấy đã dâng đồ khát thực đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Sau đó, người đàn ông ấy đã nói với đại đức Upananda con trai dòng Sakya điều này: - “Thưa ngài, xin hãy đi bởi vì đồ khát thực đã được dâng đến ngài đại đức.” Khi ấy, người đàn bà ấy biết được rằng: “Người đàn ông này đã bị ám ảnh (bối dục)!” nên đã nói với đại đức Upananda con trai dòng Sakya điều này: - “Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi.”

Đến lần thứ nhì, người đàn ông ấy —nt— Đến lần thứ ba, người đàn ông ấy đã nói với đại đức Upananda con trai dòng Sakya điều này: - “Thưa ngài, xin hãy đi bởi vì đồ khát thực đã được dâng đến ngài đại đức.” Đến lần thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với đại đức

Upananda con trai dòng Sakya điều này: - “Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi.”

2. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi ra ngoài và phản nài với các tỳ khuru rằng: - “Thưa các ngài, ngài đại đức Upananda này đã ngồi trong phòng ngủ với vợ của tôi. Vị ấy khi được tôi mời đi lại không chịu đi. Chúng tôi có nhiều phận sự có nhiều công việc phải làm.”

Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nài, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng lại ngồi xuống?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng lại ngồi xuống vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Gia đình chỉ có cặp vợ chồng nghĩa là chỉ có người đàn bà và người đàn ông. Cả hai chưa đi ra, cả hai chưa đoạn lìa ái dục.

Sau khi đi vào: sau khi đi vào bên trong.

Ngồi xuống: Trong ngôi nhà lớn, vị đi qua khỏi khung cửa lớn một tầm tay (1 mét 25) rồi ngồi xuống thì phạm tội *pācittiya*. Trong ngôi nhà nhỏ, vị vượt qua khỏi trung tâm của nhà rồi ngồi xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Trong phòng ngủ, nhận biết là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống thì phạm tội *pācittiya*. Trong phòng ngủ, có sự hoài nghi, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống thì phạm tội *pācittiya*. Trong phòng ngủ, (lầm) tưởng không phải là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải là phòng ngủ, (lầm) tưởng là phòng ngủ, phạm tội *dukkaṭṭa a*. Không phải là phòng ngủ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa a*. Không phải là phòng ngủ, nhận biết không phải là phòng ngủ thì vô tội.

Trong ngôi nhà lớn vị không đi qua khỏi khung cửa lớn một tầm tay rồi ngồi xuống, trong ngôi nhà nhỏ vị không vượt qua khỏi trung tâm của nhà rồi ngồi xuống, có vị tỳ khưu thứ nhì, cả hai (vợ chồng) đã đi ra khỏi, cả hai đã đoạn lìa ái dục, không phải ở trong phòng ngủ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về chỉ có cặp vợ chồng là thứ ba.

--ooOoo--

6. 5. 4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ NGÔI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ngài đại đức Upananda lại cùng với vợ tôi ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất?”

2. Các tỳ khuru đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ: nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: cùng chung.

Kín đáo: nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt:** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai:** nghĩa là không thể nghe lời nói (với giọng) bình thường.

Được che khuất: nghĩa là chỗ ngồi được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cột cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi, vị tỳ khuru ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Trong lúc vị tỳ khuru đang ngồi, người nữ ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *pācittiya*.

Là người nữ, nhận biết là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *pācittiya*. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *pācittiya*. Là người nữ, (lầm) tưởng không phải là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *pācittiya*.

Vị cùng với nữ Dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *dukkat a*.

Không phải là người nữ, (lầm) tưởng là người nữ, phạm tội *dukkat a*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất về ngồi nơi kín đáo là thứ tư.

--ooOoo--

6. 5. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ngài đại đức Upananda lại cùng với vợ tôi một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?” —nt— “Này Upananda, nghe nói ngươi cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ: nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là (lời nói) thô tục và không thô tục.

Với: cùng chung.

Một nam một nữ: chỉ có vị tỳ khuru và người nữ.

Kín đáo: nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt:** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai:** nghĩa là không thể nghe lời nói (với giọng) bình thường.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi, vị tỳ khuru ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Trong lúc vị tỳ khuru đang ngồi, người nữ ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *pācittiya*.

Là người nữ, nhận biết là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*. Là người

nữ, (lầm) tưởng không phải là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo một nam một nữ thì phạm tội *pācittiya*.

Vị cùng với nữ Dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo một nam một nữ thì phạm tội *dukkaṭa*.

Không phải là người nữ, (lầm) tưởng là người nữ, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì về ngồi nơi kín đáo là thứ năm.

--ooOoo--

6. 5. 6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐI THĂM VIẾNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã thỉnh mời đại đức Upananda con trai dòng Sakya với bữa trai phạn và cũng đã thỉnh mời các vị tỳ khưu khác với bữa trai phạn. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya thường đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn.” - “Thưa các ngài, xin hãy chờ đến khi ngài đại đức Upananda đến.” Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, các vị tỳ khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn trước khi thời giờ đi quá.” - “Thưa các ngài, chúng tôi đã làm bữa trai phạn vì nguyên nhân là ngài đại đức Upananda. Thưa các ngài, xin hãy chờ đến khi ngài đại đức Upananda đến.”

2. Sau đó, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn đã đi đến trễ. Các tỳ khưu đã không thọ thực được như ý. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình

trước bữa ăn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của tỳ khuru Upananda con trai dòng Sakya đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng (dặn dò) rằng: “Nên trình cho ngài đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.” Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đi vào làng để khát thực. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị tỳ khuru rằng: - “Thưa các ngài, ngài đại đức Upananda ở đâu vậy?” - “Này các đạo hữu, đại đức Upananda con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khát thực.” - “Thưa các ngài, vật thực loại cứng này (được dặn dò rằng): ‘Nên trình cho ngài đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.’” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru,

như vậy thì sau khi thọ lãnh các người hãy để riêng ra cho đến khi Upananda trở về.”

4. Khi ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn” nên đã đi giao thiệp với các gia đình sau bữa ăn rồi về lại trong ngày. Món vật thực cứng đã bị bỏ đi. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, nhằm thời hạn dâng y các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi giao thiệp

với các gia đình trong thời hạn dāṅg y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trong thời hạn dāṅg y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru làm công việc may y. Và có nhu cầu về kim, chỉ, dao nhỏ. Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đi giao thiệp với các gia đình trong lúc may y. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trong thời hạn dāṅg y, trong lúc may y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm. Các tỳ khuru trong lúc ngặt ngai không đi giao thiệp với các gia đình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép (vị tỳ khuru) có sự thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện được đi giao thiệp với các gia đình. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, chưa có sự thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: trong thời hạn dăng y, trong lúc may y. Đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

8. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được thỉnh mời nghĩa là đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực.

Có bữa trai phạn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì bữa trai phạn là với món đó.

Vị tỳ khuru hiện diện nghĩa là có thể có sự thông báo để đi vào (làng).

Vị tỳ khuru không hiện diện nghĩa là không thể có sự thông báo để đi vào (làng).

Trước bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì còn chưa thọ thực món đó.

Sau bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì (món đó) đã được thọ thực cho dầu vào lúc rạng đông.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Đi thăm viếng các gia đình: Vị đang bước vào khu vực lân cận ngôi nhà của người khác thì phạm tội *dukkat a*. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội *dukkat a*. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhì thì phạm tội *pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có nguyên có.

Trong thời hạn dāṇḍ y nghĩa là khi *Kaṭ hīna* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭ hīna* được thành tựu thì năm tháng.

Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may.

Đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị không thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì

phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Đã được thỉnh mời, có sự nghi ngờ, vị không thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Đã được thỉnh mời, (lầm) tưởng là không được thỉnh mời, vị không thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

Không được thỉnh mời, (lầm) tưởng là đã được thỉnh mời, phạm tội *dukkaṭṭa* a. Không được thỉnh mời, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa* a. Không được thỉnh mời, nhận biết là không được thỉnh mời thì vô tội.

Khi có duyên có, sau khi thông báo đến vị tỳ khuru hiện diện rồi đi vào (làng), không có vị tỳ khuru hiện diện rồi đi vào (làng) không thông báo, đường đi ngang qua ngôi nhà của người khác, đường đi ngang qua khu vực lân cận ngôi nhà (của người khác), vị đi đến tu viện ở giữa làng, vị đi đến chỗ ngụ của các tỳ khuru ni, vị đi đến chỗ ngụ của các tu sĩ ngoại đạo, vị đi trở về, vị đi đến nhà thí thực, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về đi thăm viếng là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 5. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ MAHĀNĀMA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sakya có được phẩm dồi dào. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm trong bốn tháng.” - “Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế người hãy thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm trong bốn tháng.” Các tỳ khưu ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu về (việc dâng) vật dụng trong bốn tháng.”

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu yêu cầu được phẩm (số lượng) ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakya. Giống như trước đây, được phẩm của Mahānāma dòng Sakya vẫn dồi dào. Đến lần thứ nhì, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm trong bốn tháng kế tiếp.” - “Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế

ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm trong bốn tháng kế tiếp.” Các tỳ khuru ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu tiếp tục.”*

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru yêu cầu được phẩm (số lượng) rất ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakya. Giống như trước đây, được phẩm của Mahānāma dòng Sakya vẫn dồi dào. Đến lần thứ ba, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm đến trọn đời.” - “Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về (việc dâng) được phẩm đến trọn đời.” Các tỳ khuru ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu vĩnh viễn.”*

4. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư quần y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề. Mahānāma dòng Sakya là người phát biểu rằng: - “Thưa các ngài, tại sao các ngài lại quần y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề? Chẳng phải vị xuất gia nên quần y đàng hoàng, trùm y gọn gàng, có sự chỉnh tề hay sao?” Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã kết oan trái với

Mahānāma dòng Sakya. Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Có phương kế gì chúng ta có thể làm cho Mahānāma dòng Sakya bị xấu hổ?” Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Này các đại đức, hội chúng đã được Mahānāma dòng Sakya thỉnh cầu về (việc dâng) được phẩm. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy yêu cầu Mahānāma dòng Sakya về bơ lỏng đi.”

5. Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp Mahānāma dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Mahānāma dòng Sakya điều này: - “Này đạo hữu, có nhu cầu về một chum¹ bơ lỏng.” - “Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn.”

Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với Mahānāma dòng Sakya điều này: - “Này đạo hữu, có nhu cầu về một chum bơ lỏng.” - “Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn.” - “Này đạo hữu, đạo hữu không chịu bố thí khi được yêu cầu, việc gì khiến đạo hữu nói lời thỉnh cầu khi không có ý định bố thí vậy?”

¹ Chum (*doṇa*) là đơn vị đo thể tích, 1 *doṇa* = 4 *āḷa haka*. Để dễ hình dung, sức chứa của bình bát cỡ lớn là $\frac{1}{2}$ *āḷa haka*, vậy số lượng bơ lỏng được yêu cầu là 8 lần bình bát cỡ lớn (ND).

6. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao khi được nói rằng: ‘Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai’ các đại đức lại không chịu chờ đợi?” Các tỳ khuru đã nghe được Mahānāma dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: ‘Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai’ lại không chịu chờ đợi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: ‘Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai’ lại không chịu chờ đợi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: ‘Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai’ lại không chịu chờ đợi vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru không bị bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về (việc dâng) vật dụng trong bốn tháng, ngoại trừ có sự thỉnh cầu tiếp tục, ngoại trừ có sự thỉnh cầu đến trọn đời. Nếu chấp nhận vượt quá hạn ấy thì phạm tội pācittiya.”

7. Vị tỳ khuru không bị bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về (việc dâng) vật dụng trong bốn tháng: Sự

thỉnh cầu (để dâng vật dụng) cho trường hợp bị bệnh nên được chấp nhận.

Sự thỉnh cầu tiếp tục cũng nên được chấp nhận:
(Nói rằng): “*Khi nào tôi bị bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu cầu.*”

Sự thỉnh cầu đến trọn đời cũng nên được chấp nhận: (Nói rằng): “*Khi nào tôi bị bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu cầu.*”

Nếu chấp nhận vượt quá hạn ấy: Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về được phẩm không có sự giới hạn về đêm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về đêm không có sự giới hạn về được phẩm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về được phẩm và có sự giới hạn về đêm. Có sự thỉnh cầu không có sự giới hạn về được phẩm và không có sự giới hạn về đêm.

Có sự giới hạn về được phẩm nghĩa là các được phẩm được xét đến rồi (nói rằng): ‘Tôi nói lời thỉnh cầu với chúng này được phẩm.’

Có sự giới hạn về đêm nghĩa là các đêm được xét đến rồi (nói rằng): ‘Tôi nói lời thỉnh cầu trong (thời hạn) chúng này đêm.’

Có sự giới hạn về được phẩm và có sự giới hạn về đêm nghĩa là các được phẩm được xét đến và các đêm

được xét đến rồi (nói rằng): ‘Tôi nói lời thỉnh cầu với chúng này được phẩm trong (thời hạn) chúng này đêm.’

Không có sự giới hạn về được phẩm và không có sự giới hạn về đêm nghĩa là các được phẩm không được xét đến và các đêm không được xét đến.

Khi có sự giới hạn về được phẩm, trừ ra các được phẩm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu các loại được phẩm khác thì phạm tội *pācittiya*. Khi có sự giới hạn về đêm, trừ ra các đêm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu trong các đêm khác thì phạm tội *pācittiya*. Khi có sự giới hạn về sự thỉnh cầu và có sự giới hạn về đêm, trừ ra các được phẩm đã được thỉnh cầu và trừ ra các đêm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu các loại được phẩm khác trong các đêm khác thì phạm tội *pācittiya*. Khi không có sự giới hạn về sự thỉnh cầu và không có sự giới hạn về đêm thì vô tội.

Khi không cần dùng được phẩm, vị yêu cầu được phẩm thì phạm tội *pācittiya*. Khi cần dùng được phẩm này, vị yêu cầu được phẩm khác thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã quá hạn ấy, nhận biết là đã quá hạn ấy, vị yêu cầu được phẩm thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã quá hạn ấy, có sự hoài nghi, vị yêu cầu được phẩm thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã quá hạn ấy, (lầm) tưởng là chưa quá hạn ấy, vị yêu cầu được phẩm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa quá hạn ấy, (lầm) tưởng là đã quá hạn ấy, phạm tội *dukkatā* a. Khi chưa quá hạn ấy, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkatā* a. Khi chưa quá hạn ấy, nhận biết là chưa quá hạn ấy thì vô tội.

8. Vị yêu cầu các loại được phẩm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu trong (thời hạn) các đêm đã được thỉnh cầu, sau khi nói rõ rồi yêu cầu: *“Chúng tôi đã được quý vị thỉnh cầu các loại được phẩm này, giờ chúng tôi có nhu cầu về được phẩm loại này và loại này,”* sau khi nói rõ rồi yêu cầu: *“(Thời hạn) các đêm chúng tôi được quý vị thỉnh cầu đã trôi qua, giờ chúng tôi có nhu cầu về được phẩm,”* của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vị Mahānāma là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 5. 8. ĐIỀU HỌC VỀ QUÂN ĐỘI ĐỘNG BINH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala cùng với quân đội đi đánh trận. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội động binh.

Đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các tỳ khuru nhóm Lục Sư đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy đã cho người gọi đến rồi đã nói điều này: - “Thưa các ngài, vì sao các ngài lại đi đến nơi này?” - “Chúng tôi có ý muốn nhìn thấy đại vương.” - “Thưa các ngài, việc gì lại nhìn trộm đang say sưa chiến trận? Sao không chiêm ngưỡng đức Thế Tôn?”

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi đến để xem quân đội động binh? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi vào quân đội.”

Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đi để xem quân đội động binh?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đi để xem quân đội động binh, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến

trách rằng: —nt— Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đi để xem quân đội động binh vậy? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào đi để xem quân đội động binh thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có người cậu của vị tỳ khuru nọ bị bệnh ở trong binh đội. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp vị tỳ khuru ấy (nhấn rằng): “Bởi vì cậu bị bệnh ở trong binh đội. Đại đức hãy đi đến. Cậu mong sự đi đến của đại đức.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý rằng: “Đức Thế Tôn đã quy định điều học cho các tỳ khuru rằng: “Không được đi để xem quân đội động binh, và người cậu này của ta thì bị bệnh ở trong binh đội, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi đến binh đội khi có nhân duyên như thế. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào đi để xem quân đội động binh thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có nhân duyên như thế.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Động binh nghĩa là quân đội sau khi đi ra từ làng thì đóng trại hoặc là tiến tới.

Quân đội nghĩa là các tượng binh, các kỵ binh, các xa binh, các bộ binh. (Tượng binh) thì mười hai người đàn ông một con voi. (Kỵ binh) thì ba người đàn ông một con ngựa. (Xa binh) thì bốn người đàn ông một chiếc xe. (Bộ binh) thì bốn người đàn ông có tên ở tay. Vị đi để xem thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *pācittiya*.

Ngoại trừ có nhân duyên như thế: trừ ra có nhân duyên như thế.

Khi động binh, nhận biết là động binh, vị đi để xem thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế. Khi động binh, có sự hoài nghi, vị đi để xem thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế. Khi động binh, (lầm) tưởng không phải là động binh, vị đi để xem thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế.

Vị đi để xem mỗi một (loại binh chủng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *dukkaṭ a*. Sau

khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *dukkaṭ a*.

6. Không phải là động binh, (lầm) tưởng là động binh, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là động binh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là động binh, nhận biết không phải là động binh thì vô tội.

Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy, (việc động binh) di chuyển đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị tỳ khưu, vị nhìn thấy khi đi ngược chiều, có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về quân đội động binh là thứ tám.

--ooOoo--

6. 5. 9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ NGỰ NƠI BÌNH ĐỘI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, khi có công việc cần thiết các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến nơi bình đội rồi trú ngụ trong bình đội hơn hai ba đêm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại trú ngụ trong bình đội? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải sống trong bình đội.”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại trú ngụ trong bình đội hơn hai ba đêm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người trú ngụ trong bình đội hơn hai ba đêm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại trú ngụ trong bình đội hơn hai ba đêm vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Nếu có nhân duyên nào đó khiến vị tỳ khuru ấy đi đến nơi bình đội, vị tỳ khuru ấy nên trú ngụ trong bình đội hai ba đêm; nếu vượt hơn số ấy thì phạm tội pācittiya.”

3. Nếu có nhân duyên nào đó khiến vị tỳ khuru ấy đi đến nơi binh đội: nếu có duyên có, nếu có việc cần làm.

Vị tỳ khuru ấy nên trú ngụ trong binh đội hai ba đêm: nên trú hai ba đêm.

Nếu vượt hơn số ấy: khi mặt trời lặn vào ngày thứ tư, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *pācittiya*.

Khi hơn hai ba đêm, nhận biết là đã hơn, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *pācittiya*. Khi hơn hai ba đêm, có sự hoài nghi, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *pācittiya*. Khi hơn hai ba đêm, (lầm) tưởng là còn kém, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *pācittiya*.

4. Khi còn kém hai ba đêm, (lầm) tưởng là đã hơn, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi còn kém hai ba đêm, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi còn kém hai ba đêm, nhận biết còn kém thì vô tội.

5. Vị trú ngụ hai ba đêm, vị trú ngụ còn kém hai ba đêm, sau khi trú ngụ hai đêm vào đêm thứ ba sau khi đi ra khỏi trước rặng đông rồi trú ngụ trở lại, vị bị bệnh rồi trú ngụ, vị trú ngụ vì có việc cần làm đối với người bệnh, ở binh đội bị quân địch bao vây, vị bị cản trở bởi điều gì đó, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Dứt điều học về trú ngụ nơi binh đội.

--ooOoo--

6. 5. 10. ĐIỀU HỌC VỀ NƠI TẬP TRẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, trong khi trú ngụ hai ba đêm trong binh đội các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi đến nơi tập trận, nơi đóng quân, nơi dàn binh, đội chủ lực. Có vị tỳ khuru nọ thuộc nhóm Lục Sư sau khi đi đến nơi tập trận đã bị trúng mũi tên. Dân chúng đã chế giễu vị tỳ khuru ấy rằng: - “Thưa ngài, chắc hẳn đã là trận chiến cửu khôi? Ngài chiếm được bao nhiêu mục tiêu?” Trong khi bị những người ấy chế giễu, vị tỳ khuru ấy đã xấu hổ.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi đến để xem nơi tập trận? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi đến nơi tập trận.” Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đi để xem nơi tập trận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đi để xem nơi tập trận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đi để xem nơi tập trận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Nếu trong khi trú ngụ ở binh đội hai ba đêm vị tỳ khuru đi đến nơi tập trận, hoặc nơi đóng quân, hoặc nơi dàn binh, hoặc đội chủ lực thì phạm tội pācittiya.”

3. Nếu vị tỳ khuru trong khi trú ngụ ở binh đội hai ba đêm: trong khi trú ngụ hai ba đêm.

Nơi tập trận nghĩa là nơi nào chiến trận được nhìn thấy.

Nơi đóng quân nghĩa là chũng này tượng binh, chũng này kỵ binh, chũng này xa binh, chũng này bộ binh.

Nơi dàn binh nghĩa là các tượng binh hãy từ nơi này; các kỵ binh hãy từ nơi này; các xa binh hãy từ nơi này; các bộ binh hãy từ nơi này.

Đội chủ lực nghĩa là đội tượng binh chủ lực, đội kỵ binh chủ lực, đội xa binh chủ lực, đội bộ binh chủ lực. Đội tượng binh chủ lực ít nhất là ba con voi, đội kỵ binh chủ lực ít nhất là ba con ngựa, đội xa binh chủ lực ít nhất là ba xe, đội bộ binh chủ lực ít nhất là bốn người đàn ông có vũ khí ở tay.

Vị đi để xem thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *pācittiya*.

5. Vị đi để xem mỗi một (loại binh chủng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *dukkaṭ a*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *dukkaṭ a*.

6. Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy, sự tập trận di chuyển đến và được nhìn thấy ở chỗ đứng hoặc ở chỗ ngồi hoặc ở chỗ nằm của vị tỳ khưu, vị nhìn thấy khi đi ngược chiều, khi có việc cần phải làm vị đi rồi nhìn thấy, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Dứt điều học về nơi tập trận.

Phẩm Đạo Sĩ Lỏa Thể là thứ năm.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vị đạo sĩ lỏa thể, việc đuổi đi, có cặp vợ chồng, nơi kín đáo hai chuyện, và vị có bữa trai phạn, được phẩm, bị động binh, (trú ngụ) nơi binh đội, nơi tập trận.

--ooOoo--

6. 6. PHẨM UỐNG RƯỢU

6. 6. 1. ĐIỀU HỌC VỀ UỐNG RƯỢU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn trong khi du hành ở xứ Cetiya đã đi đến Bhaddavatikā. Những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi đến Ambatittha. Bạch ngài, ở Ambatittha có con rồng sống trong khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, là con rắn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn.”

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi đến Ambatittha. Bạch ngài, ở Ambatittha có con rồng sống trong khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, là con rắn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn.” Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã im lặng.

2. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddavatikā. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Bhaddavatikā. Khi ấy, đại đức Sāgata đã đi về phía khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa thuộc vùng Ambatittha, sau khi đến đã đi vào nhà thờ lửa, rồi đã sắp đặt tấm thảm trải bằng cỏ, ngồi xuống, xếp (chân) thế kiết già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước. Khi

ấy, con rồng ấy sau khi nhìn thấy đại đức Sāgata đi vào, có sự khó chịu, có tâm bức bối, đã phun khói. Đại đức Sāgata cũng đã phun khói. Khi ấy, con rồng không còn đè nén được con giận nên đã phun ra lửa. Đại đức Sāgata cũng đã nhập thiền đề mục lửa và đã phun ra lửa. Sau đó, đại đức Sāgata đã dùng lửa (của mình) đoạt lấy ngọn lửa của con rồng ấy rồi đã đi về phía Bhaddavatikā.

Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi đã ngụ tại Bhaddavatikā theo như ý thích đã ra đi du hành về phía thành Kosambī. Các cư sĩ ở thành Kosambī đã nghe được rằng: “Nghe nói ngài đại đức Sāgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha.”

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngụ đến thành Kosambī. Khi ấy, các cư sĩ ở thành Kosambī sau khi đi ra tiếp đón đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Sāgata, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sāgata rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở thành Kosambī đã nói với đại đức Sāgata điều này: - “Thưa ngài, vật gì các ngài đại đức khó có được và ưng ý? Chúng tôi nên chuẩn bị vật gì?” Khi được nói như thế, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ở thành Kosambī điều này: - “Này các đạo hữu, có thứ rượu cất tên Bồ Câu thì các tỳ khưu khó có được và ưng ý, hãy chuẩn bị thức ấy.”

Sau đó, các cư sĩ ở thành Kosambī đã chuẩn bị rượu cất tên Bồ Câu ở mỗi nhà, rồi khi nhìn thấy đại đức

Sāgata đang đi khát thực đã nói với đại đức Sāgata điều này: - “Thưa ngài, xin ngài đại đức Sāgata hãy uống rượu cất tên Bồ Câu. Thưa ngài, xin ngài đại đức Sāgata hãy uống rượu cất tên Bồ Câu.” Sau đó, khi đã uống rượu cất tên Bồ Câu ở mỗi nhà, đại đức Sāgata trong lúc đang đi ra khỏi thành phố đã té ngã ở cổng thành.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn cùng với nhiều vị tỳ khưu đang đi ra khỏi thành phố đã nhìn thấy đại đức Sāgata bị té ngã ở cổng thành, sau khi nhìn thấy đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, hãy đưa Sāgata về.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Các vị tỳ khưu ấy nghe theo lời đức Thế Tôn sau khi đưa đại đức Sāgata về lại tu viện đã đặt nằm xuống, đầu hướng về đức Thế Tôn.

Khi ấy, đại đức Sāgata đã xoay tròn vòng đưa hai chân hướng về đức Thế Tôn rồi nằm ngủ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, phải chăng Sāgata đã có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai?”

- “Bạch ngài, đúng vậy.”

- “Này các tỳ khưu, vậy bây giờ Sāgata có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai không?”

- “Bạch ngài, điều ấy không có.”

- “Này các tỳ khưu, phải chăng Sāgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha?”

- “Bạch ngài, đúng vậy.”

- “Này các tỳ khuru, vậy bây giờ Sāgata có đủ sức gây chiến với con rắn nước không?”

- “Bạch ngài, điều ấy không có.”

- “Này các tỳ khuru, vậy loại thức uống nào sau khi uống vào sẽ trở thành mất tỉnh táo thì có nên uống loại ấy không?”

- “Bạch ngài, điều ấy không nên.”

- “Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho Sāgata, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Samôn, không được phép, không nên làm! Này các tỳ khuru, vì sao Sāgata lại uống men say vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi uống rượu và men say thì phạm tội pācittiya.” 5.

Rượu nghĩa là rượu từ bột, rượu từ bánh ngọt, rượu từ cơm, đã được rắc men vào, đã được trộn vào các hương liệu cần thiết.

Men say nghĩa là chất mật từ bông hoa, nước trích ra từ trái cây, nước trích ra từ mật ong, nước trích ra từ đường mía đã được trộn vào các hương liệu cần thiết.

Uống: vị uống vào đầu chi với (một chút ở) đầu cọng cỏ *kusa* thì phạm tội *pācittiya*.

6. Men say, nhận biết là men say, vị uống vào thì phạm tội *pācittiya*. Men say, có sự hoài nghi, vị uống vào thì phạm tội *pācittiya*. Men say, (lầm) tưởng không phải là men say, vị uống vào thì phạm tội *pācittiya*.

7. Không phải là men say, (lầm) tưởng là men say, phạm tội *dukkat a*. Không phải là men say, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là men say, nhận biết không phải là men say thì vô tội.

8. Vị uống vào chất có màu sắc của men say có hương của men say có vị của men say nhưng không phải là men say, khi được nấu chung với xúp, khi được nấu chung với thịt, khi được nấu chung với dầu ăn, ở trong nước mật của trái cây *āmalaka*, vị uống nước cất không men say, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về uống rượu là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 6. 2. ĐIỀU HỌC VỀ THỌC LÉT BẰNG NGÓN TAY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vị tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư bằng cách dùng ngón tay thọc lét. Vị tỳ khưu ấy trong lúc bị cười quá mức không thở được nên đã chết đi. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại chọc cười vị tỳ khưu bằng cách dùng ngón tay thọc lét?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người chọc cười vị tỳ khưu bằng cách dùng ngón tay thọc lét, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại chọc cười vị tỳ khưu bằng cách dùng ngón tay thọc lét vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi thọc lét bằng ngón tay thì phạm tội pācittiya.”

2. **Thọc lét bằng ngón tay** nghĩa là vị đã tu lên bậc trên, có ý định chọc cười vị đã tu lên bậc trên rồi sờ vào cơ thể (vị kia) bằng cơ thể (của mình) thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọc lét thì phạm

tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoà nghi, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọc lét thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọc lét thì phạm tội *pācittiya*.

Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể (vị kia) bằng cơ thể (của mình) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào cơ thể (vị kia) bằng vật được gắn liền với cơ thể (của mình) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể (vị kia) bằng vật được gắn liền với cơ thể (của mình) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào cơ thể (vị kia) bằng vật (do mình) ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể (vị kia) bằng vật (do mình) ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật (do vị kia) ném ra bằng vật (do mình) ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Với vị chưa tu lên bậc trên, vị sờ vào cơ thể (vị kia) bằng cơ thể (của mình) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoà nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*.

Không có ý định chọc cười, vị sờ vào khi có việc cần phải làm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về thọc lét bằng ngón tay là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 6. 3. ĐIỀU HỌC VỀ CHƠI GIỜN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala cùng với hoàng hậu Mallikā ngự ở tầng trên của tòa lầu đài. Đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī, sau khi nhìn thấy đã nói với hoàng hậu Mallikā điều này: - “Này Mallikā, các vị A-la-hán này của khanh đùa nghịch ở trong nước.” - “Tâu đại vương, chắc chắn là điều học chưa được đức Thế Tôn quy định hoặc là các vị tỳ khuru ấy không biết.”

2. Sau đó, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Bằng phương thức nào để ta không phải trình lên đức Thế Tôn mà đức Thế Tôn có thể biết được các tỳ khuru này đã đùa nghịch ở trong nước?” Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã cho mời các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đến rồi đã dâng khối đường lớn cho các vị ấy (nói rằng): - “Thưa các ngài, xin hãy dâng lên đức Thế Tôn khối đường này.”

Các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đã cầm lấy khối đường ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức vua Pasenadi xứ Kosala dâng khối đường này đến đức Thế Tôn.” - “Này các tỳ khuru, đức vua đã gặp các người ở

đâu?” - “Bạch Thế Tôn, trong khi đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đùa nghịch ở trong nước vậy? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi chơi giỡn ở trong nước thì phạm tội pācittiya.”

3. **Chơi giỡn ở trong nước** nghĩa là ở trong nước ngập trên mắt cá chân vị có ý định chơi giỡn rồi hụp xuống hoặc trôi lên hoặc bơi lội thì phạm tội *pācittiya*.

Chơi giỡn ở trong nước, nhận biết là chơi giỡn, phạm tội *pācittiya*. Chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi, phạm tội *pācittiya*. Chơi giỡn ở trong nước, (lầm) tưởng là không chơi giỡn, phạm tội *pācittiya*.

Vị đùa nghịch ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị đùa nghịch với chiếc thuyền thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị đập vỗ trong nước bằng cánh tay hoặc bằng bàn chân hoặc với khúc cây hoặc với mảnh sành thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị đùa nghịch nước hoặc cháo chua hoặc sữa tươi hoặc sữa pha loãng hoặc nước nhuộm y hoặc nước tiểu hoặc nước bùn chứa ở trong chậu thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Không chơi giỡn ở trong nước, (lầm) tưởng là chơi giỡn, phạm tội *dukkaṭ a*. Không chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không chơi giỡn ở

trong nước, nhận biết là không chơi giỡn ở trong nước thì vô tội.

Không có ý định chơi giỡn, vị đi xuống nước khi có việc cần phải làm rồi hụp xuống hoặc trồi lên hoặc bơi lội, trong khi đi sang bờ bên kia rồi hụp xuống hoặc trồi lên hoặc bơi lội, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về chơi giỡn là thứ ba.

--ooOoo--

6. 6. 4. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ KHÔNG TÔN TRỌNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa hành xử không đúng nguyên tắc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này đại đức Channa, chớ hành động như thế. Điều ấy không được phép.” Vị ấy hành động tỏ ra vẻ không tôn trọng.

Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Channa lại thể hiện sự không tôn trọng?” —nt— “Này Channa, nghe nói người thể hiện sự không tôn trọng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại thể hiện sự không tôn trọng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi có sự không tôn trọng thì phạm tội pācittiya.”

2. **Sự không tôn trọng** nghĩa là có hai sự không tôn trọng: sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp.

Sự không tôn trọng người nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định, vị (nghĩ

rằng): “Vị này bị phạt án treo, hoặc bị xem thường, hoặc bị khiển trách, hoặc lời nói của vị này sẽ không được thực hiện” rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *pācittiya*.

Sự không tôn trọng Pháp nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định, vị (nghĩ rằng): “Làm thế nào để điều này có thể được hủy bỏ, hoặc được thủ tiêu, hoặc được biến mất?” hoặc là vị không có ý muốn học tập điều ấy rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều không được quy định, vị (nghĩ rằng): “Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực” rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Khi đang được vị chưa tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định hoặc không được quy định, vị (nghĩ

rằng): “Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực” rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị nói rằng: ‘Sự học tập, sự giải thích của các vị thầy dạy học của chúng tôi là như vậy,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về sự không tôn trọng là thứ tư.

--ooOoo--

6. 6. 5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM CHO KINH SỢ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã làm các vị tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư kinh sợ. Trong lúc bị làm cho kinh sợ, các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc?” - “Thưa các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư này đã làm chúng tôi kinh sợ.” Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại làm vị tỳ khưu kinh sợ?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người làm vị tỳ khưu kinh sợ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại làm vị tỳ khưu kinh sợ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào làm vị tỳ khưu kinh sợ thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khưu: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khưu’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khưu: là vị tỳ khưu khác.

Làm kinh sợ: vị đã tu lên bậc trên có ý định làm kinh sợ vị đã tu lên bậc trên rồi đem lại cảnh sắc hoặc cảnh thính hoặc cảnh khí hoặc cảnh vị hoặc cảnh xúc thì phạm tội *pācittiya* cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp hoặc sự nguy hiểm của thú dữ hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội *pācittiya* cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị làm kinh sợ thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị làm kinh sợ thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị làm kinh sợ thì phạm tội *pācittiya*.

Có ý định làm kinh sợ vị chưa tu lên bậc trên rồi đem lại cảnh sắc hoặc cảnh thính hoặc cảnh khí hoặc cảnh vị hoặc cảnh xúc thì phạm tội *dukkaṭa* cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp hoặc sự nguy hiểm của thú dữ hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội *dukkaṭa* cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ.

Vị chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*. Vị chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Vị chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*.

6. Vị không có ý định làm kinh sợ rồi đem lại cảnh sắc hoặc cảnh thính hoặc cảnh khí hoặc cảnh vị hoặc

cảnh xúc, (hay là) kể về sự nguy hiểm của trộm cướp hoặc sự nguy hiểm của thú dữ hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc làm cho kinh sợ là thứ năm.

--ooOoo--

6. 6. 6. ĐIỀU HỌC VỀ NGỌN LỬA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, thành Susumāragira, trong rừng Bhesakalā, chỗ vườn nai. Vào lúc bấy giờ trong tháng mùa lạnh, các tỳ khuru sau khi đốt lên ngọn lửa ở khúc gỗ lớn có lỗ hồng nọ rồi sưởi ấm. Và ở trong lỗ hồng ấy có con rắn đen bị đốt nóng bởi ngọn lửa nên bò ra ngoài và tấn công các vị tỳ khuru. Các tỳ khuru đã chạy nơi này nơi nọ.

Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru lại đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru bị bệnh. Các tỳ khuru thăm hỏi bệnh tình đã nói với các tỳ khuru bị bệnh điều này: - “Này các đại đức, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này các đại đức,

trước đây chúng tôi đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại nên không sưởi ấm; vì thế chúng tôi không được thoải mái.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào không bị bệnh có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại ngay cả trong việc thắp đèn, trong việc đốt lửa, luôn cả ở nhà tắm hơi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa khi có các nhân duyên như thế. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào không bị bệnh có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có nhân duyên như thế.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có ngọn lửa.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có ngọn lửa.

Có ý định sưởi ấm: có ý muốn hơi nóng.

Ngọn lửa nghĩa là lửa được đề cập đến.

Đốt lên: vị tự mình đốt lên thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo đốt lên: vị ra lệnh người khác thì phạm tội *pācittiya*. Khi được ra lệnh một lần, dầu (vị kia) đốt nhiều lần vị (ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Ngoại trừ có nhân duyên như thế: trừ ra có nhân duyên như thế.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, có sự hoà nghi, vị có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị có ý định sưởi ấm rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có nhân duyên như thế.

Vị nhặt lên khúc củi đang cháy thì phạm tội *dukkaṭṭa*. Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội

dukkat a. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a.* Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, vị sưởi ấm khi (ngọn lửa) đã được thực hiện bởi vị khác, vị sưởi ấm ở chỗ tro tàn (không còn ngọn lửa), khi thấp đèn, khi đốt lửa (nung bình bát), ở trong nhà tắm hơi, ngoại trừ có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về ngọn lửa là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 6. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TẮM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu thường tắm ở dòng sông Tapodā.¹ Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha (nghĩ rằng): “Ta sẽ gọi đầu” rồi đã đi đến sông Tapodā và đã chờ đợi ở một bên (nghĩ rằng): “Đến khi các ngài đại đức tắm xong.” Các tỳ khưu đã tắm đến khi trời tối hẳn.

Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha sau khi gọi đầu xong vào ban đêm thì cửa thành đã đóng nên đã ngự lại bên ngoài thành. Vào lúc sáng sớm, đức vua với dầu thoa chưa được tắm hương đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này: - “Tâu đại vương, vì sao ngài lại đến sớm với dầu thoa chưa được tắm hương?” Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Seniya

¹ *Tapodā* (nghĩa là nước nóng) vừa là tên của một cái hồ vừa là tên của một dòng sông. Nước ở hồ thì mát nhưng khi ra đến dòng sông thì nóng (*Pārājikapāṭi* i - *Phân Tích Giới Tỳ Khưu I*, TTPV tập 01, điều *Pārājika* thứ 4, trang 253; TTVN tập 01, trang 227).

Bimbisāra xứ Magadha bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại rồi đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru sau khi nhìn thấy ngay cả đức vua vẫn tầm không biết chừng mực?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi nhìn thấy ngay cả đức vua vẫn tầm không biết chừng mực vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào tầm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc trời nóng nực nhằm lúc trời oi bức, các tỳ khuru trong lúc ngán ngại không tắm rồi đi ngủ với thân thể đầm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi

bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, vào lúc trời nóng nực vào lúc trời oi bức ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: (Nghĩ rằng): ‘Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức; đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru bị bệnh. Các tỳ khuru thăm hỏi bệnh tình đã nói với các tỳ khuru bị bệnh điều này: - *“Này các đại đức, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?”* - *“Này các đại đức, trước đây chúng tôi tắm khi chưa đủ nửa tháng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại nên không tắm; vì thế chúng tôi không được thoải mái.”* Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: (Biết rằng): ‘Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh; đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sau khi thực hiện công trình mới, trong lúc gần ngại không tắm rồi đi ngủ với thân thể đầm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, trong trường hợp có công việc ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: (Nghĩ rằng): ‘Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc; đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sau khi đi đường xa, trong lúc ngán ngại không tắm rồi đi ngủ với thân thể đầm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngời bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, trong trường hợp đi đường xa ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: (Nghĩ rằng): ‘Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa; đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru trong khi thực hiện việc may y ở ngoài trời đã bị bao phủ bởi cơn gió có bụi, và trời thì mưa lâm râm. Các vị tỳ khuru trong lúc ngán ngại không tắm rồi đi ngủ với thân thể bị ẩm ướt. Y và chỗ nằm ngời bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, trong trường*

hợp mưa gió ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội pācittiya ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là: (Nghĩ rằng): ‘Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió; đây là duyên có trong trường hợp ấy.”

8. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ nửa tháng: chưa tới nửa tháng.

Tắm: Vị tắm với bột tắm hoặc với đất sét, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkatā* a. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên có: trừ ra có duyên có.

Lúc trời nóng nực nghĩa là một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng.

Lúc trời oi bức nghĩa là tháng đầu tiên của mùa mưa; (nghĩ rằng): ‘*Như vậy thành hai tháng rươi là lúc trời nóng nực là lúc trời oi bức*’ rồi nên tắm.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là vị không có thoải mái khi không tắm; (nghĩ rằng): ‘*Trường hợp bị bệnh*’ rồi nên tắm.

Trường hợp có công việc nghĩa là ngay cả việc căn phòng được quét bụi; (nghĩ rằng): ‘*Trường hợp có công việc*’ rồi nên tắm.

Trường hợp đi đường xa nghĩa là (nghĩ rằng) ‘*Ta sẽ đi nửa do tuần*’¹ rồi nên tắm. Vị sắp sửa đi thì nên tắm. Vị đã đi thì nên tắm.

Trường hợp mưa gió nghĩa là các vị tỳ khuru đã bị bao phủ bởi cơn gió có bụi, hoặc là hai hoặc ba giọt nước mưa đã rơi trên thân thể; (nghĩ rằng): ‘*Trường hợp mưa gió*’ rồi nên tắm.

Chưa đủ nửa tháng, nhận biết là chưa đủ, vị tắm thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Chưa đủ nửa tháng, có sự hoài nghi, vị tắm thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có. Chưa đủ nửa tháng, (lầm) tưởng là đã hơn, vị tắm thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ có duyên có.

¹ Tương đương 5 miles, hoặc 8 km (theo *The Buddhist Monastic Code*).

Hon nửa tháng, (lầm) tưởng là chưa đủ, phạm tội *dukkat a*. Hon nửa tháng, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Hon nửa tháng, nhận biết là đã hon thì vô tội.

Khi có duyên có, vị tắm khi được nửa tháng, vị tắm khi hon nửa tháng, vị tắm khi đi sang bờ bên kia sông, ở tất cả các xứ sở vùng biên địa,¹ trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc tắm là thứ bảy.

--ooOoo--

¹ Xem chi tiết ở *Mahāvagga 2 - Đại Phẩm 2*, TTPV tập 04, chương V, từ trang 512; TTVN tập 04, từ trang 423.

6. 6. 8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM HOẠI SẮC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru và các du sĩ ngoại đạo đang đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvattthī. Giữa đường, bọn trộm cướp đã xuất hiện và cướp bóc các vị ấy. Quân lính của đức vua xuất phát từ thành Sāvattthī sau khi bắt được bọn cướp ấy cùng với đồ đạc đã phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): - “Các đại đức hãy đi đến, các vị hãy nhận ra y của chính mình rồi hãy lấy.” Các vị tỳ khuru không nhận ra. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại không nhận biết y của chính bản thân?” Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng tỳ khuru lại đã nói Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, —nt— nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nhận được y mới nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc là màu xanh, màu bùn, màu đen sẫm. Nếu vị tỳ khuru không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc mà sử dụng y mới thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Mới** nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

Nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: nên áp dụng đầu chỉ với (một chút ở) đầu cọng cỏ *kusa*.

Màu xanh nghĩa là có hai loại màu xanh: màu xanh của ri đồng và màu xanh lá cây.

Màu bùn nghĩa là nước (bùn) được đề cập đến.

Màu đen sẫm nghĩa là bất cứ (phẩm màu) gì liên quan đến màu đen.

Nếu vị tỳ khuru không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: sau khi không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc đầu chỉ với (một chút ở) đầu cọng cỏ *kusa*, vị sử dụng y mới thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa áp dụng, nhận biết là chưa áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa áp dụng, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa áp dụng, (lầm) tưởng là đã áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã áp dụng, (lầm) tưởng là chưa áp dụng, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã áp dụng, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã áp dụng, nhận biết là đã áp dụng thì vô tội.

Sau khi áp dụng rồi sử dụng, việc làm thành đúng phép bị hư hoại, chỗ đã thực hiện việc làm thành đúng phép bị sòn, (y) chưa được làm thành đúng phép được may chung với (y) đã được làm thành đúng phép, khi có miếng vá, khi có làm đường viền, khi có sự mạng lại, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc làm hoại sắc là thứ tám.

--ooOoo--

6. 6. 9. ĐIỀU HỌC VỀ CHÚ NGUYỆN ĐỂ DỪNG CHUNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị tỳ khuru là đệ tử của người anh lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện (của vị ấy). Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru: - “Này các đại đức, đại đức Upananda con trai dòng Sakya này sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến tôi lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện.”

Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị tỳ khuru lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện?” —nt— “Này Upananda, nghe nói người sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị tỳ khuru lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rối đại, vì sao người sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị tỳ khuru lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện vậy? Này kẻ rối đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị tỳ khuru hoặc đến vị tỳ khuru ni hoặc đến vị ni tu tập sự hoặc đến vị sa di hoặc đến vị sa di ni lại sử dụng khi chưa có sự xả lờn nguyện thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị tỳ khuru: là đến vị tỳ khuru khác.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm.

Sa di nghĩa là người nam tu tập theo mười điều học.

Sa di ni nghĩa là người nữ tu tập theo mười điều học.

Đích thân: sau tự mình chú nguyện để dùng chung.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Sự chú nguyện để dùng chung nghĩa là có hai sự chú nguyện để dùng chung: sự chú nguyện để dùng

chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt.

Sự chú nguyện để dùng chung có mặt nghĩa là (nói rằng): ‘Tôi chú nguyện để dùng chung y này đến người hoặc đến vị tên (như vậy).’

Sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt nghĩa là (nói rằng): ‘Tôi trao y này đến người vì mục đích chú nguyện để dùng chung.’ Vị kia nên nói rằng: ‘Ai là bạn bè hoặc là người thân thiết của ngài?’ ‘Vị tên (như vậy) và tên (như vậy).’ Vị kia nên nói rằng: ‘Tôi sẽ trao cho những người ấy. Ngài hãy sử dụng vật sở hữu của những người ấy hoặc ngài hãy phân phát hoặc ngài hãy tiến hành như là có duyên có.’

Chưa có sự xả lòi nguyện nghĩa là chưa được cho lại¹ đến vị ấy hoặc là vị ấy sử dụng trong khi không có thân thiết với vị kia thì phạm tội *pācittiya*.

Chưa có sự xả lòi nguyện, nhận biết là chưa có sự xả lòi nguyện, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Chưa có sự xả lòi nguyện, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Chưa có sự xả lòi nguyện, (lầm) tưởng là đã có sự xả lòi nguyện, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*.

¹ Nghĩa là vị kia chưa nói với vị chủ nhân của y rằng: “Ngài hãy sử dụng hoặc ngài hãy phân phát hoặc ngài hãy tiến hành như là có duyên có” (VinA. iv, 864).

Vị chú nguyện để dùng riêng hoặc vị phân phát (y ấy) thì phạm tội *dukkaṭa a*. Có sự xả lời nguyện, (lầm) tưởng là chưa có sự xả lời nguyện, phạm tội *dukkaṭa a*. Có sự xả lời nguyện, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Có sự xả lời nguyện, nhận biết là đã có sự xả lời nguyện thì vô tội.

Hoặc là vị kia cho lại, hoặc là vị ấy (vị chủ nhân) sử dụng trong khi thân thiết với vị kia, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về chú nguyện để dùng chung là thứ chín.

--ooOoo--

6. 6. 10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THU GIẤU Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư có các vật dụng không được cất giữ. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư thu giấu bình bát và luôn cả y của các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đã nói với các tỳ khưu nhóm Lục Sư điều này: - “Này các đại đức, hãy cho lại chúng tôi bình bát và luôn cả y nữa.” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư cười. Các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc?” - “Thưa các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư này thu giấu bình bát và luôn cả y của chúng tôi.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các tỳ khưu?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người thu giấu bình bát và luôn cả y của các tỳ khưu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các tỳ khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị tỳ khuru cho dẫu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *pācittiya*.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị tỳ khuru: là của vị tỳ khuru khác.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Tấm lót ngồi nghĩa là vật có đường biên được nói đến.

Ống đựng kim nghĩa là có kim hoặc không có kim.

Dây thắt lưng nghĩa là có hai loại dây thắt lưng: loại tết bằng vải sợi, loại tết kiểu đuôi heo.

Thu giấu: vị tự mình thu giấu thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo thu giấu: vị ra lệnh vị khác thì phạm tội *pācittiya*. Khi được ra lệnh một lần, dầu (vị kia) thu giấu nhiều lần (vị ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Cho dầu chỉ muốn cười giỡn: là có ý định đùa nghịch.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, —nt— Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *pācittiya*.

Vị thu giấu hoặc bảo thu giấu vật dụng khác cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát hoặc y hoặc vật dụng khác của người chưa tu lên bậc trên cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*.

Không có ý định đùa giỡn, vị thu dọn vật được để lộn xộn, vị thu dọn (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ cho lại sau khi thuyết giảng bài Pháp,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc thu giấu y là thứ mười.

Phẩm Uống Rượu là thứ sáu.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn (ở trong nước), sự không tôn trọng, sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân (chú nguyện), và việc thu giấu.

--ooOoo--

6. 7. PHẨM CÓ SINH VẬT

6. 7. 1. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CỐ Ý (GIẾT) SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi là cung thủ. Và các con quạ làm vị ấy không vui. Vị ấy sau khi lần lượt bắn trúng các con quạ rồi đã chặt đầu và cắm thành râu ở cây cọc nhọn. Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức, ai đã đoạt lấy mạng sống các con quạ này vậy?” - “Này các đại đức, chính tôi. Các con quạ làm tôi không vui.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Udāyi lại cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật?” —nt— “Này Udāyi, nghe nói người cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này kẻ rồ dại, vì sao người lại cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Cố ý: sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Sinh vật nghĩa là đề cập đến sinh vật là loài thú.

Đoạt lấy mạng sống: vị cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối thì phạm tội *pācittiya*.

Sinh vật, nhận biết là sinh vật, vị đoạt lấy mạng sống thì phạm tội *pācittiya*. Sinh vật, có sự hoài nghi, vị đoạt lấy mạng sống thì phạm tội *dukkat a*. Sinh vật, (lầm) tưởng không phải là sinh vật, vị đoạt lấy mạng sống thì vô tội.

4. Không phải là sinh vật, (lầm) tưởng là sinh vật, phạm tội *dukkat a*. Không phải là sinh vật, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là sinh vật, nhận biết không phải là sinh vật thì vô tội.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị không có ý định gây tử vong, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc cố ý (giết) sinh vật là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 7. 2. ĐIỀU HỌC VỀ (NƯỚC) CÓ SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng.

Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết hoặc những người khác thông báo cho vị ấy. Trong khi biết rằng: ‘Có sinh vật,’

trong khi biết rằng: ‘Chúng sẽ bị chết do việc sử dụng,’ vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*.

Có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vị sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Có sinh vật, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa*. Có sinh vật, (lầm) tưởng là không có sinh vật, vị sử dụng thì vô tội.

Không có sinh vật, (lầm) tưởng là có sinh vật, phạm tội *dukkaṭa*. Không có sinh vật, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội.

Trong khi biết rằng: ‘Không có sinh vật,’ trong khi biết rằng: ‘Chúng sẽ không bị chết do việc sử dụng’ rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về (nước) có sinh vật là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 7. 3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC KHƠI LẠI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa (nói rằng): - “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai nên được giải quyết lại.

Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đúng theo pháp nghĩa là được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư; việc này gọi là đúng theo pháp.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Khôi lại để làm hành sự lần nữa: vị khôi lại (nói rằng): “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai nên được giải quyết lại” thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị khôi lại thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị khôi lại thì phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị khôi lại thì vô tội.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài

nghi, phạm tội *dukkat* a. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị khôi lại trong khi biết rằng: ‘Hành sự đã được thực hiện hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không đáng bị hành sự,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc khôi lại là thứ ba.

--ooOoo--

6. 7. 4. ĐIỀU HỌC VỀ TỘI XẤU XA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thông báo đến vị tỳ khuru là đệ tử của người anh rằng: - “Này đại đức, tôi đã vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý. Chớ thông báo cho bất cứ ai.” Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã cầu xin hội chúng hình phạt *parivāsa* của tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, vị nọ sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru ấy đã nói điều này: - “Này đại đức, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý tôi đã cầu xin hội chúng hình phạt *parivāsa* của tội ấy. Hội chúng đã ban hình phạt *parivāsa* của tội ấy đến tôi đây. Tôi đây đang thực hành *parivāsa*. Này đại đức, tôi xin trình báo. Đại đức hãy ghi nhận về tôi là: ‘Vị có trình báo.’”

2. - “Này đại đức, vị nào khác vi phạm tội này, có phải vị ấy cũng làm như vậy?” - “Này đại đức, đúng vậy.” - “Này đại đức, đại đức Upananda con trai dòng Sakya này sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý, vị ấy đã thông báo đến tôi rằng: ‘Chớ thông báo cho bất cứ ai.’” - “Này đại đức, có phải đại đức đã che giấu?” - “Này đại đức, đúng vậy.” Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham

muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- “Vì sao vị tỳ khuru trong khi biết tội xấu xa của vị tỳ khuru vẫn che giấu?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người trong khi biết tội xấu xa của vị tỳ khuru vẫn che giấu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này kẻ rồ dại, vì sao người trong khi biết tội xấu xa của vị tỳ khuru vẫn che giấu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết tội xấu xa của vị tỳ khuru vẫn che giấu thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị tỳ khuru nghĩa là của vị tỳ khuru khác.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Tội xấu xa nghĩa là bốn tội *pārājika* và mười ba tội *sañ ghādisesa*.

Che giấu: Vị (nghĩ rằng): “Sau khi biết được điều này, các vị sẽ quở trách, các vị sẽ nhắc nhở, các vị sẽ rầy la, các vị sẽ chê bai, các vị sẽ làm cho xấu hổ; ta sẽ không thông báo,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Tội xấu xa, nhận biết là tội xấu xa, vị che giấu thì phạm tội *pācittiya*. Tội xấu xa, có sự hoài nghi, vị che giấu thì phạm tội *dukkaṭ a*. Tội xấu xa, (lầm) tưởng là tội không xấu xa, vị che giấu thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị che giấu tội không xấu xa thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị che giấu sự vi phạm xấu xa hoặc không xấu xa của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a*. Tội không xấu xa, (lầm) tưởng là tội xấu xa, phạm tội *dukkaṭ a*. Tội không xấu xa, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Tội không xấu xa, nhận biết là tội không xấu xa, phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị (nghĩ rằng): ‘Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng’ rồi không thông báo, vị (nghĩ rằng): ‘Sẽ có sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng trong hội chúng’ rồi không thông báo, vị (nghĩ rằng): ‘Vị này hung bạo thô lỗ sẽ gây nguy hiểm đến mạng sống hoặc nguy hiểm đến Phạm hạnh’ rồi không thông báo, trong khi không nhìn thấy các tỳ khưu thích hợp khác rồi không thông báo, vị không có ý định che giấu rồi không thông báo, vị (nghĩ rằng): ‘Sẽ được nhận biết do hành động của chính vị ấy’

rồi không thông báo, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về tội xấu xa là thứ tư.

--ooOoo--

6. 7. 5. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI KÉM HAI MƯƠI TUỔI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhóm mười bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upāli là thủ lĩnh của chúng. Khi ấy, cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Có phương cách gì để sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?” Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.” Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau.” Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli có thể học tính toán, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.” Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.” Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau.

2. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ trên những cái giường kín gió, nếu Upāli có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế sau khi

chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.”

Thiếu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi này của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên Upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này: - “Này các bạn, hãy đến, chúng ta sẽ xuất gia noi các vị Sa-môn Thích tử.” - “Này bạn, nếu bạn sẽ xuất gia, như thế chúng tôi cũng sẽ xuất gia.”

3. Sau đó, những thiếu niên ấy đã đi đến gặp cha mẹ của từng người một và đã nói điều này: - “Hãy cho phép chúng con rời nhà xuất gia sống không nhà.” Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy (nghĩ rằng): “Tất cả những đứa trẻ này có cùng ước muốn, có ý định tốt đẹp” rồi đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã cho chúng xuất gia và đã cho tu lên bậc trên. Các vị ấy, vào lúc hừng sáng của đêm, sau khi thức dậy khóc lóc rằng: - “Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai.” Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các sư đệ, hãy chờ đến khi trời sáng. nếu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có bữa ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật để nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu cháo, hoặc bữa ăn, hoặc vật để nhai không có, thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khát thực.” Mặc dầu được các tỳ khuru nói như thế, các tỳ khuru (thiếu niên) ấy cũng vẫn khóc lóc rằng: - “Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai.” Rồi đã tiêu tiểu ở chỗ nằm ngồi. Đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm đã nghe được

tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vậy?” Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại rồi đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên vậy? Này các tỳ khuru, người chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các tỳ khuru, người đã được hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có

đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên thì người ấy chưa được tu lên bậc trên và các vị tỳ khuru ấy bị chê trách; đây là tội pācittiya trong trường hợp ấy.”

5. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Người chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là người chưa đạt được hai mươi tuổi.

(Nghĩ rằng): ‘Ta sẽ cho tu lên bậc trên’ rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru), hoặc vị thầy (đọc tuyên ngôn), hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭ a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự, thấy tế độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị thầy (đọc tuyên ngôn) phạm tội *dukkaṭ a*.

Người chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi,

vị cho tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya*. Người chưa đủ hai mươi tuổi, (lầm) tưởng là tròn đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên thì vô tội.

Người tròn đủ hai mươi tuổi, (lầm) tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi, phạm tội *dukkaṭa*. Người tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Người tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là tròn đủ hai mươi tuổi thì vô tội.

Vị cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi (lầm) tưởng là tròn đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên người tròn đủ hai mươi tuổi khi nhận biết là tròn đủ hai mươi tuổi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”¹

Điều học về người kém hai mươi tuổi là thứ năm.

--ooOoo--

¹ Vì là trường hợp đầu tiên nên nhóm mười bảy thiếu niên ấy vẫn là tỳ khuru đầu chưa đủ hai mươi tuổi. Các vị này thường khóc lóc khi bị các tỳ khuru nhóm Lục Sư hiếp đáp hoặc vẫn còn những hành động của trẻ nít như đi xem lễ hội (*pācittiya* 37), chơi giỡn ở trong nước (*pācittiya* 53), để đồ đạc bừa bãi (*pācittiya* 60), v.v... (ND).

6. 7. 6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có đoàn xe nọ có ý định đi về phía tây của thành Rājagaha. Có vị tỳ khuru nọ đã nói với những người ấy điều này: - “Tôi cũng sẽ cùng đi với quý vị.” - “Thưa ngài, chúng tôi sẽ đi vòng tránh trạm thuế.” - “Này các đạo hữu, các người tự biết lấy.” Những viên chức đã nghe được rằng: “Nghe nói đoàn xe sẽ đi vòng tránh trạm thuế” nên họ đã canh giữ các con đường. Sau đó, những viên chức ấy đã bắt được đoàn xe ấy, đã tịch thu, rồi đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Thưa ngài, vì sao trong khi ngài biết mà vẫn đi chung với đám người đạo tặc?” Sau khi giữ lại, họ đã thả ra. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvattthī và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- “Vì sao vị tỳ khuru trong khi biết vẫn hện trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người trong khi biết vẫn hện trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này kẻ rồ dại, vì sao người trong khi biết vẫn hện trước rồi đi chung

đường xa với đám người đạo tặc vậy? Đây kẻ rõ đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết vẫn hẹn trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đám người đạo tặc nghĩa là bọn trộm cướp có các hành động đã được thực hiện, hoặc có các hành động chưa được thực hiện, hoặc là họ đi trộm của các vị vua, hoặc đi vòng tránh trạm thuế.

Với: cùng chung.

(Sau khi) hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: “Này các đạo hữu, chúng ta hãy đi. Thừa ngài, chúng ta hãy đi. Thừa ngài, chúng ta hãy đi. Này các đạo hữu, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai chúng ta hãy đi” thì phạm tội *dukkat a*.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.

Đám người đạo tặc, nhận biết là đám người đạo tặc, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya*. Đám người đạo tặc, có sự hoài nghi, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *dukkaṭa*. Đám người đạo tặc, (lầm) tưởng không phải là đám người đạo tặc, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì vô tội.

Vị tỳ khưu hện trước còn đám người không hện trước thì phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, (lầm) tưởng là đám người đạo tặc, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, nhận biết không phải là đám người đạo tặc thì vô tội.

Sau khi không hện trước rồi đi, đám người hện trước còn vị tỳ khưu không hện trước, vị đi ngoài giờ hện ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về đám người đạo tặc là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 7. 7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong lúc đi đến thành Sāvattthī ở trong xứ sở Kosala đã đi ngang qua cổng làng nọ. Có người đàn bà nọ sau khi gây gỗ với chồng đã đi ra khỏi làng, sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru ấy đã nói điều này: - “Thưa ngài, ngài đại đức sẽ đi đâu?” - “Này chị gái, tôi sẽ đi thành Sāvattthī.” - “Tôi sẽ cùng đi với ngài đại đức.” - “Này chị gái, cô có thể đi.” Sau đó, chồng của người đàn bà ấy đã đi ra khỏi làng và đã hỏi dân chúng rằng: - “Này quý vị, quý vị có nhìn thấy người đàn bà hình dáng như vậy không?” - “Này ông, cô ấy đi với vị xuất gia rồi.” Sau đó, người đàn ông ấy đã đuổi theo và nắm lấy vị tỳ khuru ấy, đã đánh đập, rồi thả ra. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy trong lúc giận dữ đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: - “Này ông, vị tỳ khuru ấy đã không dụ dỗ tôi đi, mà chính tôi đi chung với vị tỳ khuru ấy. Vị tỳ khuru ấy không làm gì cả. Hãy đi đến và xin lỗi vị ấy.” Khi ấy, người đàn ông ấy đã xin lỗi vị tỳ khuru ấy.

2. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvattthī và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ, có

đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là (lời nói) thô tục và không thô tục.

Với: cùng chung.

(Sau khi) hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: “Này chị gái, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Này chị gái, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai chúng ta hãy đi” thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ, có sự hoài nghi, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ, (lầm) tưởng không phải là người nữ, vị hện trước rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *pācittiya*.

Vị tỳ khưu hện trước còn người nữ không hện trước thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị tỳ khưu hện trước rồi đi chung đường xa với nữ Dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với người vô căn, hoặc với loài thú cái hình người ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Không phải là người nữ, (lầm) tưởng là người nữ, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Sau khi không hện trước rồi đi, người nữ hện trước còn vị tỳ khưu không hện trước, vị đi ngoài giờ hện ước,

trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc hện trước là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 7. 8. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ ARỊT Ạ HA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khưu tên Arịt ạ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng có tà kiến ác sanh khởi như vậy: “Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.” Nhiều vị tỳ khưu đã nghe được rằng: - “Nghe nói tỳ khưu tên Arịt ạ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’”

2. Sau đó, các tỳ khưu ấy đã đi đến gặp tỳ khưu Arịt ạ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với tỳ khưu Arịt ạ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này: - “Này đại đức Arịt ạ ha, nghe nói đại đức đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?” - “Này các đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng

đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.” - “Này đại đức Aritṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này đại đức Aritṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại ấy có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, —nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.”

3. Khi được các tỳ khuru ấy nói như thế, tỳ khuru Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng do có sự ngoan cố, chấp giữ, và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế: - “Này các đại đức, đúng như

vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.” Và như thế, các tỳ khuru ấy đã không thể giúp cho tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng: - “Này Ariṭṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở người như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?” - “Bạch ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.” - “Này kẻ rồ dại, vì sao người lại hiểu Pháp được ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là bộ xương, —nt— Dục tình đã được ta giảng

giải như là miếng thịt, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là cây đuốc cỏ, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là hố than cháy rực, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là giấc mơ, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là vật vay mượn, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là trái trên cây, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là lò sát sanh, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là mũi lao nhọn, —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

5. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa người không những vu khống ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà người còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho người sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nói như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’ Vị tỳ khuru ấy nên được nói bởi các tỳ khuru như vậy: ‘Đại đức chó có nói như thế. Chó có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều

phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru mà vị tỳ khuru ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội pācittiya.”

6. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’

Vị tỳ khuru ấy: là vị tỳ khuru nói như thế.

Bởi các tỳ khuru: bởi các vị tỳ khuru khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: ‘Đại đức chó có nói như thế. Chó có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Nay đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’ Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ, như thế việc

này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*.

7. Vị tỳ khuru ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: ‘Đại đức chó có nói như thế. Chó có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Nay đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*.

8. Vị tỳ khuru ấy cần được các tỳ khuru nhắc nhở. Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị tỳ khuru tên (như vậy) để dứt bỏ tà kiến ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo

như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ khuru tên (như vậy) để dứt bỏ tà kiến ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ khuru tên (như vậy) để dứt bỏ tà kiến ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ khuru tên (như vậy) để dứt bỏ tà kiến ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ khuru tên (như vậy) để dứt bỏ tà kiến ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ tà kiến ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

9. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkat a*. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *dukkat a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vị Ariṇ ṭ ha là thứ tám.

--ooOoo--

6. 7. 9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HƯỞNG THỤ CHUNG VỚI VỊ BỊ ÁN TREO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết tỳ khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết tỳ khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các ngườì trong khi biết tỳ khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngườì trong khi biết tỳ khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các ngườì nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết vị tỳ khuru là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp, và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, hoặc vẫn cộng trú, hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Vị phát ngôn như thế: là vị nói như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’

Không thực hành thuận pháp nghĩa là bị phạt án treo, chưa được phục hồi.

Với vị không dứt bỏ tà kiến ấy: với vị không dứt bỏ tà kiến đó.

(Hoặc vẫn) hưởng thụ chung: sự hưởng thụ chung nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung về vật chất và sự hưởng thụ chung về Pháp. **Sự hưởng thụ chung về vật chất** nghĩa là vị cho hoặc thọ

nhận vật chất thì phạm tội *pācittiya*. **Sự hưởng thụ chung về Pháp** nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một từ.

Hoặc (vẫn) cộng trú: Vị thực hiện lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* hoặc hành sự của hội chúng cùng với vị bị phạt án treo thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc (vẫn) nằm chung chỗ ngụ: Ở chỗ chung mái che, khi vị bị phạt án treo đang nằm vị tỳ khuru nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi vị tỳ khuru đang nằm, vị bị phạt án treo nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đứng dậy, (cả hai) lại nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vị bị phạt án treo, nhận biết là bị phạt án treo, vị hưởng thụ chung hoặc cộng trú hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *pācittiya*. Vị bị phạt án treo, có sự hoài nghi, vị hưởng thụ chung hoặc cộng trú hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *dukkatā*. Vị bị phạt án treo, (lầm) tưởng là không bị phạt án treo, vị hưởng thụ chung hoặc cộng trú hoặc nằm chung chỗ ngụ thì vô tội.

Vị không bị phạt án treo, (lầm) tưởng là bị phạt án treo, phạm tội *dukkatā*. Vị không bị phạt án treo, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkatā*. Vị không bị phạt án treo, nhận biết là không bị phạt án treo thì vô tội.

Vị biết rằng: ‘Vị không bị phạt án treo,’ vị biết rằng: ‘Vị đã bị phạt án treo và đã được phục hồi,’ vị biết rằng: ‘Vị đã dứt bỏ tà kiến ấy,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc hưởng thụ chung với vị bị án treo là thứ chín.

--ooOoo--

6. 7. 10. ĐIỀU HỌC VỀ SA DI KANṬAKA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, sa di tên Kanṭaka có tà kiến ác sanh khởi như vậy: “Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.” Nhiều vị tỳ khuru đã nghe được rằng: - “Nghe nói sa di tên Kanṭaka đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.’” Sau đó, các tỳ khuru ấy đã đi đến gặp sa di tên Kanṭaka, sau khi đến đã nói với sa di tên Kanṭaka điều này: - “Này sa di Kanṭaka, nghe nói người đã có tà kiến ác sanh khởi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?” - “Thưa các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.”

2. - “Này sa di Kanṭaka, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi đức Thế Tôn không có nói như thế.

Này sa di Kaṇṭhaka, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. —nt—

—nt— Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.” Khi được các vị tỳ khuru ấy nói như thế, sa di Kaṇṭhaka do có sự ngoan cố, chấp giữ, và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế: - “Thưa các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.”

3. Và như thế, các vị tỳ khuru ấy đã không thể giúp cho sa di Kaṇṭhaka thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi sa di Kaṇṭhaka rằng: - “Này Kaṇṭhaka, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng

giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?” - “Bạch ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn giảng giải thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.”

4. - “Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu Pháp được ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. —nt— Dục tình đã được ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa ngươi không những vu khống ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, như thế thì hội chúng hãy trục xuất sa di Kaṇṭhaka. Và này các tỳ khuru, nên trục xuất như vậy: ‘Này sa di Kaṇṭhaka, kể từ hôm nay không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo Sư của

ngươi nữa. Ngay cả việc các sa di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các tỳ khưu hai ba đêm, việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi.” Sau đó, hội chúng đã trục xuất sa di Kaṇṭhaka.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sa di Kaṇṭhaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sa di Kaṇṭhaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết sa di Kaṇṭhaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết sa di Kaṇṭhaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy:

“Nếu có vị sa di nói như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương

ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị sa di ấy nên được nói bởi các tỳ khuru như sau: ‘Này ông sa di, người chó có nói như thế. Chó có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này ông sa di, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Và khi được các tỳ khuru nói như vậy mà vị sa di ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị sa di ấy nên được nói bởi các tỳ khuru như sau: ‘Này ông sa di, kể từ hôm nay không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của người nữa. Ngay cả việc các sa di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các tỳ khuru hai ba đêm, việc ấy không có cho người nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi.’ Vị tỳ khuru nào trong khi biết vị sa di là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, hoặc vẫn bảo phục vụ, hoặc vẫn hưởng thụ chung, hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội pācittiya.”

6. Vị sa di nghĩa là vị *sāmaṇera* được nói đến.

Nói như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’

Vị sa di ấy: là vị sa di nói như thế.

Bởi các tỳ khuru: bởi các tỳ khuru khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: ‘Này ông sa di, người chó có nói như thế. Chó có vu khống đức Thế

Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Nay ông sa di, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.’ Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị sa di ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì vị sa di ấy nên được nói bởi các tỳ khuru như sau: ‘Nay ông sa di, kể từ hôm nay không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của người nữa, và việc các sa di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các tỳ khuru hai ba đêm, ngay cả việc ấy không có cho người nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi.’

Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đã bị trục xuất như thế: đã bị trục xuất như vậy.

Vị sa di nghĩa là vị *sāmaṇera* được nói đến.

Hoặc vẫn dụ dỗ: Vị dụ dỗ (nói rằng): ‘Ta sẽ cho người bình bát hoặc y hoặc sự đọc tụng hoặc sự hỏi han’ thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc vẫn bảo phục vụ: Vị chấp nhận bột tắm hoặc đất sét hoặc gỗ chà răng hoặc nước rửa mặt của vị (sa di) ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc vẫn hưởng thụ chung: sự hưởng thụ chung nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung về vật chất và sự hưởng thụ chung về Pháp. **Sự hưởng thụ chung về vật chất** nghĩa là vị cho hoặc thọ nhận vật chất thì phạm tội *pācittiya*. **Sự hưởng thụ chung về Pháp** nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một từ.

Hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ: ở chỗ chung mái che, khi vị sa di bị trục xuất đang nằm vị tỳ khuru nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi vị tỳ khuru đang nằm, vị sa di bị trục xuất nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đứng dậy, (cả hai) lại nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vị bị trục xuất, nhận biết là bị trục xuất, vị dụ dỗ hoặc bảo phục vụ hoặc hưởng thụ chung hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *pācittiya*. Vị bị trục xuất, có sự hoài nghi, vị dụ dỗ hoặc bảo phục vụ hoặc hưởng thụ chung hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *dukkatā*. Vị bị trục xuất, (lầm) tưởng là không bị trục xuất, vị dụ dỗ hoặc bảo phục vụ hoặc hưởng thụ chung hoặc nằm chung chỗ ngụ thì vô tội.

Vị không bị trục xuất, (lầm) tưởng là bị trục xuất, phạm tội *dukkat a*. Vị không bị trục xuất, có sự hoà nghi, phạm tội *dukkat a*. Vị không bị trục xuất, nhận biết là không bị trục xuất thì vô tội.

Vị biết rằng: ‘Vị (sa di) không bị trục xuất,’ vị biết rằng: ‘Vị (sa di) đã dứt bỏ tà kiến ấy,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vị Kaṇṭṭhaka aka là thứ mười.

Phẩm Có Sinh Vật là thứ mười.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Cố ý giết hại, có sinh vật, được khơi lại, sự che giấu tội xấu xa, chưa đủ hai mươi tuổi, và đám người, sự hẹn trước, vị Ariṭṭha, vị bị án treo, và sa di Kaṇṭṭhaka nữa; đây là mười điều học.

--ooOoo--

6. 8. PHẨM (NÓI) THEO PHÁP

6. 8. 1. ĐIỀU HỌC VỀ (NÓI) THEO PHÁP

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này đại đức Channa, chớ có hành động như thế, điều này không được phép.” Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao khi được các tỳ khưu nói theo Pháp đại đức Channa lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật?’” —nt— “Này Channa, nghe nói khi được các tỳ khưu nói theo Pháp người lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao khi được các tỳ khưu nói theo Pháp người lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật?’ Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào khi được các tỳ khuru nói theo Pháp lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khuru khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật’ thì phạm tội pācittiya.” Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru trong lúc học tập nên hiểu rõ, nên thắc mắc, nên suy xét. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Bối) các tỳ khuru: (bối) các vị tỳ khuru khác.

Theo Pháp nghĩa là điều gì đã được đức Thế Tôn quy định là điều học, điều ấy gọi là theo Pháp, nên được nói với điều ấy.

Lại nói như vậy: “Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khuru khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật, còn chưa hỏi vị Pháp sư thông thái, kinh nghiệm, trí tuệ, nghe nhiều;” vị nói thì phạm tội pācittiya.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị nói như thế thì phạm tội pācittiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nói như thế thì phạm tội

pācittiya. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị nói như thế thì phạm tội *pācittiya*.

Khi được nói về điều không được quy định (nghĩ rằng): “Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực” rồi nói như vậy: “Này đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiều;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Khi được người chưa tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định hoặc không được quy định (nghĩ rằng): “Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực” rồi nói như vậy: “Này đạo hữu, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiều;” vị nói thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

(Vói) vị trong lúc học tập: (vói) vị có ý muốn học tập.

Nên hiểu rõ: nên biết rõ.

Nên thắc mắc: ‘Thưa ngài, điều này là thế nào, ý nghĩa của điều này là gì?’

Nên suy xét: nên suy nghĩ, nên cân nhắc.

Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Vị nói rằng: ‘Tôi sẽ biết, tôi sẽ học tập,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về (nói) theo Pháp là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 8. 2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GÂY RA SỰ BỐI RỐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức thuyết giảng về Luật cho các tỳ khuru, ngợi khen về Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Các tỳ khuru (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức thuyết giảng về Luật, ngợi khen về Luật, ngợi khen về sự nghiên cứu Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Nay các đại đức, vậy chúng ta hãy học thông thạo về Luật từ đại đức Upāli.” Và các vị ấy gồm nhiều tỳ khuru trưởng lão, mới tu, và trung niên học thông thạo về Luật từ đại đức Upāli.

2. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: “Này các đại đức, hiện nay nhiều vị tỳ khuru trưởng lão, mới tu, và trung niên học thông thạo về Luật từ đại đức Upāli. Nếu các vị này được thành tựu kiến thức về Luật, họ sẽ lồi và quay chúng ta theo cách thức như ý thích, vào thời điểm như ý thích, lâu mau như ý thích. Nay các đại đức, vậy chúng ta hãy chê bai Luật.” Sau đó, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy: - “Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bức bối, sự bối rối thôi!”

3. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại chê bai Luật?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người chê bai Luật, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại chê bai Luật ? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Khi giới bốn Pātimokkha đang được đọc tụng, vị tỳ khuru nào nói như vậy: ‘Được việc gì với các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bức bối, sự bối rối thôi!’ Khi có sự chê bai điều học thì phạm tội pācittiya.”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi giới bốn Pātimokkha đang được đọc tụng: trong khi đang đọc tụng, hoặc trong khi đang bảo (người khác) đọc tụng, hoặc trong khi đang học.

Nói như vậy: Vị chê bai Luật đến vị đã tu lên bậc trên rằng: “Được việc gì với các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bức bối, sự bối rối thôi! Những ai học thông thạo

việc này các vị ấy có sự ăn năn, có sự bức bối, có sự bối rối. Những ai không học thông thạo việc này các vị ấy không có sự ăn năn, không có sự bức bối, không có sự bối rối. Phần này là không được đọc tụng, phần này là không được học tập, phần này là không được học thông thạo, phần này là không được duy trì, Luật hãy biến mất hay là các tỳ khưu này hãy là những người không được thành tựu kiến thức” thì phạm tội *pācittiya*.

5. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị chê bai Luật thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội *pācittiya*.

6. Vị chê bai Pháp khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Vị chê bai Luật hoặc Pháp khác đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*.

7. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

8. Vị không có ý định chê bai rồi nói rằng: “Này, đến khi nào người học thông thạo về các bài Kinh hoặc các bài kệ hoặc Vi Diệu Pháp rồi sẽ học thông thạo về Luật sau,” vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc gây ra sự bối rối là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 8. 3. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ GIẢ VỜ NGU DỐT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sau khi hành xử không đúng nguyên tắc (nghĩ rằng): “Hãy để các vị hay biết rằng: ‘Chúng ta đã phạm tội vì không biết,’” rồi trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng lại nói như vậy: - “Ngay giờ đây chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng lại nói như vậy: ‘Ngay giờ đây chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng?’” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng các người nói như vậy: ‘Ngay giờ đây chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao trong lúc giới bốn

Pātimokkha đang được đọc tụng các người lại nói như vậy: ‘Ngay giờ đây chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng’? Nay những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“*Vị tỳ khuru* nào trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng vào mỗi nửa tháng lại nói như vậy: ‘Ngay giờ đây tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.’ Nếu các *vị tỳ khuru* khác biết rõ về *vị tỳ khuru* ấy rằng: ‘*Vị tỳ khuru* này trước đây đã có ngôi hai hoặc ba lần trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng, nói nhiều hơn nữa làm gì.’ *Vị tỳ khuru* ấy không có được sự vô tội vì không biết. Và trong trường hợp đó, (*vị* ấy) đã vi phạm tội nào thì nên được hành xử theo pháp về tội ấy. Hơn nữa, sự ngu dốt nên được khẳng định đối với *vị* ấy rằng: ‘Nay đại đức, người đây không có sự lợi ích, người đây đã nhận lãnh điều xấu là việc trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng người lại không khéo chăm chú và tác ý.’ Đây là tội *pācittiya* trong sự ngu dốt ấy.”

3. **Vị nào:** là bất cứ *vị* nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— *Vị* này là ‘*vị tỳ khuru*’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vào mỗi nửa tháng: vào mỗi kỳ lễ *Uposatha*.

Trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng: trong khi (vị đọc giới bốn) đang đọc tụng.

Nói như vậy: Sau khi hành xử không đúng nguyên tắc, vị (nghĩ rằng): “Hãy để các vị hay biết rằng: ‘Ta đã phạm tội vì không biết,’” rồi trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng lại nói như vậy: “Ngay giờ đây tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng” thì phạm tội *dukkat a*.

4. **Nếu** các vị tỳ khuru khác biết rõ về vị tỳ khuru có ý định giả vờ ngu dốt ấy rằng: “Vị tỳ khuru này trước đây đã có ngôi hai hoặc ba lần trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng, nói nhiều hơn nữa làm gì.” Vị tỳ khuru ấy không có được sự vô tội vì không biết. Và trong trường hợp đó, (vị ấy) đã vi phạm tội nào thì nên được hành xử theo pháp về tội ấy. Hơn nữa, sự ngu dốt của vị ấy nên được khẳng định. Và này các tỳ khuru, nên khẳng định như vậy. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) không khéo chăm chú và tác ý trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên khẳng định về sự ngu dốt của vị tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu này tên (như vậy) không khéo chăm chú và tác ý trong lúc giới bốn Pātimokkha đang được đọc tụng. Hội chúng khẳng định về sự ngu dốt của vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc khẳng định về sự ngu dốt của vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự ngu dốt của vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng khẳng định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi sự ngu dốt chưa được khẳng định, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị chưa được nghe (giới bốn được đọc tụng) một cách chi tiết, vị đã được nghe (giới bốn được đọc tụng) một cách chi tiết chưa tới hai hoặc ba lần, vị không có ý

định giả vờ ngu dốt, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về sự giả vờ ngu dốt là thứ ba.

--ooOoo--

6. 8. 4. ĐIỀU HỌC VỀ CÚ ĐÁNH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi tung cú đánh vào các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?” - “Thưa các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi tung cú đánh vào chúng tôi.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình lại tung cú đánh vào các tỳ khưu?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người nổi giận, bất bình rồi tung cú đánh vào các tỳ khưu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người khi nổi giận, bất bình lại tung cú đánh vào các tỳ khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào nổi giận, bất bình rồi tung cú đánh vào vị tỳ khưu thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vào vị tỳ khuru: vào vị tỳ khuru khác.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bức bội, nảy sanh lòng cay cú.

Tung cú đánh: vị tung cú đánh bằng thân, hoặc bằng vật gắn liền với thân, hoặc vật ném ra, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị nổi giận bất bình rồi tung cú đánh thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nổi giận bất bình rồi tung cú đánh thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị nổi giận bất bình rồi tung cú đánh thì phạm tội *pācittiya*.

Vị nổi giận bất bình rồi tung cú đánh vào người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào vị có ý định thoát thân rồi tung cú đánh, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về cú đánh là thứ tư.

--ooOoo--

6. 8. 5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC DỨ TAY (DỌA ĐÁNH)

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi dứ tay dọa đánh¹ các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy đều được thoát khỏi cú đánh vẫn khóc lóc. Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?” - “Thưa các đại đức, các tỳ khuru nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi dứ tay dọa đánh chúng tôi.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình lại dứ tay dọa đánh các tỳ khuru?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người nổi giận, bất bình rồi dứ tay dọa đánh các tỳ khuru, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người khi nổi giận, bất bình lại dứ tay dọa đánh các tỳ khuru vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

¹ Được ghi nghĩa theo Chú Giải, “*pahāradānākāraṃ dassetvā ...*” (VinA. iv, 878). Dịch sát từ thì hành động này là ‘dứ tay để tát tai’ (*tala*: lòng bàn tay, *sattika*: cây thương, con dao nhỏ).

—nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nổi giận, bất bình rồi dứ tay dọa đánh vị tỳ khuru thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: vị tỳ khuru khác.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bức bội, nảy sanh lòng cay cú.

Dứ tay dọa đánh: vị đưa lên (phần) thân (của mình), hoặc vật gắn liền với thân, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị nổi giận bất bình rồi dứ tay dọa đánh thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nổi giận bất bình rồi dứ tay dọa đánh thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị nổi giận bất bình rồi dứ tay dọa đánh thì phạm tội *pācittiya*.

Vị nổi giận bất bình rồi dứ tay dọa đánh người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkat a*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội

dukkaṭ a. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a.* Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a.*

Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào vì có ý định thoát thân rồi dứ tay dọa đánh, vì bị điên, vì vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc dứ tay (dọa đánh) là thứ năm.

--ooOoo--

6. 8. 6. ĐIỀU HỌC VỀ KHÔNG CÓ NGUYÊN CỐ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư bơi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cố.

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại bơi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cố?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người bơi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cố, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại bơi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cố vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào bơi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cố thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru: vị tỳ khuru khác.

Không có nguyên có nghĩa là không được thấy, không được nghe, không bị nghi ngờ.

Về tội *saṅghādisesa*: về bất cứ tội nào thuộc nhóm mười ba tội.

Bội nhẹ: vị buộc tội hoặc bảo (người khác) buộc tội thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị bôi nhẹ về tội *saṅghādisesa* không có nguyên có thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị bôi nhẹ về tội *saṅghādisesa* không có nguyên có thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị bôi nhẹ về tội *saṅghādisesa* không có nguyên có thì phạm tội *pācittiya*.

Vị bôi nhẹ với sự hư hỏng về hạnh kiểm hoặc với sự hư hỏng về tri kiến thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị bôi nhẹ người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị buộc tội hoặc bảo (người khác) buộc tội theo sự nhận biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về không có nguyên có là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 8. 7. ĐIỀU HỌC VỀ CỐ Ý

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư (nói rằng): - “Này các đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: ‘Không được cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi.’ Và các người chưa đủ hai mươi tuổi đã được tu lên bậc trên, không lẽ các người là người chưa được tu lên bậc trên?” Các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?” - “Thưa các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư này cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi chúng tôi.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi các tỳ khưu?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi các tỳ khưu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi các tỳ khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi vị tỳ khuru (nghĩ rằng): ‘Như thế sẽ làm cho vị này không được thoải mái dầu chỉ trong chốc lát,’ sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội *pācittiya*.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở nơi vị tỳ khuru: ở nơi vị tỳ khuru khác.

Cố ý: sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Gọi lên nổi nghi hoặc: Vị gọi lên nổi nghi hoặc (nói rằng): ‘Ta nghĩ rằng người chưa đủ hai mươi tuổi mà đã được tu lên bậc trên, ta nghĩ rằng người đã thọ thực lúc sai thời, ta nghĩ rằng người đã uống men say, ta nghĩ rằng người đã ngồi với người nữ ở chỗ kín đáo’ thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác: không có bất cứ nguyên nhân nào khác để gọi lên nổi nghi hoặc.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị cố ý gọi lên nổi nghi hoặc thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị cố ý gọi lên nổi nghi hoặc thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm)

tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị cố ý gọi lên nổi nghi hoặc thì phạm tội *pācittiya*.

Vị cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị không có ý định gọi lên nổi nghi hoặc rồi nói rằng: ‘Ta nghĩ rằng người chưa đủ hai mươi tuổi mà đã được tu lên bậc trên, ta nghĩ rằng người đã thọ thực lúc sai thời, ta nghĩ rằng người đã uống men say, ta nghĩ rằng người đã ngồi với người nữ ở chỗ kín đáo. Này người hãy biết lấy, người chớ có nghi hoặc về sau này,’ vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về cố ý là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 8. 8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGHE LÉN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư xung đột với các tỳ khuru hiền thiện. Các tỳ khuru hiền thiện nói như vậy: - “Này các đại đức, các tỳ khuru nhóm Lục Sư này không có liêm sỉ, không có thể xung đột với các vị này được.” Các tỳ khuru nhóm Lục Sư nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị lại lên án chúng tôi bằng cách nói là không có liêm sỉ?” - “Này các đại đức, các vị đã nghe ở đâu?” - “Chúng tôi đã đứng nghe lén các đại đức.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đứng nghe lén các tỳ khuru đã nầy sanh sự xung đột, đã nầy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đứng nghe lén các tỳ khuru đã nầy sanh sự xung đột, đã nầy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đứng nghe lén các tỳ khuru đã nầy sanh sự xung đột, đã nầy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào đứng nghe lén các tỳ khuru đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận (nghĩ rằng): ‘Những người này nói điều gì, ta sẽ nghe lời ấy,’ sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Cửa) các tỳ khuru: (cửa) các vị tỳ khuru khác.

Đứng nghe lén: “Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở, ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu hổ” rồi đi đến thì phạm tội *dukkatā*. Tại nơi nào, vị (ấy) đứng và nghe được thì phạm tội *pācittiya*. Trong khi đang đi ở phía sau, vị đi nhanh hơn (nghĩ rằng): “Ta sẽ lắng nghe” thì phạm tội *dukkatā*. Tại nơi nào, vị (ấy) đứng và nghe được thì phạm tội *pācittiya*. Trong khi đang đi ở phía trước, vị đi chậm lại (nghĩ rằng): “Ta sẽ lắng nghe” thì phạm tội *dukkatā*. Tại nơi nào, vị (ấy) đứng và nghe được thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đi đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị tỳ khuru, nên tăng hắng, nên báo hiệu cho vị đang nói biết. Nếu không tăng hắng hoặc báo hiệu cho biết thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác: không có bất cứ nguyên nhân nào khác để đứng nghe lén.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị đứng nghe lén thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đứng nghe lén thì phạm tội *pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị đứng nghe lén thì phạm tội *pācittiya*.

Vị đứng nghe lén người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

(Nghĩ rằng): ‘Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ hạn chế, ta sẽ kềm chế, ta sẽ dập tắt (sự việc), ta sẽ tự mình thoát ra’ rồi đi đến, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc nghe lén là thứ tám.

--ooOoo--

6. 8. 9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGĂN CẢN HÀNH SỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sau khi hành xử sai nguyên tắc lại phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị một.

Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận đến một vị. Khi ấy, hội chúng (bàn bạc rằng): “Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư chỉ có mỗi một vị đã đi đến, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự cho vị ấy” rồi đã thực hiện hành sự cho vị ấy. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu nhóm Lục Sư. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, hội chúng đã làm gì?” - “Này các đại đức, hội chúng đã thực thi hành sự đến tôi.” - “Này đại đức, chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận vì mục đích của việc ấy (là việc): ‘Sẽ thực hiện hành sự cho đại đức.’ Và này đại đức, nếu chúng tôi biết rằng: ‘Sẽ thực hiện hành sự cho đại đức’ thì chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán?” —nt—

“Này các tỳ khuru, nghe nói các người sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hành sự đúng pháp nghĩa là hành sự công bố, hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư; việc này gọi là hành sự đúng pháp. Sau khi trao ra sự tùy thuận, vị phê phán thì phạm tội pācittiya.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì vô tội.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị phê phán trong khi biết rằng: ‘Hành sự đã được thực hiện sai pháp hoặc theo phe nhóm hoặc đến vị không đáng bị hành sự,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc ngăn cản hành sự là thứ chín.

--ooOoo--

6. 8. 10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BỎ ĐI KHÔNG TRAO RA SỰ TÙY THUẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận cho một vị. Khi ấy, hội chúng (bàn bạc rằng): “Hội chúng đã tụ hội lại vì mục đích của hành sự nào thì chúng ta sẽ thực hiện hành sự ấy” rồi đã thiết lập lời đề nghị. Khi ấy, vị tỳ khưu ấy (nói rằng): - “Các vị này thực hiện hành sự đến từng vị một giống y như vậy. Các đại đức sẽ thực hiện hành sự đến vị nào đây?” Sau khi không trao ra sự tùy thuận rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi.

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng vị tỳ khưu không trao ra sự tùy thuận lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi?” —nt— “Này tỳ khưu, nghe nói trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng người không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, người không trao ra sự tùy thuận lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt—

Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào, trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong khi lời quyết định (đang được tuyên bố) ở hội chúng nghĩa là sự việc đã được kể ra nhưng chưa được quyết định, hoặc là lời đề nghị vừa mới được thiết lập, hoặc là tuyên ngôn của hành sự chưa được hoàn thành.

(Sau khi) không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi: (Nghĩ rằng): “Làm cách nào để hành sự này là không thể duy trì, là theo phe nhóm, không thể thực hiện” rồi đi thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị rời khỏi tập thể xa một tầm tay (1 mét 25) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Khi đã rời khỏi thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội *dukkaṭ a*. Hành sự

đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì vô tội.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkat a*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị (nghĩ rằng): ‘Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng’ rồi đi, (nghĩ rằng): ‘Sẽ có sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng trong hội chúng’ rồi đi, (nghĩ rằng): ‘Hội chúng sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không xứng đáng với hành sự’ rồi đi, vị bị bệnh rồi đi, vị đi vì công việc cần làm đối với vị bị bệnh, vị bị khó chịu vì đại tiện hoặc tiểu tiện rồi đi, vị không có ý định làm xáo trộn hành sự (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ quay trở lại’ rồi đi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc bỏ đi không trao ra sự tùy thuận là thứ mười.

--ooOoo--

6. 8. 11. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ DABBA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Và vị đại đức ấy có y đã tàn tạ. Vào lúc bấy giờ, có một y được phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, hội chúng đã cho y ấy đến đại đức Dabba Mallaputta. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Các tỳ khưu trao phần lợi lộc thuộc về hội chúng thuận theo sự quen biết.”

2. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu nào cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán rằng: ‘Các tỳ khưu trao phần lợi

lộc thuộc về hội chúng thuận theo sự quen biết' thì phạm tội pācittiya."

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là 'vị tỳ khuru' được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

(Sau khi) đã cho: sau khi đích thân cho.

Thuận theo sự quen biết nghĩa là thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thầy dạy học.

Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh, ngay cả cục bột tắm, gổ chà răng, nắm chỉ rời.

Sau đó lại tiến hành việc phê phán: Khi y đã được cho đến vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định

làm vị phân bố chỗ trú ngụ hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn hoặc làm vị phân chia cháo hoặc làm vị phân chia trái cây hoặc làm vị phân chia thức ăn khô hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *pācittiya*.

Khi vật dụng khác đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đến vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn hoặc làm vị phân chia cháo hoặc làm vị phân chia trái cây hoặc làm vị phân chia thức ăn khô hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *dukkaṭa*.

Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đến người chưa tu lên bậc trên được chỉ định hoặc không được chỉ định bởi hội chúng làm vị phân bố chỗ trú ngụ hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn hoặc làm vị phân chia cháo hoặc làm vị phân chia trái cây hoặc làm vị phân chia thức ăn khô hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *dukkaṭa*.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài

nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị phê phán (hội chúng) đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi rằng: ‘Lợi ích gì với việc cho đến vị ấy? Thậm chí khi nhận được rồi (vị ấy) sẽ phí phạm, sẽ không bảo quản đúng đắn;’ vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vị Dabba là thứ mười một.

--ooOoo--

6. 8. 12. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THUYẾT PHỤC DÂNG

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, ở thành Sāvattthī có bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng của phùng hội nọ đã được chuẩn bị (thông báo rằng): “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phùng hội ấy, sau khi đến đã nói với phùng hội ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị tỳ khưu này.” - “Thưa các ngài, chúng tôi sẽ không dâng. Bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo.” - “Này các đạo hữu, hội chúng có nhiều thí chủ, hội chúng có nhiều cơ hội. Các vị này sống ở đây nương nhờ vào quý vị, trông ngóng nơi quý vị. Nếu quý vị sẽ không bố thí đến các vị này, giờ còn ai sẽ bố thí cho các vị này? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị tỳ khưu này.”

Khi ấy, trong lúc bị các tỳ khưu nhóm Lục Sư ép buộc phùng hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư rồi dâng vật thực đến hội chúng. Các vị tỳ khưu biết được bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng đã được chuẩn bị mà không biết rằng: “(Y) đã được dâng đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư,” các vị ấy đã nói như vậy: - “Này các đạo hữu, hãy công hiến y đến hội chúng.” - “Thưa các ngài, không có y như đã

chuẩn bị; các ngài đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dân cho các ngài đại đức nhóm Lục Sư.”

2. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dân cho cá nhân?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng vẫn thuyết phục dân cho cá nhân, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dân cho cá nhân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng vẫn thuyết phục dân cho cá nhân thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác nói cho vị ấy, hoặc là vị kia nói.

Dành riêng cho hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và được phẩm trị bệnh, ngay cả cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Đã được khẳng định nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: ‘Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm.’ Vị thuyết phục dâng vật ấy cho cá nhân thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã được khẳng định, có sự hoài nghi, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội *dukkat a*. Khi đã được khẳng định, (lầm) tưởng là chưa được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì vô tội.

Khi đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác hoặc bảo tháp thì phạm tội *dukkat a*. Khi đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân thì phạm tội *dukkat a*. Khi đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp thì phạm tội *dukkat a*.

Khi chưa được khẳng định, (lầm) tưởng là đã được khẳng định, phạm tội *dukkat a*. Khi chưa được khẳng định, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Khi chưa được

khăng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội.

Trong khi được hỏi rằng: ‘Chúng tôi dâng nơi nào?’ vị nói rằng: ‘Nơi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị được hoan hỷ thì hãy dâng nơi đó,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc thuyết phục dâng là thứ mười hai.

Phẩm (Nói) Theo Pháp là thứ tám.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Theo Pháp, và sự chê bai, sự giả vờ ngu dốt, cú đánh, việc dứ tay dọa đánh, không có nguyên cớ, cố ý, và sự nghe lén, việc ngăn cản, và sự tùy thuận, vị Dabba, và việc thuyết phục dâng.

--ooOoo--

6. 9. PHẨM ĐỨC VUA

6. 9. 1. ĐIỀU HỌC VỀ HẬU CUNG CỦA ĐỨC VUA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã ra lệnh cho người giữ công viên rằng: - “Này khanh, hãy đi và làm sạch sẽ công viên. Chúng ta sẽ đi đến công viên.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Rồi người giữ công viên nghe lệnh đức vua Pasenadi xứ Kosala, trong lúc làm sạch sẽ công viên đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã tâu với đức vua Pasenadi xứ Kosala điều này: - “Tâu bệ hạ, công viên đã được sạch sẽ. Tuy nhiên, đức Thế Tôn đang ngồi ở đó.” - “Này khanh, hãy vậy đi. Chúng ta sẽ thăm viếng đức Thế Tôn.”

2. Sau đó, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã đi đến công viên và đã đi đến gần đức Thế Tôn. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đang ngồi thăm viếng đức Thế Tôn. Đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy nam cư sĩ ấy đang ngồi thăm viếng đức Thế Tôn, sau khi nhìn thấy đã hoảng sợ đứng lại. Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Theo như việc người đàn ông này thăm viếng đức Thế Tôn thì không phải là kẻ ác” nên đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, nam cư sĩ ấy do

sự tôn kính đức Thế Tôn đã không cúi lạy đức vua Pasenadi xứ Kosala cũng không đứng dậy chào. Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã không được hài lòng (nghĩ rằng): “Tại sao người đàn ông này lại không cúi lạy cũng không đứng dậy chào khi ta đi đến?” Khi ấy, đức Thế Tôn nhận biết đức vua Pasenadi xứ Kosala không được hài lòng nên đã nói với đức vua Pasenadi xứ Kosala điều này: - “Tâu đại vương, vị nam cư sĩ này là vị nghe nhiều, kinh điển đã được truyền thừa, đã lìa khỏi tham ái trong các dục.”

3. Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Nam cư sĩ này quả không phải là thấp thỏi. Đức Thế Tôn còn khen ngợi người này” rồi đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: - “Này nam cư sĩ, khanh có thể nói lên điều có lợi ích.” - “Tâu bệ hạ, rất đúng.” Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

4. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala đang ngự ở tầng trên của tòa lâu đài. Đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy nam cư sĩ ấy tay cầm dù đang đi ở trên đường, sau khi nhìn thấy đã ra lệnh mời đến rồi đã

nói điều này: - “Này nam cư sĩ, nghe nói khanh nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa. Này nam cư sĩ, tốt thay khanh hãy nói Pháp cho các cung phi của trăm.” - “Tâu bệ hạ, điều thần biết được là cũng nhờ vào các ngài đại đức. Chính các ngài đại đức sẽ nói Pháp cho các cung phi của bệ hạ.” Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala (nghĩ rằng): “Nam cư sĩ đã nói đúng” nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy chỉ thị một vị tỳ khưu là vị sẽ nói Pháp cho các cung phi của trăm.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, —nt— cho đức vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài Pháp thoại. —nt— hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, như thế thì ngươi hãy nói Pháp cho các cung phi của đức vua.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi vào lần này lần khác và đã nói Pháp cho các cung phi của đức vua. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Ānanda đã mặc y, rồi cầm y bát đi đến chỗ ngụ của đức vua Pasenadi xứ Kosala. Vào lúc bấy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala đang nằm cùng với hoàng hậu Mallikā. Hoàng hậu Mallikā đã nhìn thấy đại đức Ānanda từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã vội vàng đứng lên. Tắm vải choàng màu vàng của hoàng hậu đã rơi xuống. Khi ấy, đại đức

Ānanda ngay tại chỗ đó đã quay lại, đi trở về tu viện, và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

6. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Ānanda khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua?” —nt— “Này Ānanda, nghe nói người khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này Ānanda, vì sao người khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua vậy? Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

7. Này các tỳ khuru, đây là mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Thế nào là mười? Này các tỳ khuru, trường hợp đức vua đang nằm với hoàng hậu. Vị tỳ khuru đi vào nơi ấy. Hoặc là khi nhìn thấy vị tỳ khuru hoàng hậu nở nụ cười, hoặc là khi nhìn thấy hoàng hậu vị tỳ khuru nở nụ cười. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vậy: “Rõ ràng giữa những người này đã xảy ra chuyện, hoặc họ sẽ làm ra chuyện.” Này các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ nhất trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, đức vua có nhiều phận sự có nhiều công việc cần phải làm, sau khi đi đến với người đàn bà nào đó rồi không nhớ. Do việc

ấy, cô ấy mang thai. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vậy: “Ở đây, không có người nào khác đi vào ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Đây các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ nhì trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua có vật báu nào đó bị mất trộm. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vậy: “Ở đây, không có người nào khác đi vào ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Đây các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ ba trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua các chuyện nội vụ đang được giữ kín lại bị tiết lộ ra bên ngoài. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vậy: “Ở đây, không có người nào khác đi vào ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Đây các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ tư trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua, hoặc là con âm mưu giết cha hoặc là cha âm mưu giết con. Họ khởi ý như vậy: “Ở đây, không có người nào khác đi vào ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Đây các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ năm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vị thấp lên địa vị cao. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vậy: “Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Này các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ sáu trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vị cao xuống địa vị thấp. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vậy: “Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Này các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ bảy trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, đức vua điều động quân đội không đúng thời. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vậy: “Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Này các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ tám trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, đức vua điều động quân đội đúng thời, giữa đường lại quay trở về. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vậy: “Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?” Này các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ chín trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, hậu cung của đức vua là đông đúc với những voi, đông đúc với những

ngựa, đông đúc với những xe, các sắc thính hương vị xúc đều gọi lên sự đắm nhiễm không thích hợp cho vị xuất gia. Nay các tỳ khuru, đây là điều nguy hiểm thứ mười trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Nay các tỳ khuru, đây là mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Ānanda bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, về sự khó khăn trong việc ăn uống, —nt— Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào khi chưa được báo tin trước mà vượt qua ngưỡng cửa (phòng ngủ) của đức vua dòng Sát-đế-ly đã được đội lên vương miện trong lúc đức vua chưa đi khỏi trong lúc vật báu (hoàng hậu) chưa lui ra thì phạm tội pācittiya.”

9. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Dòng Sát-đế-ly nghĩa là hậu duệ thuần khiết được khéo sanh ra từ cả hai bên là từ dòng bên mẹ và từ dòng bên cha cho đến bảy thế hệ tổ tiên, không bị gièm pha, không bị chỉ trích khi nói về nguồn gốc.

Đã được đội lên vương miện: đã được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-ly.

Trong lúc đức vua chưa đi khỏi: đức vua chưa ra khỏi phòng ngủ.

Trong lúc vật báu (hoàng hậu) chưa lui ra: hoàng hậu chưa ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai chưa ra khỏi.

Chưa được báo tin trước: chưa được thỉnh mời (đi vào).

Ngưỡng cửa nghĩa là ngạch cửa của phòng ngủ được đề cập đến.

Phòng ngủ nghĩa là bất cứ nơi nào được quy định là chỗ nằm của đức vua, thậm chí chỉ được bao quanh bằng khung màn che.

Vượt qua ngưỡng cửa: vị vượt qua ngạch cửa bước thứ nhất thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa được báo tin, nhận biết là chưa được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa được báo tin, (lầm) tưởng là đã được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã được báo tin, (lầm) tưởng là chưa được báo tin, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội.

Khi đã được báo tin, (đức vua) không phải là dòng Sát-đế-ly, chưa được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-ly, hoặc là đức vua đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc là hoàng hậu đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai đã ra khỏi phòng ngủ, không phải ở trong phòng ngủ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về hậu cung của đức vua là thứ nhất.

--ooOoo--

6. 9. 2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT QUÝ GIÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ tắm ở dòng sông Aciravatī. Có người Bà-la-môn nọ sau khi bỏ xuống trên bờ túi xách có năm trăm (đồng tiền) rồi cũng đã tắm ở dòng sông Aciravatī, sau đó đã quên lưng rồi ra đi. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Túi xách này là của người Bà-la-môn ấy, chớ để bị mất cắp ở chỗ này” rồi đã giữ lấy. Sau đó, người Bà-la-môn ấy sau khi nhớ ra đã vội vã chạy trở lại và đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này ông, vậy ông có nhìn thấy túi xách của tôi không?” - “Này Bà-la-môn, đây này,” rồi đã trao cho. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: “Bằng phương kế gì để ta khỏi phải biếu vị tỳ khuru này một bình bát đây?” (nên đã nói rằng): - “Này ông, của tôi không phải là năm trăm, của tôi là một ngàn,” sau khi giữ (vị tỳ khuru) lại rồi đã thả ra.

2. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại nhặt lấy vật quý giá?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người nhặt lấy vật quý giá, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại nhặt lấy vật quý giá vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức

tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvattthī có lễ hội. Dân chúng chung diện trang điểm đi đến công viên. Bà Visākhā mẹ của Migāra cũng chung diện trang điểm (nghĩ rằng): “Ta sẽ đi đến công viên.” Sau khi đi ra khỏi làng (nghĩ rằng): “Ta sẽ làm gì sau khi đi đến công viên? Hay là ta nên thăm viếng đức Thế Tôn?” rồi đã tháo ra đồ trang sức, dùng thừng y buộc lại thành gói rồi trao cho người tớ gái (nói rằng): - “Này em, hãy cầm lấy gói đồ này.” Sau đó, bà Visākhā mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā mẹ của Migāra đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Visākhā mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Khi ấy, cô tớ gái ấy đã quên lửng gói đồ ấy và ra đi. Các tỳ khuru đã nhìn thấy rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, như thế thì các người hãy nhặt lấy và để riêng ra.”

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ rồi để riêng ra (nghĩ rằng): ‘Là của ai, người ấy sẽ đem đi.’ Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội pācittiya ngoại trừ ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, trong xứ Kāsī có ngôi làng là nơi thương mại của gia chủ Anāthapiṇḍika. Và vị gia chủ ấy đã dặn dò viên quản lý rằng: “Nếu các ngài đại đức đi đến, người có thể dọn bữa ăn.” Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru trong khi đi du hành ở xứ Kāsī đã đi đến ngôi làng là nơi thương mại của gia chủ Anāthapiṇḍika. Người đàn ông ấy đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp các vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã đánh lễ các vị tỳ khuru ấy và đã nói điều này: - “Thưa các ngài, xin các ngài đại đức hãy nhận lời bữa ăn của gia chủ vào ngày mai.” Các vị tỳ khuru ấy đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, khi trải qua đêm ấy người đàn ông ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi cho

người thông báo thời giờ. Vị ấy sau khi tháo ra chiếc nhẫn đeo ngón tay rồi đã dâng bữa ăn đến các vị tỳ khuru ấy (nói rằng): - “Các ngài đại đức sau khi thọ thực xin cứ việc ra đi. Tôi cũng sẽ đi làm công việc.” Rồi đã quên lưng chiếc nhẫn đeo ngón tay và ra đi. Các vị tỳ khuru sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “Nếu chúng ta đi, chiếc nhẫn đeo ngón tay này sẽ bị mất trộm” nên đã ngồi lại ngay tại chỗ ấy. Sau đó, người đàn ông ấy khi xong công việc quay trở lại đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy nên đã nói điều này: - “Thưa các ngài, tại sao các ngài đại đức ngồi lại ngay tại chỗ này?” Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho người đàn ông ấy, rồi sau khi đi đến thành Sāvattthī đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ rồi để riêng ra (nghĩ rằng): ‘Là của ai, người ấy sẽ đem đi.’ Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội pācittiya ngoại trừ trong khuôn viên tu viện hoặc trong khuôn viên chỗ ngụ. Vị tỳ khuru sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ nên để riêng ra (nghĩ rằng): ‘Là của ai,

người ấy sẽ đem đi.’ Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.”

7. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật quý giá nghĩa là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc pha lê, ngọc xa-cừ, đá quý, ngọc san hô, vàng, bạc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo.

Vật được xem là quý giá nghĩa là vật gì được dân chúng ưa chuộng và bảo quản, vật này gọi là vật được xem là quý giá.

Ngoại trừ trong khuôn viên tu viện hoặc trong khuôn viên chỗ ngụ: trừ ra khuôn viên tu viện (và) khuôn viên chỗ ngụ.

Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đối với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với tu viện không được rào lại.

Khuôn viên chỗ ngụ nghĩa là bên trong chỗ ngụ đối với chỗ ngụ đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với chỗ ngụ không được rào lại.

Nhặt lấy: tự mình nhặt lấy thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo nhặt lấy: bảo người khác nhặt lấy thì phạm tội *pācittiya*.

8. Vị tỳ khuru sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ nên để riêng ra: Sau khi ghi nhận hình dáng hoặc đặc điểm rồi để riêng ra và nên thông báo rằng: “Ai có vật bị mất, người ấy hãy đi đến.” Nếu có người đi đến nơi ấy, thì nên nói với người ấy rằng: “Này đạo hữu, đồ vật của đạo hữu như thế nào?” Nếu mô tả đúng hình dáng hoặc đặc điểm thì nên trao cho. Nếu không mô tả đúng thì nên nói rằng: “Này đạo hữu, hãy tìm kiếm.” Vị sắp sửa rời khỏi trú xứ ấy, nên trao lại tận tay của những vị tỳ khuru thích hợp ở tại nơi ấy rồi ra đi. Nếu không có những vị tỳ khuru thích hợp, nên trao lại tận tay của những vị gia chủ thích hợp ở tại nơi ấy rồi ra đi.

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Vị sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ rồi để riêng ra (nghĩ rằng): ‘Là của ai, người ấy sẽ đem đi,’ vị lấy vật được xem là quý giá theo lối thân thiết, vị lấy trong một thời hạn, vị nghĩ là vật quăng bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về vật quý giá là thứ nhì.

--ooOoo--

6. 9. 3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC VÀO LÀNG LÚC SÁI THỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi vào làng lúc sái thời rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhằm nhí liên quan đến nhiều vấn đề như là: chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện binh lính, chuyện kinh dị, chuyện chiến trường, chuyện thức ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường xá, chuyện về chỗ có hũ (của cải chôn giấu), chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán về thế gian, chuyện tiên đoán về biển cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi vào làng lúc sái thời rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhằm nhí liên quan đến nhiều vấn đề như là: chuyện đức vua, —nt— chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy giống như các người tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đi vào làng lúc sái thời rồi ngồi

ở đám đông nói chuyện nhằm nhí liên quan đến nhiều vấn đề như là: chuyện đức vua, —nt— chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đi vào làng lúc sái thời rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhằm nhí liên quan đến nhiều vấn đề như là: chuyện đức vua, —nt— chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đi vào làng lúc sái thời rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhằm nhí liên quan đến nhiều vấn đề như là: chuyện đức vua, —nt— chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào đi vào làng lúc sái thời thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru trong lúc đi đến thành Sāvatthī thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy đã nói điều này: - “Thưa các ngài, xin hãy vào.” Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thời” rồi trong lúc gần

ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã cướp bóc các vị tỳ khuru ấy. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong lúc đi đến thành Sāvattthī thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru ấy đã nói điều này: - *“Thưa ngài, xin hãy vào.”* Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): *“Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thời không thông báo”* rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã cướp bóc vị tỳ khuru ấy. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo vị tỳ khuru hiện diện. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị rắn cắn. Vị tỳ khuru khác (nghĩ rằng): “Ta sẽ mang lại lửa” rồi đi đến làng. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng không thông báo vị tỳ khuru hiện diện” rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, trong trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế ta cho phép đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị tỳ khuru hiện diện. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội pācittiya ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.”

6. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru hiện diện nghĩa là có thể thông báo để đi vào (làng).

Vị tỳ khuru không hiện diện nghĩa là không thể thông báo để đi vào (làng).

Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông (ngày hôm sau).

Đi vào làng: vị vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại thì phạm tội *pācittiya*. Vị đi vào vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại thì phạm tội *pācittiya*.

Ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế: trừ ra trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.

Vào lúc sái thời, nhận biết là vào lúc sái thời, vị đi vào làng không thông báo vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vị đi vào làng không thông báo vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, (lầm) tưởng là vào lúc hợp thời, vị đi vào làng không thông báo vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.

Vào lúc hợp thời, (lầm) tưởng là lúc sái thời, phạm tội *dukkaṭa a*. Vào lúc hợp thời, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Vào lúc hợp thời, nhận biết là lúc hợp thời thì vô tội.

Trong trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế, sau khi thông báo vị tỳ khuru hiện diện rồi đi vào (làng), không có vị tỳ khuru hiện diện rồi đi vào (làng) không có thông báo, vị đi bên trong tu viện, vị đi đến chỗ ngủ của tỳ khuru ni, vị đi đến chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, vị đi trở về, con đường đi ngang qua ngôi làng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về việc vào làng lúc sái thời là thứ ba.

--ooOoo--

6. 9. 4. ĐIỀU HỌC VỀ ỐNG ĐỰNG KIM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đã được người thợ làm đồ sùng nọ thỉnh cầu rằng : “Các ngài đại đức nào có nhu cầu về ống đựng kim, tôi sẽ dâng ống đựng kim.” Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu yêu cầu nhiều ống đựng kim. Những vị có các ống đựng kim nhỏ thì yêu cầu các ống đựng kim lớn. Những vị có các ống đựng kim lớn thì yêu cầu các ống đựng kim nhỏ. Khi ấy, trong lúc làm nhiều ống đựng kim cho các tỳ khưu, người thợ làm đồ sùng ấy không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim? Người này trong lúc làm nhiều ống đựng kim cho các vị này không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở.

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống

đựng kim?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng thì (ống đựng kim ấy) nên được đập vỡ và phạm tội pācittiya.”

3. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Xương nghĩa là bất cứ loại xương gì.

Ngà nghĩa là ngà voi được đề cập đến.

Sừng nghĩa là bất cứ loại sừng gì.

Bảo làm: Vị (tự) làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do sự đạt được thì nên đập vỡ rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭ a*. Được làm bởi người khác, vị nhận được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Trong trường hợp hột nút, đồ đánh lửa, cái khóa thắt lưng, hộp đựng thuốc cao, que bôi thuốc cao, cán dao cạo, đồ gặt nước,¹ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về ống đựng kim là thứ tư.

¹ Một số vật dụng trên được đề cập ở *Cullavagga 2 - Tiểu Phẩm 2*, TTPV tập 07: khóa thắt lưng (*vīṭ ha*, tr. 93), hộp đựng thuốc cao (*añjanī*, tr. 91), que bôi thuốc cao (*añjanisālākā*, tr. 91), đồ gặt nước (*udakapuñchanī*, tr. 55).

--ooOoo--

6. 9. 5. ĐIỀU HỌC VỀ GIƯỜNG NẪM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya nằm giường cao. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị tỳ khuru đã đi đến trú xá của đại đức Upananda con trai dòng Sakya. Đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin hãy đi đến. Xin đức Thế Tôn hãy nhìn xem cái giường của con.” Khi ấy, đức Thế Tôn ngay tại chỗ ấy đã quay lại và bảo các vị tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, kẻ rõ đại cần được chỉ bảo về chỗ nằm.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Upananda con trai dòng Sakya bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong lúc cho thực hiện giường hoặc ghế mới, vị tỳ khuru nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức

Thiện Thệ¹ ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới. Nếu vượt quá mức ấy thì nên cắt bớt và phạm tội pācittiya."

Mới nghĩa là có liên quan đến việc làm (giường hoặc ghế) được đề cập.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được.

Trong lúc cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm.

¹ *Sugataṇṇ gulena*: theo ngón tay của đức Thiện Thệ. Theo từ điển của Childers, *aṇṇ gula* là bề rộng của ngón tay, tương đương 1 *inch* = 2,54 cm; vậy 8 *aṇṇ gula* = 2,54 x 8 = 20,32 cm. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết chiều dài của 8 *aṇṇ gula* vào khoảng 16,6 cm; đó là nói về chân giường (*pāḍakam*). Tuy nhiên, do câu sau: "*ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới*" nên chân giường được tính từ dưới đất lên phần bên dưới mỗi nối của thanh ngang và chân giường, hay nói cách khác 8 *aṇṇ gula* chính là khoảng hở giữa mặt đất và thanh ngang của khung giường. Hiểu theo cách này thì chỗ nằm cách mặt đất bao nhiêu cũng không được xác định rõ, có thể là 40 cm hoặc 50 cm tùy theo bề rộng của thanh ngang (độ cao như vậy xét ra cũng hợp lý). Nếu tính ngón tay của đức Thiện Thệ có chiều dài gấp ba lần ngón tay của người bình thường thì giường nằm có vẻ hơi cao (tối thiểu là 70 cm nếu tính thanh ngang của giường có bề rộng là 20 cm).

Nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức Thiện Thệ ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới: trừ ra phần khung giường ở bên dưới. Vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị làm theo kích thước, vị làm thấp hơn, do người khác làm quá kích thước sau khi đạt được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về giường nằm là thứ năm.

--ooOoo--

6. 9. 6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỘN BÔNG GÒN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cho thực hiện giường ghé độn bông gòn. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho thực hiện giường ghé độn bông gòn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại cho thực hiện giường ghé độn bông gòn?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người cho thực hiện giường ghé độn bông gòn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại cho thực hiện giường ghé độn bông gòn vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào bảo thực hiện giường ghé độn bông gòn thì (bông gòn) nên được móc ra và phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghé nghĩa là có bốn loại ghé: ghé lắp ráp, ghé xếp, ghé chân cong, ghé có chân tháo rời được.

Bông gòn nghĩa là có ba loại bông gòn: bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.

Bảo thực hiện: vị (tự) làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên móc ra rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Trong trường hợp vị làm đồ bằng bó, dây buộc lưng, dây đeo vai, túi đựng bát, đồ lọc nước, gối kê; sau khi đạt được (giường ghế) do người khác làm thì móc ra rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về độn bông gòn là thứ sáu.

--ooOoo--

6. 9. 7. ĐIỀU HỌC VỀ TẮM LÓT NGÔI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tắm lót ngôi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các tỳ khuru. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Tắm lót ngôi đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đã sử dụng các tắm lót ngôi không theo kích thước. Các vị treo ở phía trước và phía sau của giường và của ghế. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại sử dụng các tắm lót ngôi không theo kích thước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người sử dụng các tắm lót ngôi không theo kích thước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại sử dụng các tắm lót ngôi không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong lúc cho thực hiện tắm lót ngôi, vị tỳ khuru nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì (tắm lót ngôi) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi có thân hình to lớn. Vị ấy khi sắp đặt tấm lót ngồi ở phía trước đức Thế Tôn cứ kéo căng ra khắp các phía rồi mới ngồi xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Udāyi điều này: - “Này Udāyi, vì sao sau khi sắp đặt tấm lót ngồi người cứ kéo căng ra khắp các phía giống như là căng ra tấm da bị nhăn vậy?” - “Bạch ngài, như thế là vì tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các tỳ khuru thì quá nhỏ.” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đường viền của tấm lót ngồi là một gang. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trong lúc cho thực hiện tấm lót ngồi, vị tỳ khuru nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì (tấm lót ngồi) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya.”

3. **Tấm lót ngồi** nghĩa là vật có đường viền được nói đến.

Trong lúc cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức

Thiện Thệ.¹ Vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa*.

Vị làm theo kích thước, vị làm nhỏ hơn, sau khi đạt được (tắm lót ngồi) do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng, vị làm mái che hoặc thảm trải

¹ Gang tay của đức Thiện Thệ (*sugatavidatthi*): Với những kích thước của tấm lót ngồi, y đắp ghế, và y tắm mưa, độ dài gang tay của đức Thiện Thệ nên lấy số đo là 25 cm, tức là độ dài gang tay của người nam bậc trung thay vì gấp ba lần (xem thêm điều *saṇṇi ghādisesa* thứ sáu về làm cốc liêu). Như thế, kích thước các cạnh của tấm lót ngồi căn bản không đường viền sẽ là 50 cm x 37,5 cm, và đức Phật cho phép thêm vào đường viền 25 cm. Chúng tôi nghĩ là đường viền sẽ bao bọc cả bốn cạnh; tuy nhiên khi đọc lời trình bày về tấm lót ngồi có kèm theo hình vẽ của ngài Mahāsaṃmaṇa Chao trong tài liệu *Vinayamukha* thì vấn đề xem ra phức tạp hơn nhiều, quý vị nên tìm đọc để suy nghiệm.

nền hoặc tấm vách chắn hoặc nệm hoặc gối kê, vị bị
điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về tấm lót ngồi là thứ bảy.

--ooOoo--

6. 9. 8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẤP GHẺ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, y đắp ghe đã được đức Thế Tôn cho phép đến các tỳ khuru. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Y đắp ghe đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đã sử dụng các y đắp ghe không theo kích thước. Các vị trong lúc để lòng thông ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại sử dụng các y đắp ghe không theo kích thước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người sử dụng các y đắp ghe không theo kích thước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại sử dụng các y đắp ghe không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong lúc cho thực hiện y đắp ghe, vị tỳ khuru nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì (y đắp ghe) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya.”

2. **Y đắp ghê** nghĩa là nhằm mục đích băng bó cho vị có ghê hoặc ung nhọt hoặc vết thương hoặc bệnh lở loét ở phía dưới lỗ rún và ở phía trên đầu gối.

Trong lúc cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ (1m x 0,5 m). Vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭ a*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị làm theo kích thước, vị làm nhỏ hơn, sau khi đạt được (y đắp ghê) do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng, vị làm mái che hoặc thảm trải nền hoặc tấm vách chắn hoặc nệm hoặc gối kê, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về y đắp ghe là thứ tám.

--ooOoo--

6. 9. 9. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các tỳ khuru. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đã sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước. Các vị trong lúc để lòng thông ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trong lúc cho thực hiện vải choàng tắm mưa, vị tỳ khuru nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì (vải choàng tắm mưa) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya.”

Vải choàng tắm mưa nghĩa là nhằm nhu cầu của bốn tháng mùa mưa.

Trong lúc cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ (1,50 m x 0,625 m). Vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa* a. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị làm theo kích thước, vị làm nhỏ hơn, sau khi đạt được (vải choàng tắm mưa) do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng, vị làm mái che hoặc thảm trải nền hoặc tấm vách chắn hoặc nệm hoặc gối kê, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học về vải choàng tắm mưa là thứ chín.

--ooOoo--

6. 9. 10. ĐIỀU HỌC VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Nanda con trai người dì của đức Thế Tôn là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, và thấp hơn đức Thế Tôn bốn ngón tay. Vị ấy mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ. Các tỳ khuru trưởng lão đã nhìn thấy đại đức Nanda từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đi đến” rồi đã rời chỗ ngồi đứng dậy. Các vị ấy sau khi nhận ra người đã đi đến liền phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Nanda lại mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ?” —nt— “Này Nanda, nghe nói người mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này Nanda, vì sao người lại mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ vậy? Này Nanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào cho thực hiện y có kích thước y của đức Thiện Thệ hoặc rộng hơn thì (y ấy) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya. Trong trường hợp này, kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệ là chiều dài chín gang tay, chiều rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Đây là kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệ.”

2. Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Kích thước y của đức Thiện Thệ nghĩa là chiều dài chín gang tay, chiều rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ.

Cho thực hiện: vị (tự) làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị (tự) làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị làm nhỏ hơn, sau khi đạt được (y) do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng, vị làm mái che hoặc thảm trải nền hoặc tấm vách chắn hoặc nệm hoặc gối kê, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học về trưởng lão Nanda là thứ mười.

Phẩm Đức Vua là thứ chín.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Của đức vua, và vật quý giá, vị hiện diện, kim may, và (chân) giường, (độn) bông gòn, tấm lót ngồi, và (y đắp) ghế, (choàng tắm) thuộc mùa mưa, và (y) đức Thiện Thệ.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM

Nói dối, thảo mộc, và giáo giới, vật thực, và đạo sĩ lỏa thể, (uống) rượu, có sinh vật, (nói) theo Pháp, với phẩm đức vua, chúng gồm có chín phẩm.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức, chín mươi hai điều *pācittiya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Phần Nhỏ Nhặt đã được đầy đủ.

--ooOoo--

7. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

Bạch chư đại đức, bốn điều *pāṭ idesanīya* này được đưa ra đọc tụng.

7. 1. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ sau khi đi khát thực ở trong thành Sāvattthī đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vị tỳ khưu nọ và đã nói điều này: - “Này ngài đại đức, hãy nhận lãnh vật thực.” - “Này sư tỷ, tốt lắm!” Rồi đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vị ni ấy đã không thể đi khát thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vào ngày thứ nhì—nt— vào ngày thứ ba, vị tỳ khưu ni ấy sau khi đi khát thực ở trong thành Sāvattthī đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy và đã nói điều này: - “Này ngài đại đức, hãy nhận lãnh vật thực.” - “Này sư tỷ, tốt lắm!” Rồi đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vị ni ấy đã không thể đi khát thực nên bữa ăn đã bị lỡ.

2. Sau đó vào ngày thứ tư, vị tỳ khưu ni ấy run lập cập đi trên đường. Người gia chủ đại phú đang đi xe ngược chiều đã nói với vị tỳ khưu ni ấy điều này: - “Này ni sư, hãy tránh ra.” Vị ni ấy trong lúc bước xuống đã bị té ngã ngay tại chỗ ấy. Người gia chủ đại phú đã xin lỗi vị tỳ khưu ni ấy: - “Thưa ni sư, xin hãy thứ lỗi. Ni sư đã

bị tôi làm té ngã.” - “Này gia chủ, không phải ta đã bị người làm té ngã mà chính vì ta đây đuối sức.” - “Thưa ni sư, vì sao ni sư đuối sức?” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho người gia chủ đại phú. Người gia chủ đại phú ấy đã đưa vị tỳ khuru ni ấy về nhà, dâng thức ăn, rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại nhận lãnh vật thực từ tay của tỳ khuru ni? Là người nữ có lợi lộc khó khăn!”

3. Các tỳ khuru đã nghe được người gia chủ đại phú phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru lại nhận lãnh vật thực từ tay của tỳ khuru ni?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người nhận lãnh vật thực từ tay của tỳ khuru ni, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” - “Này tỳ khuru, là nữ thân quyến của người hay không phải là nữ thân quyến?” - “Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.” - “Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao người lại nhận lãnh vật thực từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

4. **Vị nào:** là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Người nữ) không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Xóm nhà nghĩa là con đường có xe cộ, ngõ cụt, giao lộ, căn nhà.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận thì phạm tội *dukkaṭa* a. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭidesanīya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị tỳ tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của vị ni đã đi vào xóm nhà rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị tỳ tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của vị ni đã đi vào xóm nhà rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*. Không phải là nữ thân quyến, (lầm) tưởng là nữ thân quyến, vị tỳ tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của vị ni đã đi vào xóm nhà rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*.

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa* a. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi nhận lãnh từ tay của vị ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Nữ thân quyến, (lầm) tưởng không phải là nữ thân quyến, phạm tội *dukkaṭa* a. Nữ thân quyến, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Từ vị (tỳ khuru ni) là nữ thân quyến, (vị ni) bảo (người khác) trao cho chứ không tự trao cho, (vị ni) sau khi để xuống rồi cho, ở trong tu viện, ở chỗ trú ngụ của các tỳ khuru ni, ở chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, khi đi trở về, (vị ni) mang từ làng về rồi cho, (vị ni) cho vật

dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời (nói rằng): ‘Hãy thọ dụng khi có duyên có,’ từ cô ni tu tập sự, từ sa di ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học *pāṭidesanīya* thứ nhất.

--ooOoo--

7. 2. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu được thỉnh mời đang thọ thực ở các gia đình. Các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đứng hướng dẫn sự phục vụ đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nói rằng): - “Hãy dâng xúp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này.” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo như ý thích. Các tỳ khưu khác thọ thực không được như ý. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư không ngăn cản các tỳ khưu ni đang hướng dẫn sự phục vụ?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người không ngăn cản các tỳ khưu ni đang hướng dẫn sự phục vụ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại không ngăn cản các tỳ khưu ni đang hướng dẫn sự phục vụ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp các tỳ khưu được thỉnh mời thọ thực ở các gia đình. Nếu tại nơi ấy có vị tỳ khưu ni đứng hướng dẫn sự phục vụ (nói rằng): ‘Hãy dâng xúp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này.’ Vị tỳ khưu ni ấy nên bị từ chối bởi các tỳ khưu ấy (nói rằng): ‘Này sư tử, hãy lui ra cho đến khi nào các tỳ khưu thọ thực xong.’ Nếu không một vị tỳ khưu nào lên tiếng để từ chối

tỳ khuru ni ấy (nói rằng): ‘Này sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các tỳ khuru thọ thực xong’ thì các tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, chúng tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; chúng tôi xin thú nhận tội ấy.’”

2. Trường hợp các tỳ khuru được thỉnh mời thọ thực ở các gia đình: Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Được thỉnh mời thọ thực: được thỉnh mời thọ thực loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực.

Tỳ khuru ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

(Vị ni) đang hướng dẫn sự phục vụ nghĩa là (nói rằng): ‘Hãy dâng xúp ở đây, hãy dâng com ở chỗ này’ thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thầy dạy học; điều này gọi là (vị ni) đang hướng dẫn sự phục vụ.

Bởi các tỳ khuru ấy: bởi các vị tỳ khuru đang thọ thực.

Vị tỳ khuru ni ấy: là vị tỳ khuru ni đang hướng dẫn sự phục vụ. Các tỳ khuru ấy nên từ chối vị tỳ khuru ni ấy (nói rằng): ‘Này sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các tỳ khuru thọ thực xong.’ Nếu không một vị tỳ khuru nào từ

chối, vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi nhận lãnh thì phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị không ngăn cản vị ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị không ngăn cản vị ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm tưởng) là chưa tu lên bậc trên, vị không ngăn cản vị ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*.

Vị không ngăn cản vị ni tu lên bậc trên từ một hội chúng đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm tưởng) là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội.

(Vị tỳ khưu ni) bảo (người khác) dâng chó không tự dâng bữa ăn của bản thân, (vị ni) tự dâng chó không bảo dâng bữa ăn của những người khác, (vị ni) bảo dâng vật chưa được dâng, (vị ni) bảo dâng nơi nào chưa được dâng, (vị ni) bảo dâng đồng đều cho tất cả, cô ni tu tập sự hướng dẫn sự phục vụ, vị sa di ni hướng dẫn sự phục vụ, trừ ra năm loại vật thực còn tất cả (các thức khác) không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học *pāṭidesanīya* thứ nhì.

--ooOoo--

7. 3. ĐIỀU HỌC PĀṬIDESANĪYA THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvattthī có gia đình nọ cả hai (vợ chồng) đều mộ đạo, tăng trưởng về đức tin, và dứt bỏ về của cải. Ở trong gia đình ấy, khi có vật thực cứng hoặc vật thực mềm gì phát sanh trước bữa ăn, họ đều phân phát tất cả vật thực ấy đến các vị tỳ khuru, đôi lúc họ không còn gì (để ăn). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Những người này sau khi bố thí cho các vị này đôi lúc không còn gì (để ăn).” Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, (trường hợp) gia đình nào tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải, ta cho phép ban cho sự công nhận là bậc hữu học đến gia đình có hiện trạng như thế bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:*

3. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Gia đình tên (như vậy) tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên*

ban cho sự công nhận là bậc hữu học đến gia đình tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Gia đình tên (như vậy) tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải. Hội chúng ban cho sự công nhận là bậc hữu học đến gia đình tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho sự công nhận là bậc hữu học đến gia đình tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự công nhận là bậc hữu học đã được hội chúng ban cho đến gia đình tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học, vị tỳ khuru nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvattthī có lễ hội. Dân chúng thỉnh mời các tỳ khuru rồi dâng vật thực. Gia đình

ấy cũng đã thỉnh mời các tỳ khuru. Các tỳ khuru trong lúc ngần ngại không nhận lời (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học rồi nhai hoặc ăn.” Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Có điều gì với cuộc sống của chúng tôi khiến các ngài đại đức không thọ lãnh của chúng tôi?” Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, với vị đã được thỉnh mời ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học rồi nhai hoặc ăn. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học, vị tỳ khuru nào không được thỉnh mời trước, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, có tỳ khuru nọ là vị thường lui tới với gia đình ấy. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khuru ấy đã mặc y, rồi cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khuru ấy bị bệnh. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Thưa ngài, xin hãy thọ thực.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán vị không được thỉnh mời tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học rồi nhai hoặc ăn,” trong lúc ngần ngại đã không thọ lãnh và đã không thể đi khát thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi về tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, với vị tỳ khuru bị bệnh ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học rồi nhai hoặc ăn. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học, vị tỳ khuru nào không được thỉnh mời trước, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

8. Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học: Gia đình đã được công nhận là bậc hữu học nghĩa là gia đình nào tăng trưởng về đức tin, dứt bỏ về của cải, và sự công nhận là bậc hữu học bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì đã được ban cho gia đình có hiện trạng như thế.

Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học theo hình thức như thế: ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học theo hình thức như vậy.

Không được thỉnh mời nghĩa là không được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi (vị tỳ khuru) đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là không được thỉnh mời.

Được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi (vị tỳ khuru) không đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là được thỉnh mời.

Không bị bệnh nghĩa là có thể đi khát thực.

Bị bệnh nghĩa là không thể đi khát thực.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị không được thỉnh mời, không bị bệnh (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭidesanīya*.

Đã được công nhận là bậc hữu học, nhận biết đã được công nhận là bậc hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*. Đã được công nhận là bậc hữu học, có sự hoài nghi, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*. Đã được công nhận là bậc hữu học, (lầm tưởng) chưa được công nhận là bậc hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭidesanīya*.

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa*.

Chưa được công nhận là bậc hữu học, (lầm tưởng) đã được công nhận là bậc hữu học, phạm tội *dukkatā*. Chưa được công nhận là bậc hữu học, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkatā*. Chưa được công nhận là bậc hữu học, nhận biết chưa được công nhận là bậc hữu học thì vô tội.

Vị đã được thỉnh mời, vị bị bệnh, vị thọ thực phần còn lại của vị đã được thỉnh mời hoặc của vị bị bệnh, vật thực đã được sắp đặt tại nơi ấy là của những người (thí chủ) khác, (gia đình ấy) sau khi đem ra khỏi nhà rồi dâng, bữa ăn thường kỳ, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, (người ấy) dâng vật dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời (nói rằng): ‘Hãy thọ dụng khi có duyên có,’ vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học *pāṭidesanīya* thứ ba.

--ooOoo--

7. 4. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các nô lệ của dòng Sakya nổi loạn. Các người nữ dòng Sakya muốn làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakya đã nghe được rằng: “Nghe nói các người nữ dòng Sakya có ý định làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng.” Chúng đã canh giữ các con đường. Các người nữ dòng Sakya đã mang thực phẩm thượng hạng loại cứng loại mềm đi đến chỗ trú ngụ ở trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakya đã xuất hiện, cướp bóc, và làm nhục các người nữ dòng Sakya. Những người dòng Sakya đã xuất hiện bắt giữ bọn cướp cùng với các đồ đạc rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức không thông báo về bọn cướp đang ẩn náu trong tu viện?” Các tỳ khưu đã nghe được những người dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai. —nt— Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, —nt— nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, vị tỳ khuru nào trong khi đang sống ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, rồi nhai hoặc ăn, thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ ở những chỗ trú ngụ trong rừng bị bệnh. Dân chúng mang vật thực cứng vật thực mềm đi đến chỗ trú ngụ trong rừng. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Thưa ngài, xin hãy thọ thực.” Khi ấy, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở những chỗ trú ngụ trong rừng rồi nhai hoặc ăn,” trong lúc ngần ngại đã không nhận lãnh, và đã không thể đi khát thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, với vị tỳ khuru bị bệnh ta cho phép sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở những chỗ trú ngụ*

trong rừng rồi nhai hoặc ăn. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, vị tỳ khuru nào trong khi đang sống ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, không bị bệnh rồi nhai hoặc ăn thì vị tỳ khuru ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

5. Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng: Ở trong rừng nghĩa là chỗ trú ngụ cách (căn nhà) cuối cùng khoảng cách 500 cây cung.¹

Có sự nguy hiểm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

¹ Sách *The Buddhist Monastic Code* cho biết khoảng cách của 500 cây cung độ chừng 1 km.

Vị nào: là bất cứ vị nào —nt—

Tỳ khuru: —nt— Vị này là ‘vị tỳ khuru’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế: ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy.

Chưa được báo tin nghĩa là đã được báo tin đến năm hạng (người đồng đạo);¹ điều này gọi là chưa được báo tin. Đã được báo tin (ở các nơi khác) ngoại trừ tu viện hoặc vùng phụ cận tu viện; điều này gọi là chưa được báo tin.

6. **Đã được báo tin** nghĩa là bất cứ người nữ nào hoặc người nam nào đi đến tu viện và vùng phụ cận tu viện rồi thông báo rằng: “Thưa ngài, sẽ mang lại vật thực cứng hoặc vật thực mềm của người tên (như vậy).” Nếu có sự nguy hiểm, nên nói rằng: “Có sự nguy hiểm.” Nếu có sự kinh hoàng, nên nói rằng: “Có sự kinh hoàng.” Nếu (người ấy) nói lại rằng: “Thưa ngài, hãy vậy đi. Sẽ được mang lại” thì nên nói với bọn trộm cướp rằng: “Dân chúng đi đến nơi đây, hãy lui ra.” Khi đã được báo tin liên quan đến cháo, vật phụ thuộc của cháo được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến bữa ăn, vật phụ thuộc của bữa ăn được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã

¹ Năm hạng người đồng đạo là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni.

được báo tin liên quan đến vật thực cứng, vật phụ thuộc của vật thực cứng được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến gia đình, người nào trong gia đình ấy mang lại vật thực cứng hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến ngôi làng, người nào trong ngôi làng ấy mang lại vật thực cứng hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến phường hội, người nào trong phường hội ấy mang lại vật thực cứng hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin.

7. **Vật thực cứng** nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) com, súp, bánh, cá, thịt.

Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đối với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với tu viện không được rào lại.

Không bị bệnh nghĩa là có thể đi khát thực.

Bị bệnh nghĩa là không thể đi khát thực.

(Vật thực) chưa được báo tin, vị không bị bệnh (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận thì phạm tội

dukkat a. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*.

Khi chưa được báo tin, nhận biết là chưa được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*. Khi chưa được báo tin, (lầm) tưởng là đã được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *pāṭ idesaṇīya*.

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkat a.* Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkat a.*

Khi đã được báo tin, (lầm) tưởng là chưa được báo tin, phạm tội *dukkat a.* Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a.* Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội.

Khi đã được báo tin, vị bị bệnh, vị thọ thực phần còn lại trong trường hợp đã được báo tin hoặc của vị bị bệnh, vị thọ lãnh ở bên ngoài tu viện rồi thọ thực ở bên trong tu viện, vị thọ thực rễ cây hoặc vỏ cây hoặc lá cây hoặc bông hoa hoặc trái cây sanh trưởng tại nơi ấy, vị thọ

dùng vật dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời khi có duyên có, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học *pāṭ idesaṇīya* thứ tư.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Với vị ni không phải là thân quyến, hướng dẫn sự phục vụ, (gia đình) bậc hữu học, và với vị ở trong rừng, là bốn điều pāṭ idesaṇīya đã được giảng rõ bởi đấng Toàn Giác.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức, bốn điều *pāṭ idesaṇīya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều *Pāṭ idesaṇīya*.

--ooOoo--

8. CHƯƠNG SEKHIYA

Bạch chư đại đức, các pháp *sekhiyā*¹ này được đưa ra đọc tụng.

8. 1. 1.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư quán y (nội)² để lòng thông phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại quán y (nội) để lòng thông phía trước và phía sau giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại quán y (nội) để lòng thông phía trước và phía sau?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi nói Pháp thoại đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru nhóm Lục Sư rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các người quán y (nội) để lòng thông phía trước và phía sau,

¹ *Sekhiya*: (vị lai phân từ thụ động, ngữ căn √*sikkh*): cần được học tập, nên được rèn luyện.

² Động từ *nivāseti* áp dụng cho *antaravāsaka* (y nội) nên được dịch là “quán y (nội).”

có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây những kẻ rồ dại, vì sao các người lại quần y (nội) để lòng thông phía trước và phía sau vậy? Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và đây các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ quần y (nội) tròn đều’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên quần y (nội) cho tròn đều với việc che kín vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị nào quần y (nội) để lòng thông ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 1. 2.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào

lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trùm y (vai trái)¹ để lòng thông phía trước và phía sau. —nt—

“Ta sẽ trùm y (vai trái) tròn đều’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên trùm y (vai trái) cho tròn đều sau khi đã làm bằng nhau cả hai mép y. Vị nào trùm y (vai trái) để lòng thông ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 1. 3.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Mặc y che kín đáo, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.”

¹ Động từ *pārūpātī* áp dụng cho *uttarāsāṅga* (thượng y, y vai trái) nên được dịch là “trùm y (vai trái).”

2. Vị mặc che kín đáo (mới) nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 1. 4.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“*Mặc y che kín đáo, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Vị mặc y che kín đáo (mới) nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 1. 5.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Khéo thu thúc, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.

2. Vị khéo thu thúc (mới) nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 1. 6.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“*Khéo thu thúc, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Vị khéo thu thúc (mới) nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 1. 7.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“*Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống thấy khoảng cách bằng cái cày.¹ Vị nào nhìn chỗ này chỗ nọ

¹ Nghĩa là nhìn phía trước ở mặt đất khoảng cách 4 *hattha*, khoảng 2 mét (VinA. iv, 891).

khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 1. 8.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống thấy khoảng cách bằng cái cày. Vị nào nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 1. 9.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 1. 10.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Tròn Đều là thứ nhất.

--ooOoo--

8. 2. 1.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang. Vị nào cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong

những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 2. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cười tiếng cười lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang. Vị nào cười tiếng cười lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 2. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư gây tiếng động ồn tiếng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ”¹ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động ồn tiếng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

¹ *Appasaddo*: dịch sát nghĩa là “ít tiếng động, tiếng động nhỏ.” Chú Giải cho ví dụ về tiếng động nhỏ như sau: “Trong căn nhà dài 6 mét có ba vị trưởng lão ngồi, một vị ngồi đầu này, một vị ngồi giữa, một vị ngồi đuôi cuối (như vậy vị ngồi giữa cách đều hai vị kia một khoảng cách là 3 mét). Khi vị thứ nhất nói nhỏ nhẹ thì vị ngồi ở giữa nghe và xác định được nội dung, còn vị kia ngồi cách 6 mét nghe tiếng nói nhưng không xác định được nội dung. Cho đến như vậy là tiếng động nhỏ. Trái lại, nếu vị trưởng lão thứ ba xác định được nội dung thì gọi là tiếng động lớn” (VinA. iv, 891).

8. 2. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư gây tiếng động ồn tiếng động lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động ồn tiếng động lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 2. 5.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân; trong khi đang đưa thân hình —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đang đưa thân’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân. Nên giữ thân ngay thẳng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà

với sự lắc lư thân; trong khi đứng đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 2. 6.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân; trong khi đứng đưa thân hình —nt—

“*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự đứng đưa thân’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân. Nên giữ thân ngay thẳng rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân; trong khi đứng đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 2. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay; trong khi đứng đưa cánh tay —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đứng đưa cánh tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay; trong khi đứng đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 2. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay; trong khi đứng đưa cánh tay —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự đứng đưa cánh tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi

xóm nhà có sự lắ lư cánh tay; trong khi đưng đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭ a*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 2. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu; trong khi đưng đưa cái đầu —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu. Nên giữ đầu ngay thẳng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu; trong khi đưng đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭ a*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo-

8. 2. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu; trong khi đưng đưa cái đầu —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu. Nên giữ đầu ngay thẳng rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắ lư đầu; trong khi đưng đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Cười Vang là thứ nhì.

--ooOoo--

8. 3. 1.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào

lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không chống nạnh đi ở nơi xóm nhà ’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 3. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà ’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 3. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trù y luôn cả đầu rồi đi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không trù y lại đi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Vị trù y đầu lại không nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào trù y luôn cả đầu rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 3. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trù y luôn cả đầu rồi ngồi ở nơi xóm nhà. —nt—

“Ta sẽ không trùm đầu lại ngồi ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Vị trùm đầu lại không nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào trùm y luôn cả đầu rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 3. 5.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. —nt—

“Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 3. 6.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối. —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối bằng tay hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 3. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang như là có ý muốn đồ bỏ. —nt—

“Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang¹ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang như là có ý muốn đồ bỏ do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 3. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này chỗ nọ khi thọ lãnh đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi luôn cả trong lúc làm tràn ra ngoài các vị đều không hay biết. —nt—

“Chú tâm ở bình bát, ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này chỗ nọ khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

¹ *sakkaccan ti satim upaṭ ṭ hapetvā*: nghiêm trang là sau khi thiết lập niệm (VinA. iv, 891).

3. Không cố ý, —nt—vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 3. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư, trong khi thọ lãnh đồ khất thực, thọ lãnh quá nhiều xúp. —nt—

“Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực với lượng xúp tương xứng’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. **Xúp** nghĩa là có hai loại xúp: xúp đậu *mugga* và xúp đậu *māsa* là nên được mang đi bằng tay. Nên thọ lãnh đồ khất thực với lượng xúp tương xứng. Vị nào thọ lãnh quá nhiều xúp do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi (xúp) có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vị, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 3. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên. —nt—

“*Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực vừa ngang miệng (bình bát)’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực vừa ngang miệng (bình bát). Vị nào thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Chống Nạnh là thứ ba.

--ooOoo--

8. 4. 1.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang như là không có ý muốn ăn. —nt—

“Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang như là không có ý muốn ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 4. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nhìn chỗ này chỗ nọ khi thọ dụng đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi lẫn trong lúc làm tràn ra ngoài các vị đều không hay biết. —nt—

“Chú tâm ở bình bát, ta sẽ thọ dụng đồ khất thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên thọ dụng đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này chỗ nọ khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 4. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lựa chọn chỗ này chỗ kia rồi thọ dụng đồ khất thực. —nt—

“Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực theo tuần tự’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên thọ dụng đồ khất thực theo tuần tự. Vị nào lựa chọn chỗ này chỗ kia khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị lựa chọn trong lúc bố thí đến những vị khác, vị lựa chọn trong lúc bỏ sang vật đựng khác, (khi lấy ra) các món đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 4. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư, trong lúc thọ dụng đồ khất thực, thọ dụng quá nhiều xúp. —nt—

“Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực với lượng xúp tương xứng’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. **Xúp** nghĩa là có hai loại xúp: xúp đậu *mugga* và xúp đậu *māsa* là nên được mang đi bằng tay. Nên thọ dụng đồ khất thực với lượng xúp tương xứng. Vị nào thọ dụng quá nhiều xúp do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi (xúp) có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vị, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 4. 5.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư vun lên thành đồng rồi thọ dụng đồ khất thực. —nt—

“Ta sẽ không vun lên thành đồng rồi thọ dụng đồ khất thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên vun lên thành đồng rồi thọ dụng đồ khất thực. Vị nào vun lên thành đồng rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phần ít ỏi còn sót lại làm vun lên rồi thọ dụng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 4. 6.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dùng com che lấp xúp và thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. —nt—

“Ta sẽ không dùng com che lấp xúp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên dùng com che lấp xúp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị nào dùng com che lấp xúp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, các thí chủ phủ kín lại rồi bố thí, không có ý muốn được nhiều hơn, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 4. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin

cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không yêu cầu xúp và com vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru bị bệnh. Các tỳ khuru thăm hỏi bệnh tình đã nói với các vị bị bệnh điều này: - “Này các đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này các đại đức, trước đây chúng tôi yêu cầu xúp và com vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.” Các vị tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được yêu cầu xúp và com vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Khi không bị bệnh, ta sẽ không yêu cầu xúp và com vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

4. Vị không bị bệnh không nên yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Vị nào không bị bệnh mà yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 4. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. —nt—

“Ta sẽ không nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi” là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Vị nào nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ cho’ hoặc ‘Ta sẽ bảo (người khác) cho’ rồi

nhìn, vị không có ý định tìm lỗi, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 4. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư làm vắt com lớn. —nt—

“Ta sẽ không làm vắt com quá lớn’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên làm vắt com quá lớn. Vị nào làm vắt com quá lớn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 4. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư làm những nắm com dài rồi thọ thực. —nt—

“Ta sẽ làm năm com tròn đều’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Nên làm năm com tròn đều. Vị nào làm năm com dài do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Nghiêm Trang là thứ tư.

--ooOoo--

8. 5. 1.

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư há miệng ra khi vắt com chưa được đưa đến. —nt—

“Ta sẽ không há miệng ra khi vắt com chưa được đưa đến’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên há miệng ra khi vắt com chưa được đưa đến. Vị nào há miệng ra khi vắt com chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 5. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. —nt—

“Ta sẽ không đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Trong lúc thọ thực, không nên đưa trọn bàn tay vào miệng. Vị nào đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 5. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nói khi miệng có vắt com. —nt—

“Ta sẽ không nói khi miệng có vắt com’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên nói khi miệng có văt com. Vị nào nói khi miệng có văt com do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 5. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục.¹ —nt—

“Ta sẽ không thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục. Vị nào thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

¹ Hợp từ *piṇḍa dukkhepakamaṃ* được dịch sát nghĩa là “sự thầy lên cục (com).” Như vậy theo sự xác định ở phần không phạm tội thì vật thực cứng và các thứ trái cây được phép thầy vào miệng! Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*piṇḍa dukkhepakamaṃ ti piṇḍa dukkhipitvā ukkhipitvā*” (VinA. iv, 893), chúng tôi hiểu sự lặp lại của bất biến động từ *ukkhipitvā* là “đưa lên rồi đưa lên” nên đã ghi lại lời dịch Việt là: “thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục.”

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 5. 5.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực theo lối cắn vắt com từng chút một.¹ —nt—

“*Ta sẽ không thọ thực theo lối cắn vắt com từng chút một’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt com từng chút một. Vị nào thọ thực theo lối cắn vắt com từng chút một do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc

¹ Hợp từ *kaba! āvacchedaka* được dịch sát nghĩa là “sự cắn vắt com làm hai.” Cũng như điều trên, khi xem đến phần không phạm tội với các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, chúng tôi hiểu lời giải thích “*kaba! āvacchedakan ti kaba! aṇṇaṃ avacchindivā avacchindivā*” của ngài Buddhaghosa là “cắn đi cắn lại vắt com,” “cắn vắt com từng chút một,” nói theo cách nôm na là “ăn theo lối nhâm nhi.”

biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 5. 6.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lối làm phồng má (do cơm bị độn vào). —nt—

“Ta sẽ không thọ thực theo lối làm phồng má’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Vị nào làm phồng má một bên hoặc hai bên rồi thọ thực thì phạm tội *dukkatā*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 5. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực có sự vung rảy bàn tay.
—nt—

“Ta sẽ không thọ thực có sự vung rảy bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Vị nào thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị vung rảy bàn tay khi rũ bỏ vật dơ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 5. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực có sự làm rơi đồ com.
—nt—

“Ta sẽ không thọ thực có sự làm rơi đồ com’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự làm roi đồ com. Vị nào thọ thực có sự làm roi đồ com do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị làm com bị roi rớt trong lúc rũ bỏ vật dư, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 5. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự le luỗi. —nt—

“Ta sẽ không thọ thực có sự le luỗi’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự le luỗi. Vị nào thọ thực có sự le luỗi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 5. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thọ thực có làm tiếng chếp chếp.
—nt—

“Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng chếp chếp’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có làm tiếng chếp chếp. Vị nào thọ thực có làm tiếng chếp chếp do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Vắt Cơm là thứ năm.

--ooOoo--

8. 6. 1.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, món nước sữa được chuẩn bị cho hội chúng bởi người Bà-la-môn

nọ. Các vị tỳ khuru uống sữa làm tiếng kêu sột sột. Có vị tỳ khuru nọ trước kia là kịch sĩ đã nói như vậy: - “Tôi nghĩ rằng toàn thể hội chúng này bị lạnh.” Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng?” —nt— “Này tỳ khuru, nghe nói người làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này kẻ rồ dại, vì sao người lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên làm trò đùa giỡn liên quan đến đức Phật, hoặc đến Giáo Pháp, hoặc đến Hội Chúng; vị nào làm thì phạm tội *dukkaṭa* a. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách vị tỳ khuru ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng sột sột’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có làm tiếng sột sột. Vị nào thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 6. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực có sự liếm tay. —nt—

“Ta sẽ không thọ thực có sự liếm tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Vị nào thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 6. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực có sự nạo vét bình bát.¹
—nt—

¹ Từ *nillehakaṃ* nghĩa là sự liếm, vét trong ba cụm từ “*hatthanillehakaṃ*, *patta-nillehakaṃ*, *oṭṭha-nillehakaṃ*” liên quan đến tay,

“Ta sẽ không thọ thực có sự nạo vét bình bát’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Vị nào thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phần ít ỏi còn sót lại vét ra ngoài rồi thọ dụng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 6. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực có sự liếm môi. —nt—

“Ta sẽ không thọ thực có sự liếm môi’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Vị nào thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

bình bát, và môi. Sở dĩ chúng tôi không dịch là “liếm bình bát” vì điều ấy không thể thực hiện được nên ghi là “nạo vét.” Nếu vị tỳ khuru thọ thực trong đĩa thì từ “liếm” có thể áp dụng (ND).

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 6. 5.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumāragira, ở rừng Bhesakalā, chỗ vườn nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada các vị tỳ khưu thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các người thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn’ là việc học tập nên được thực hành.”

3. Không nên thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Vị nào thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

4. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị thọ lãnh (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ rửa’ hoặc ‘Ta sẽ bảo (người khác) rửa,’ trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 6. 6.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumāragira, ở rừng Bhesakalā, chỗ vườn nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada các vị tỳ khưu đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà’ là việc học tập nên được thực hành.”

3. Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Vị nào đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

4. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi đã vớt ra (các hột cơm) hoặc sau khi làm như nát hoặc (đổ vào) ở đồ chứa hoặc đem ra bên ngoài rồi đổ bỏ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 6. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại thuyết Pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay rồi không thuyết. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không thuyết Pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay?” Các tỳ khuru đã nghe

được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thuyết Pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay. Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

3. Dù nghĩa là có ba loại dù: dù trắng, dù bằng sậy, dù bằng lá được buộc theo vòng tròn, được buộc bằng các thanh cây dẹp.

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thánh Văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư Thiên có liên quan đến mục đích có liên quan đến Giáo Pháp.

Thuyết: vị thuyết theo câu thì phạm tội *dukkaṭa* a theo mỗi một câu. Vị thuyết theo từ thì phạm tội *dukkaṭa* a theo mỗi một từ.

4. Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 6. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có gậy ở bàn tay. —nt—

“*Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. **Gậy** nghĩa là gậy dài bốn cánh tay của người đàn ông bậc trung (khoảng hai mét), dài hơn không phải là gậy, ngắn hơn không phải là gậy.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 6. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có dao ở bàn tay. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. **Dao** nghĩa là vũ khí có lưỡi một bên, có lưỡi hai bên.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 6. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có vũ khí ở bàn tay. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Vũ khí nghĩa là cây cung, cây nỏ.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Tiếng Sột Sột là thứ sáu.

--ooOoo--

8. 7. 1.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có mang giày. —nt—

“*Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang giày’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang giày. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh hoặc đứng ở trên giày, hoặc (mang giày) đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra (ở gót chân), do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

8. 7. 2.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có mang dép. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang dép’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang dép. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh hoặc đứng ở trên dép, hoặc (mang dép) đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra (ở gót chân), do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

8. 7. 3.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người ở trên xe.
—nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh ở trên xe’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh ở trên xe. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh ở trên xe do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

8. 7. 4.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người đang nằm.
—nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang nằm’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang nằm. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang nằm cho dù ở trên nền đất do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

8. 7. 5.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người ngồi ôm đầu gối. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối” là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối bằng tay hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

8. 7. 6.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người đội khăn ở đầu. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. **Đội khăn ở đầu** nghĩa là sau khi không để lộ ra tóc ở bên trong rồi đội khăn lên.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu. Vị nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo mở tóc ở bên trong ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

8. 7. 7.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp đến người có đầu được trùm lại. —nt—

“Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. **Có đầu được trùm lại** nghĩa là đề cập đến đầu đã được (y) trùm lên.

Không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại. Vì nào thuyết Pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo tháo vật trùm đầu ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

8. 7. 8.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ở nền đất rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. —nt—

“Ta sẽ không ngồi ở nền đất rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên ngồi ở nền đất rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. Vì nào ngồi ở nền đất rồi

thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

8. 7. 9.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

2. - “Này các tỳ khuru, vào thời trước đây ở thành Bārāṇasī cô vợ của người hạng cùng đinh nợ đã mang

thai. Nay các tỳ khuru, khi ấy người vợ hạng cùng đinh ấy đã nói với người chồng hạng cùng đinh ấy điều này: - ‘Này tướng công, thiếp muốn ăn xoài.’ - ‘Không có xoài, không phải mùa xoài.’ - ‘Nếu thiếp không có, thiếp sẽ chết.’ Vào lúc bấy giờ, đức vua có cây xoài ra trái liên tục. Nay các tỳ khuru, sau đó người hạng cùng đinh ấy đã đi đến nơi cây xoài ấy, sau khi đến đã leo lên cây xoài ấy rồi ngồi yên ẩn nấp.

3. Nay các tỳ khuru, khi ấy đức vua đã đi đến cây xoài ấy cùng với viên quan tế tự Bà-la-môn, sau khi đến đã ngồi trên chỗ ngồi cao học thuộc lòng bài chú thuật. Nay các tỳ khuru, khi ấy người hạng cùng đinh đã khởi ý điều này: ‘Cho đến cả đức vua này mà còn sai trái bởi vì đã ngồi trên chỗ ngồi cao mà học thuộc lòng bài chú thuật. Và người Bà-la-môn này là sai trái bởi vì đã ngồi ở chỗ ngồi thấp mà dạy bài chú thuật đến người ngồi trên chỗ ngồi cao. Và ta là sai trái khi ta vì nguyên nhân đàn bà mà lấy trộm xoài của đức vua. Toàn bộ việc này là luân quần!’ rồi đã rơi xuống ngay tại chỗ ấy (nói rằng):

- ‘Cả hai không biết mục đích, cả hai không nhìn thấy Pháp. Vị dạy bài chú thuật, và vị học đều sai trái.’

(Vị Bà-la-môn đáp): - ‘Ta ăn cơm gạo *sālī* có trộn lẫn thịt tinh khiết, do đó ta không thực hành các Pháp. Pháp đã được các bậc Thánh nhân ca ngợi.’

(Người hạng cùng đinh): - ‘Này Bà-la-môn, xấu hổ thay sự đạt được tài sản và sự đạt được danh vọng ấy,

đó là hành vi với sự bị rơi vào đọa xứ hay là có sở hành xử sai trái.

Này vị Bà-la-môn vĩ đại, hãy thoát ra, dẫu cho các chúng sanh khác bị đọa đầy. Ngài chớ thực hành việc phi pháp, vì điều ấy ví như đá làm vỡ chum.'

4. Này các tỳ khuru, ngay từ thời ấy (người) ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi dạy bài chú thuật đến người ngồi trên chỗ ngồi cao đã không làm ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho việc (người) ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao sẽ làm ta hài lòng? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao’ là việc học tập nên được thực hành.”

5. Không nên ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao. Vị nào ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

6. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

8. 7. 10.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đứng thuyết Pháp đến người ngồi. —nt—

“Ta sẽ không đứng thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không nên đứng thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi. Vị nào đứng thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

--ooOoo--

8. 7. 11.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi đang đi phía sau thuyết Pháp đến người đang đi phía trước. —nt—

“Khi đang đi phía sau, ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Trong khi đang đi phía sau không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước. Vị nào trong khi đang đi phía sau thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười một.

--ooOoo--

8. 7. 12.

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong khi đang đi bên đường thuyết Pháp đến người đang đi giữa đường. —nt—

“*Khi đang đi bên đường, ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường’ là việc học tập nên được thực hành.*”

2. Trong khi đang đi bên đường không nên thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường. Vị nào trong khi đang đi bên đường thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười hai.

--ooOoo--

8. 7. 13.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đứng đại tiện và tiểu tiện. —nt—

“Khi không bị bệnh, ta sẽ không đứng đại tiện hoặc tiểu tiện’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Khi không bị bệnh, không nên đứng đại tiện hoặc tiểu tiện. Vị nào không bị bệnh đứng đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkat a*.

3. Không cố ý, —nt— vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười ba.

--ooOoo--

8. 7. 14.

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ trên cỏ cây xanh. —nt—

“Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khắc nhổ trên cỏ cây xanh’ là việc học tập nên được thực hành.”

2. Không bị bệnh, không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khắc nhổ trên cỏ cây xanh. Vị nào không bị bệnh

đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khắc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã thực hiện ở chỗ không có cỏ cây xanh rồi khóa cỏ cây xanh ra che lại, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười bốn.

--ooOoo--

8. 7. 15.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ vào trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ vào trong nước giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ vào trong nước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ vào trong nước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này những kẻ rồ dại, vì sao các người lại đại tiện, tiểu tiện, khắc nhổ

vào trong nước vậy? Nay những kẻ rô đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ vào trong nước’ là việc học tập nên được thực hành.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru bị bệnh ngăn ngại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Nay các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:*

“Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ vào trong nước’ là việc học tập nên được thực hành.”

4. Khi không bị bệnh, không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ vào trong nước. Vị nào không bị bệnh đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong

những lúc có sự cố, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười lăm.

Phẩm Giày Dép là thứ bảy.

--ooOoo--

PHẦN TÓM LƯỢC

(Mặc y) tròn đều, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, với giọng nói nhỏ nhẹ, và luôn cả ba điều về sự đung đưa.

Sự chống nạnh, trùm đầu, luôn cả sự nhón gót, và ôm đầu gối, (thọ lãnh) một cách nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, lượng xúp tương xứng, và vừa ngang miệng (bình bát).

(Thọ dụng) một cách nghiêm trang, và có sự chú tâm ở bình bát, theo tuần tự, với lượng xúp tương xứng, vun lên thành đống, và che lấp, việc yêu cầu, với ý định tìm lỗi.

Không quá lớn, tròn đều, cửa miệng, tron bàn tay, không nói, việc đưa lên (liên tục), việc cắn (từng chút), việc phồng má, việc vung rảy, việc làm rơi đồ cơm.

Và luôn cả sự le lưỡi, tiếng chép chép, với tiếng sột sột, (liếm) bàn tay, (nạo vét) bình bát, và (liếm) môi, (bàn tay) có dính thức ăn, và (nước rửa bình bát) có lẫn cơm.

Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh Pháp đến người có dùi ở bàn tay, y như thế đến người có gậy ở bàn tay, và những người có dao và vũ khí ở bàn tay.

Và luôn cả người mang giày, dép, ở trên xe, và đang nằm, đến người ngồi ôm đầu gối, đầu đội khăn, và được trùm lại.

Nền đất, ở chỗ ngôi thấp, đứng, (đi) phía sau, và (đi) bên đường, vị đứng không nên làm, ở cỏ cây xanh, và vào trong nước.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG ẤY

(Mặc y) tròn đều, cười vang, chống nạnh, và nghiêm trang nữa, vắt com, luôn cả tiếng sột sột, với giày dép là thứ bày.

Bảy mươi lăm điều sekhiya đã được quy định bởi đức Gotama, vị Trời tối cao, bậc có danh vọng, nhằm mục đích học tập cho các đệ tử.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức, các pháp *sekhiyā* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Các điều Sekhiya.

--ooOoo--

9. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư đại đức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng¹ này được đưa ra đọc tụng.

1. Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi, nên áp dụng cách hành xử Luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử Luật khi không diện công, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cớ che lấp.

2. Bạch chư đại đức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Các Pháp Dàn Xếp Tranh Tụng.

--ooOoo--

¹ Xem phần giảng giải chi tiết ở *Cullavagga - Tiểu Phẩm*, TTPV tập 06, chương IV.

Bạch chư đại đức, phần mở đầu đã được đọc tụng, bốn điều *pārājika* đã được đọc tụng, mười ba điều *saṅghādisesa* đã được đọc tụng, hai điều *anīyata* đã được đọc tụng, ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* đã được đọc tụng, chín mươi hai điều *pācittiya* đã được đọc tụng, bốn điều *pāṭidesanīya* đã được đọc tụng, các pháp *sekhiyā* đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bấy nhiêu của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả (chư đại đức) nên học tập các điều học ấy với sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ.”

PHÂN TÍCH GIỚI TỶ KHUU ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--ooOoo--

